

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600305723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 02/01/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 30/7/2024)

TNG

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số: .../SGDCK- QĐ do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp
ngày ... tháng ... năm ...)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại những địa điểm dưới đây từ ngày
...../...../2025.

1. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG

Địa chỉ: Số 434/1, đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 02083.856425

Fax: 02083.852060

Website: <https://tng.vn/>

Email: info@tng.vn

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại: 02473.045688

Website: <https://mbs.com.vn/>

3. PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Đào Đức Thanh

Chức vụ: Người đại diện công bố thông tin

Điện thoại: 02083.856425

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600305723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 02/01/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 30/07/2024)



NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên trái phiếu	: Trái phiếu TNGH2428001
Loại trái phiếu	: Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo một phần bằng tài sản và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết
Mã trái phiếu	: TNG124027
Ngày đáo hạn	: 25/11/2028
Lãi suất	- Lãi suất áp dụng cho 04 (bốn) Kỳ Tính Lãi đầu tiên là: 9,5%/năm - Lãi suất cho các Kỳ Tính Lãi tiếp theo được tính bằng (i) trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau thông thường, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng được công bố trên trang điện tử chính thức của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (mỗi ngân hàng nêu trên gọi riêng là “Ngân Hàng Tham Chiếu” và gọi chung là “Các Ngân Hàng Tham Chiếu”) tại Ngày Xác Định Lãi Suất (“Lãi Suất Tham Chiếu”) cộng với (ii) biên độ 3,5%/năm.
Kỳ trả lãi	: 3 tháng/lần
Mệnh giá	: 100.000 đồng/trái phiếu
Tổng số lượng trái phiếu niêm yết	: 4.000.000 (Bốn triệu) trái phiếu
Tổng giá trị trái phiếu niêm yết (theo mệnh giá)	: 400.000.000.000 (Bốn trăm tỷ) đồng

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH kiểm toán Deloitte Việt Nam

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 15, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : 02473.045688

Website : <https://deloitte.com/>

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH, ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU, TỔ CHỨC QUẢN LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM

Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận
Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại : (024) 7304 5688
Website : <https://mbs.com.vn/>

3. TỔ CHỨC CUNG CẤP CHỨNG THƯ ĐỊNH GIÁ

Chi nhánh Hà Nội – Công ty cổ phần Giám định và Thẩm định tài sản Việt Nam

Địa chỉ: T5 (LK11B*-5) Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, thành phố
Hà Nội

Điện thoại: 0986689038

Website: www.giamdinhthamdinh.vn

4. TỔ CHỨC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM

Công ty Cổ phần Sài Gòn Phát Thịnh Ratings

Địa chỉ: Số 78-80 Lê Văn Thiêm, Khu phố Phú Mỹ Hưng, phường Tân Phong, Quận 7,
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 28 5410 6239

Website: www.saigonratings.com

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	9
1. Rủi ro về kinh tế.....	9
2. Rủi ro về luật pháp.....	13
3. Rủi ro đặc thù ngành.....	14
4. Rủi ro về quản trị công ty	16
5. Rủi ro khác.....	17
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	18
1. Tổ chức niêm yết	18
2. Tổ chức Tư vấn.....	18
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	19
1. Các khái niệm	19
2. Các nhóm từ viết tắt.....	21
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	23
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:	23
2. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	39
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	40
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	52
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối	54
6. Hoạt động kinh doanh.....	58
7. Kết quả hoạt động kinh doanh	77
8. Vị thế của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong ngành	80
9. Chính sách đối với người lao động.....	84
10. Chính sách cổ tức và chính sách vay nợ	87
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	88
12. Thông tin về Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	96
13. Tài sản.....	109
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo.....	111
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	113
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết....	114
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết (nếu có)	116
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	118
1. Mã Trái Phiếu	118

2. Tên Trái Phiếu	118
3. Loại chứng khoán	118
4. Mệnh giá	118
5. Tổng số lượng chứng khoán niêm yết	118
6. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	118
7. Ngày phát hành	118
8. Ngày đáo hạn	118
9. Xếp hạng tín nhiệm	118
10. Kỳ hạn Trái Phiếu	118
11. Lãi Trái Phiếu	119
13. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn	124
14. Phương thức thực hiện quyền	125
15. Mục đích sử dụng vốn thu được từ phát hành trái phiếu	133
16. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết	135
17. Cam kết về tỷ lệ đảm bảo	136
18. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	142
19. Các loại thuế có liên quan	142
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	144
VII. PHỤ LỤC	145

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Quá trình tăng vốn của công ty	27
Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty	52
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của TNG tại ngày chốt 17/03/2025	54
Bảng 4: Danh sách công ty con của TNG tại thời điểm 31/12/2023	55
Bảng 5: Danh sách công ty liên doanh, liên kết của TNG tại ngày 31/12/2023, 31/12/2024 và 31/03/2025	55
Bảng 6: Các đơn vị trực thuộc công ty	58
Bảng 7: Sản lượng sản xuất theo sản phẩm năm 2023 và năm 2024	61
Bảng 8: Doanh thu hợp nhất theo sản phẩm năm 2023*	61
Bảng 9: Doanh thu theo sản phẩm năm 2023 (Công ty mẹ), năm 2024 và Quý I năm 2025	62
Bảng 10: Lợi nhuận hợp nhất theo sản phẩm năm 2023*	63
Bảng 11: Lợi nhuận theo sản phẩm năm 2023 (công ty mẹ), năm 2024 và Quý I năm 2025	63
Bảng 12: Nguyên liệu đầu vào chính của TNG	65
Bảng 13: Danh sách các nhà cung cấp nguyên liệu cho công ty	65
Bảng 14: Phế phẩm TNG thu gom và chuyển giao phế liệu cho đơn vị khác tái chế	66
Bảng 15: Cơ cấu chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố năm 2023 (hợp nhất)*	67
Bảng 16: Cơ cấu chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố năm 2023 (công ty mẹ), năm 2024 và Quý I năm 2025	68
Bảng 17: Cơ cấu chi phí theo hoạt động kinh doanh năm 2023 (công ty mẹ), năm 2024 và Quý I năm 2025	69
Bảng 18: Một số phần mềm ứng dụng tại công ty	71
Bảng 19: Một số hợp đồng đã được ký kết hoặc đang thực hiện	74
Bảng 20: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của năm 2023 (công ty mẹ), năm 2024 và Quý I năm 2025	77
Bảng 21: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty hợp nhất năm 2023*	78
Bảng 22: Các chỉ số tài chính cơ bản của một số doanh nghiệp trong cùng ngành	83
Bảng 23: Cơ cấu lao động của Công ty tại ngày 31/12/2024	84
Bảng 24: Tỷ lệ trả cổ tức trong những năm gần đây	87
Bảng 25: Số năm khấu hao tài sản cố định hữu hình	88
Bảng 26: Thu nhập bình quân của nhân sự TNG	89
Bảng 27: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định của TNG	90
Bảng 28: Tình hình trích lập các quỹ của TNG	90
Bảng 29: Chi tiết các khoản vay ngắn và dài hạn của TNG tại 31/12/2023 (hợp nhất)*	91
Bảng 30: Chi tiết các khoản vay ngắn và dài hạn tại ngày 31/12/2023 (Công ty mẹ), 31/12/2024 và 31/03/2025	92
Bảng 31: Chi tiết các khoản phải thu của TNG	93
Bảng 32: Nợ xấu của Tổ Chức Phát Hành (hợp nhất) tại ngày 31/12/2023*	94
Bảng 33: Nợ xấu của TNG tại ngày 31/12/2023 (Công ty mẹ), 31/12/2024 và 31/03/2025	94
Bảng 34: Chi tiết các khoản phải trả của TNG	94
Bảng 35: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của TNG	95
Bảng 36: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2023	110
Bảng 37: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 31/12/2023	110

Bảng 38: Tình hình tài sản của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024*	110
Bảng 39: Tình hình tài sản của Công ty tại thời điểm ngày 31/03/2025	111
Bảng 40: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của TNG	111
Bảng 41: Tình hình kinh doanh Quý 1 năm 2025 của TNG	113
Bảng 42: Danh sách các hợp đồng thuê đất	114
Bảng 43: Các trái phiếu khác đã phát hành nhưng chưa đến hạn của TNG	116
Bảng 44: Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	133

DANH MỤC BIỂU ĐỒ VÀ HÌNH ẢNH

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2011-2024 (%).....	9
Hình 2: Tốc độ tăng chỉ số lạm phát (CPI) của các năm giai đoạn 2011-2024 (%).....	11
Hình 3: Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	39
Hình 4: Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổ chức Đăng Ký Niêm Yết.....	41
Hình 5: Các sản phẩm may mặc chính.....	59
Hình 6: Hình ảnh về một số máy móc thiết bị của công ty.....	71
Hình 7: Tốc độ tăng CPI bình quân so với năm trước (giai đoạn 2011-2024).....	135

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư nên xem xét cân trọng các nhân tố rủi ro và các nhân tố/sự kiện không chắc chắn được mô tả bên dưới, cùng với các thông tin trong Bản Cáo Bạch này. Hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có thể bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể bởi bất kỳ rủi ro nào trong số đó. Những rủi ro được mô tả dưới đây không phải là những rủi ro duy nhất liên quan đến Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Trái Phiếu. Những rủi ro và những khả năng không chắc chắn khác mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hiện không biết đến, hoặc cho là không quan trọng, cũng có thể ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào Trái Phiếu.

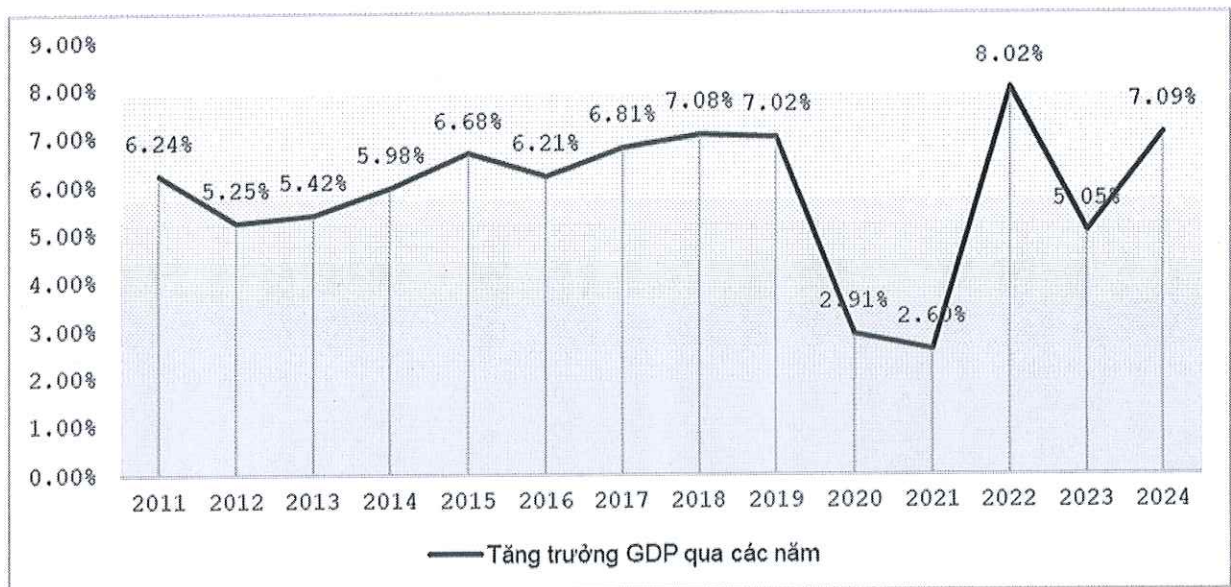
1. Rủi ro về kinh tế

Hoạt động của các doanh nghiệp đều chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các biến động vĩ mô của nền kinh tế với các yếu tố như tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP), chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, chính sách tài khóa và tiền tệ.

1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2011-2024 (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2025 ước tính tăng 6,93% so với cùng kỳ năm trước,

đạt mức tăng cao nhất so với quý I các năm trong giai đoạn 2020-2025.

Năm 2024, các rủi ro tiềm ẩn từ môi trường kinh tế thế giới vẫn còn hiện hữu và tiếp tục tác động tiêu cực lên triển vọng phục hồi tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Tình hình kinh tế vĩ mô có thể chịu ảnh hưởng từ các biến động tiêu cực từ kinh tế thế giới như: xung đột quân sự tiếp tục leo thang, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra ngày càng gay gắt, nhiều quốc gia tăng cường chính sách bảo hộ thương mại, nợ công và thâm hụt ngân sách gia tăng, sự tụt dốc của một số nền kinh tế lớn, chuỗi cung ứng toàn cầu đứt gãy cục bộ đã tác động đến hòa bình, ổn định và tăng trưởng kinh tế thế giới. GDP của Việt Nam ước tính tăng trưởng 7,09%¹ năm 2024 so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt 786,29 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước trong đó xuất khẩu tăng 14,3%; nhập khẩu tăng 16,7%. Kinh tế năm 2024 của Việt Nam đạt được kết quả khá tích cực trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn, xung đột vũ trang giữa Nga và U-crai-na tiếp tục kéo dài, bất ổn chính trị tại Trung Đông; cạnh tranh chiến lược, địa chính trị giữa các nước lớn; thiên tai; dịch bệnh, ...

Ngày 02/04/2025 theo giờ Mỹ, Tổng thống Hoa Kỳ công bố chính sách thuế quan mới, dự kiến áp thuế cơ bản 10% với hàng nhập khẩu từ tất cả các quốc gia từ ngày 05/04/2025 và áp thuế đối ứng theo từng đối tác từ ngày 09/04/2025, trong đó hàng hóa từ Việt Nam chịu thuế 46%. Tuy nhiên, vào ngày 09/04/2025, chính quyền Mỹ đã thông báo hoãn áp dụng các mức thuế đối ứng này trong 90 ngày, trong khi mức thuế cơ bản 10% vẫn được duy trì. Chính sách thuế quan mới của Mỹ, áp dụng mức thuế lên đến 46% đối với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam, đang gây ra những tác động sâu rộng đến nền kinh tế Việt Nam, đặc biệt là ngành dệt may. Ngành dệt may, vốn xuất khẩu hơn 43,5 tỷ USD trong năm 2024 và chiếm khoảng 40% thị phần tại thị trường Mỹ, đang chịu ảnh hưởng nặng nề. Việc áp thuế cao khiến chi phí sản phẩm tăng, giảm sức cạnh tranh và có nguy cơ mất đơn hàng. TNG có tỷ lệ doanh thu từ thị trường Mỹ là 38% năm 2024 sẽ có khả năng phải đối mặt với áp lực lớn về doanh thu và lợi nhuận.

Bên cạnh đó, các quốc gia xuất khẩu dệt may lớn như Bangladesh, Myanmar, Campuchia, Ấn Độ đều đang nằm trong danh sách tăng thuế, dẫn đến mặt bằng giá nhập khẩu nhóm hàng này tăng chung tại Mỹ. Trung Quốc – nhà xuất khẩu dệt may lớn nhất vào Mỹ – đối mặt mức thuế lên đến 125%, sẽ khiến nguồn cung dệt may từ Trung Quốc suy giảm mạnh. Nhu cầu dịch chuyển chuỗi cung ứng ra khỏi Trung Quốc được dự báo sẽ gia tăng, và Việt Nam có

¹ Nguồn: Tổng cục Thống kê tại: <https://datacollection.gso.gov.vn/tong-cuc-thong-ke-hop-bao-cong-bo-so-lieu-thong-ke-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-nuoc-ta-quy-iv-va-ca-nam-2024>

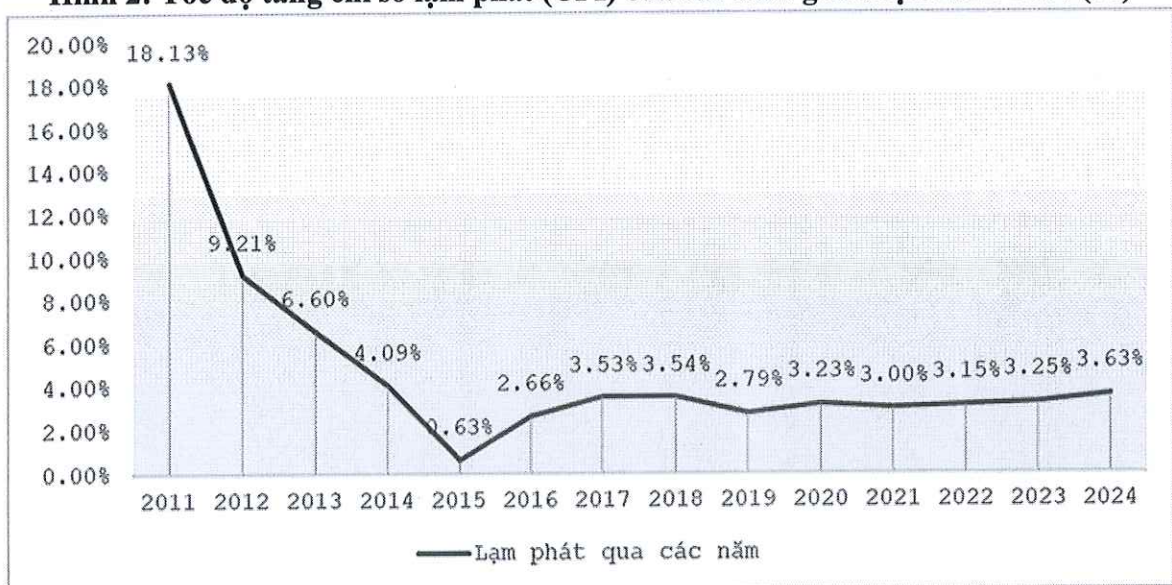
thể là một trong những điểm đến thay thế hấp dẫn nhờ năng lực sản xuất ổn định, chất lượng tốt và nguồn lao động lành nghề. Đây đồng thời là cơ hội và thách thức đối với ngành dệt may Việt Nam nói chung và TNG nói riêng trong trung và dài hạn.

Tóm lại, ngành dệt may là ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, tăng trưởng phụ thuộc nhiều vào kinh tế thế giới và nhu cầu tiêu dùng toàn cầu. Biến động kinh tế như chính sách thuế quan mới của Mỹ, căng thẳng thương mại, chiến tranh và bất ổn địa chính trị đã và đang làm gia tăng rủi ro cho ngành. Đặc biệt, chính sách thuế mới từ Mỹ có thể khiến chi phí xuất khẩu sang thị trường lớn nhất của ngành tăng mạnh, ảnh hưởng đến đơn hàng, lợi nhuận và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Những yếu tố này nằm ngoài khả năng kiểm soát và dự báo của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và có khả năng ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không lường trước được cũng như không thể nhận biết đầy đủ và toàn diện các rủi ro.

1.2 Rủi ro lạm phát

Các rủi ro tài chính của doanh nghiệp thường gắn liền với xu hướng lạm phát trong nền kinh tế. Lạm phát gia tăng sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư tài chính của các doanh nghiệp, ảnh hưởng đến sức mua của người tiêu dùng và gián tiếp tác động tiêu cực đến tỷ suất lợi nhuận của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

Hình 2: Tốc độ tăng chỉ số lạm phát (CPI) của các năm giai đoạn 2011-2024 (%)



Nguồn: Tổng cục thống kê

Trong năm 2024, CPI tăng 3,63% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội thông qua cho năm 2024 ở mức từ 4%-4.5%. Đây là mức lạm phát phù hợp với tình hình kinh tế – xã hội ở trong nước, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, là điểm

sáng trong kết quả phát triển kinh tế của Việt Nam năm 2024.

Trong quý I/2025, thị trường hàng hóa toàn cầu có nhiều biến động do tình hình chính trị, kinh tế, xã hội toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều bất ổn. Xung đột tại U-crai-na và khu vực Trung Đông tiếp tục diễn biến phức tạp. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, sự gia tăng của chủ nghĩa bảo hộ đang tạo ra những thách thức mới cho thương mại toàn cầu. Trong nước, hoạt động sản xuất hàng hóa, dịch vụ duy trì theo hướng tăng trưởng ổn định, bảo đảm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu. CPI bình quân quý I tăng 3,22% so với cùng kỳ năm 2024.

Năm 2025, áp lực lạm phát có thể đến từ một số yếu tố, cụ thể như chính sách thuế quan mới từ Mỹ xung đột quân sự leo thang, cạnh tranh thương mại giữa các nước lớn, hiện tượng thời tiết cực đoan, các thay đổi trong chính sách thuế của Mỹ, ...

Rủi ro về lạm phát giá cả ảnh hưởng tới chi tiêu của toàn nền kinh tế, tác động đến tất cả các ngành nghề kinh doanh nói chung và sản xuất dệt may nói riêng. Lạm phát gia tăng sẽ đẩy giá nguyên vật liệu, chi phí đầu vào của doanh nghiệp tăng. Nếu mức tăng giá của thành phẩm không đủ để bù mức tăng giá của chi phí đầu vào thì tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp sẽ bị giảm tương ứng. Do vậy, tỷ lệ lạm phát cao có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trên nhiều góc độ như chi phí nguyên vật liệu, chi phí vận hành, chính sách giá bán và khả năng cạnh tranh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và các đối thủ cạnh tranh khác trên khắp thế giới.

Tuy nhiên, lạm phát được kiểm soát tốt sẽ hỗ trợ tích cực cho hoạt động kinh doanh sản xuất lâu dài của doanh nghiệp nhưng các biến động về tỷ lệ lạm phát là không thể lường trước được và luôn tiềm ẩn những rủi ro ảnh hưởng trực tiếp đến Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cũng cần theo dõi sát sao tình hình kinh tế vĩ mô và các dự báo thị trường để giảm thiểu rủi ro về giá thông qua điều chỉnh định hướng kinh doanh linh hoạt, phù hợp tình hình.

1.3 Rủi ro về lãi suất

Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Theo Quyết định số 1123/QĐ-NHNN ngày 16/06/2023, Ngân hàng Nhà nước đã quyết định giảm lãi suất tái cấp vốn từ 5% xuống 4,5%/năm, lãi suất tái chiết khấu giảm từ mức 3,5%/năm xuống 3%/năm, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng giảm từ mức 5,5%/năm xuống 5%/năm.

Tính đến tháng 4/2025, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Cụ thể, NHNN đã giảm lãi suất cho vay cầm cố giấy tờ có giá trên thị trường mở (OMO) từ 4,5% xuống 4,25%/năm vào tháng 8/2024, và tiếp tục hạ xuống 4%/năm vào tháng 9/2024. Động thái này phản ánh nỗ lực của NHNN trong việc cung cấp thanh khoản cho hệ thống ngân hàng với chi phí thấp hơn, tạo điều kiện để các tổ chức tín dụng giảm lãi suất cho vay, qua đó thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã có những tín hiệu cắt giảm lãi suất trong năm 2024 và dự kiến tiếp tục cắt giảm lãi suất đến năm 2026, điều này có thể tăng khả năng Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét nới lỏng chính sách tiền tệ. Trong năm 2024 Ngân hàng Nhà nước đã tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành, tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn từ Ngân hàng Nhà nước với chi phí thấp, qua đó có điều kiện để hỗ trợ nền kinh tế.

Doanh thu của TNG chủ yếu đến từ các thị trường xuất khẩu lớn như EU, Mỹ do vậy những biến động về tình hình lãi suất, kinh tế, làm phát của các thị trường này sẽ có tác động đến hoạt động kinh doanh của TNG. Trong nước, mặt bằng lãi suất cho vay giảm, ổn định thị trường ngoại hối tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận vốn, mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng trưởng tín dụng đạt khá.

Để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Yếu tố lãi suất ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch kinh doanh cũng như tác động mạnh đến doanh thu và chi phí hoạt động tài chính. Việc trần lãi suất liên tục được điều chỉnh giảm được xem như một tiền đề thuận lợi cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của TNG. Tuy nhiên trên thực tế, để tiếp cận được nguồn vốn vay với lãi suất hấp dẫn là một vấn đề còn khó khăn đối với TNG nói riêng và các doanh nghiệp nói chung.

2. Rủi ro về luật pháp

Bên cạnh những rủi ro về điều kiện kinh tế vĩ mô, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG còn chịu sự điều chỉnh của khuôn khổ luật pháp trong và ngoài nước. Rủi ro về pháp luật có tính hệ thống, có khả năng gây ảnh hưởng đến ngành và toàn nền kinh tế.

Hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần, TNG chịu sự điều chỉnh của luật doanh nghiệp. Ngoài ra, với việc cổ phiếu của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đang

được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết còn phải tuân thủ theo các quy định của luật chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cùng với các quy định pháp luật liên quan khác.

Bên cạnh đó, TNG phải đáp ứng các yêu cầu của nước nhập khẩu và đặc biệt là yêu cầu của khách hàng về chất lượng của sản phẩm. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết còn chịu sự điều chỉnh của luật pháp liên quan của các nước thị trường xuất khẩu. Điển hình là các chính sách về thuế nhập khẩu, hạn ngạch. Tính đến tháng 4 năm 2025, chính sách thuế quan của Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu (EU) đối với hàng dệt may Việt Nam đã có những thay đổi đáng chú ý, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động xuất khẩu của ngành này. Ngày 2 tháng 4 năm 2025, chính quyền Tổng thống Trump công bố áp dụng mức thuế đối ứng 46% đối với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam, bao gồm cả sản phẩm dệt may. Mức thuế này dự kiến có hiệu lực từ ngày 9 tháng 4 năm 2025. Tuy nhiên, vào ngày 09/04/2025, chính quyền Mỹ đã thông báo hoãn áp dụng các mức thuế đối ứng này trong 90 ngày, trong khi mức thuế cơ bản 10% vẫn được duy trì. Theo Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (EVFTA), EU cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 99% dòng thuế từ Việt Nam trong vòng 7 năm kể từ khi hiệp định có hiệu lực vào ngày 1 tháng 8 năm 2020. Cụ thể, đối với sản phẩm dệt may, EU đã loại bỏ thuế nhập khẩu đối với vải dệt ngay khi hiệp định có hiệu lực, và cam kết xóa bỏ thuế đối với các sản phẩm may mặc trong vòng 7 năm. Tuy nhiên, để được hưởng ưu đãi thuế quan, các sản phẩm dệt may xuất khẩu sang EU phải đáp ứng quy tắc xuất xứ, yêu cầu sử dụng vải sản xuất tại Việt Nam hoặc EU. Ngoài việc phải chủ động tăng nguồn cung, tiêu chuẩn cao hơn từ nguyên liệu đầu vào thì đối thủ cạnh tranh đến từ các nước cũng thuộc khu vực miễn thuế cũng là một mối lo ngại của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Mặc dù được hưởng lợi từ các hiệp định thương mại quốc tế nhưng đó cũng là thách thức lớn đối với ngành dệt may của Việt Nam cũng như đối với TNG. Bất cứ sự thay đổi nào của các quy định pháp luật nói trên cũng có thể tác động đến hoạt động của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Bên cạnh những rủi ro vĩ mô, tình hình hoạt động kinh doanh còn có thể bị ảnh hưởng bởi những yếu tố đặc thù của ngành và của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

3.1 Rủi ro về cạnh tranh

Với những lợi thế sẵn có về ổn định kinh tế - xã hội và đặc biệt là nguồn lao động, Việt Nam là một trong những quốc gia xuất khẩu dệt may lớn nhất thế giới với 4 – 5% thị phần và hiện vẫn đang tăng trưởng nhanh. Trong đó, Hoa Kỳ và EU là hai thị trường lớn nhất. Tuy nhiên, ngành dệt may nước ta vẫn chỉ chủ yếu thực hiện các công đoạn cắt may, gia công, mang lại giá trị gia tăng thấp. TNG nói riêng và các doanh nghiệp dệt may Việt Nam nói chung vẫn

đang chịu sự cạnh tranh rất gay gắt từ các đối thủ từ Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia có trình độ công nghệ và khả năng đáp ứng nhu cầu cao. Áp lực cạnh tranh từ các đối thủ này luôn đòi hỏi Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết phải đảm bảo chất lượng, giá cạnh tranh và tiến độ hợp đồng.

3.2 *Rủi ro về thị trường*

Là một doanh nghiệp xuất khẩu nên mọi biến động của thị trường thế giới có ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Tuy Việt Nam chính thức gia nhập WTO năm 2006, song việc thực hiện lộ trình gia nhập còn cần có thời gian. Hiện tại, Hoa Kỳ và EU là hai thị trường lớn nhất của dệt may Việt Nam chiếm khoảng 60% tổng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng dệt may. Do đó, bên cạnh những thuận lợi Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết vẫn còn chịu một số rủi ro từ việc áp thuế chống bán phá giá, cơ chế giám sát, các rào cản kỹ thuật,... từ các thị trường này. Tính đến tháng 4 năm 2025, ngành dệt may Việt Nam đang đối mặt với nhiều rủi ro tại thị trường Mỹ do chính sách thuế quan mới và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt từ các quốc gia khác. Ngày 9/4/2025, Mỹ chính thức áp dụng mức thuế đối ứng 46% đối với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam, bao gồm cả sản phẩm dệt may. Đây là mức thuế cao chưa từng có, gây áp lực lớn lên các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam. Mặc dù Tổng thống Mỹ đã thông báo tạm dừng áp thuế trong 90 ngày và giảm thuế xuống 10% trong giai đoạn này để tiếp tục đàm phán, nhưng nguy cơ áp dụng mức thuế cao vẫn hiện hữu, ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh và lợi nhuận của các doanh nghiệp dệt may Việt Nam.

Mặc dù kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam tăng trong năm vừa qua, các doanh nghiệp trong ngành dệt may đang phải đối mặt với nhiều thách thức và khó khăn đến từ các thị trường xuất khẩu chính như yêu cầu khắt khe về chất lượng đơn hàng, thời gian giao hàng gấp rút ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất và chi phí; giá nguyên liệu đầu vào tăng cao; cạnh tranh gay gắt từ các quốc gia có chi phí lao động thấp hơn như Bangladesh và Ấn Độ,... Ngoài ra, còn có những đòi hỏi doanh nghiệp phải tuân thủ nhiều chính sách khác của nhãn hàng, như phát triển bền vững, xanh hóa, tiết kiệm năng lượng hay giảm khí thải.

Dưới sự hỗ trợ của Bộ Công thương, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đã chủ động xây dựng những phương án tích cực để phòng ngừa, đối phó như: Ký các đơn hàng giá cao, tham khảo mức giá FOB mà các đơn vị khác trong ngành đã thực hiện hoặc tham khảo tốc độ hàng xuất cùng chủng loại vào các thị trường nhạy cảm.

3.3 *Rủi ro về nguyên vật liệu*

TNG nói riêng và các doanh nghiệp dệt may trong nước nói chung tiếp tục đối mặt với hạn chế lớn của ngành là thiếu nguyên liệu, phụ liệu. Đa phần nguyên phụ liệu phục vụ cho sản

xuất vẫn phải nhập khẩu. Tính đến nay, ngành dệt may mới chỉ nội địa hóa được khoảng gần 50% nguồn nguyên phụ liệu xuất nên giá trị thặng dư của ngành còn thấp. Cụ thể, hiện nay ngành mới chỉ đáp ứng được 2% nhu cầu bông và 1/8 nhu cầu vải. Tuy nhiên, chất lượng lại chưa thể được đảm bảo. Mặc dù tỷ lệ nội địa hóa đang được dần cải thiện nhưng vẫn còn kém xa so với Trung Quốc (95%) và Ấn Độ (90%).

Vì nguồn nguyên vật liệu chính của TNG thường phải nhập khẩu từ nước ngoài (hơn 60%), nên sự biến động về số lượng và giá cả của nguồn cung có thể ảnh hưởng đến hoạt động của TNG. Trong thời gian qua, TNG đã thực hiện các biện pháp để hạn chế các rủi ro này như: mua từ nhiều nhà cung cấp, mua dự trữ.

3.4 Rủi ro tỷ giá

Doanh thu chủ yếu của TNG đến từ hoạt động gia công xuất khẩu các sản phẩm may mặc, nguồn thu này chịu ảnh hưởng lớn của việc biến động tỷ giá hối đoái. Ngoài ra, nguyên vật liệu của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cũng được nhập phần lớn từ các đối tác nước ngoài. Do đó, việc biến động tỷ giá sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cũng như hiệu quả kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

3.5 Rủi ro về nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực là một trong những nguồn đầu vào quan trọng đối với các doanh nghiệp dệt may. TNG xác định việc đảm bảo đủ về số lượng, và chất lượng công nhân là một trong những điều kiện tiên quyết để đảm bảo tăng trưởng doanh thu và uy tín với khách hàng. Do đó, TNG đã thành lập và phát triển Trung tâm đào tạo TNG để đào tạo trực tiếp, đáp ứng phần lớn nhu cầu về nhân lực của TNG. Bên cạnh đó, TNG cũng chú trọng đến những điều kiện phúc lợi cho cán bộ công nhân viên như cung cấp ký túc xá cho công nhân, tài trợ 100% bảo hiểm thân thể, hỗ trợ cán bộ công nhân viên đi lại bằng xe buýt của TNG, và xây dựng các nhà trẻ tại các khu vực có nhà máy của TNG. Công ty xác định đây là một trong những biện pháp hạn chế rủi ro về nhân lực bền vững và lâu dài.

4. Rủi ro về quản trị công ty

Quản trị công ty liên quan đến những biện pháp nội bộ để điều hành và kiểm soát hoạt động công ty trong các mối quan hệ giữa Ban giám đốc, Hội đồng quản trị và các cổ đông của công ty với các bên có quyền lợi liên quan.

Rủi ro quản trị công ty thường xảy ra trong trường hợp xung đột lợi ích giữa các mối quan hệ nêu trên, ảnh hưởng đến mục tiêu vì lợi ích chung, lợi ích của công ty. Xung đột lợi ích được thể hiện ở các vấn đề như giao dịch có nguy cơ tư lợi, lạm dụng tài sản hoặc cơ hội của công ty phục vụ lợi ích riêng và cạnh tranh với công ty. Việc không kiểm soát được các xung đột nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, bí mật kinh doanh và cơ hội kinh doanh của Tổ

Chức Đăng Ký Niêm Yết.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Nếu những rủi ro này xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

DANH MỤC CÁC NHÂN TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Nguyễn Văn Thờ

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Trần Minh Hiếu

Chức vụ: Tổng giám đốc

Bà Trần Thị Thu Hà

Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông Đào Đức Thanh

Chức vụ: Trưởng ban Kiểm toán nội bộ

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức Tư vấn

Đại diện được ủy quyền:

Bà Lê Thị Thu Hiền Chức vụ: Quyền Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư

(Theo Giấy ủy quyền số 59/2022/MBS-UQ ngày 8 tháng 7 năm 2022 của Người đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần Chứng khoán MB).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán MB tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 02B/2023/MBS/IBHN-HĐTV ngày 30 tháng 05 năm 2023 với Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG cung cấp.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

III. CÁC KHÁI NIỆM

1. Các khái niệm

- **“Các Bên Bảo Đảm/Bên Bảo Đảm”**: là tất cả các tổ chức/cá nhân khác sử dụng tài sản của mình làm Tài Sản Bảo Đảm cho Trái Phiếu với điều kiện là việc lựa chọn các tổ chức/cá nhân đó làm Bên Bảo Đảm phải được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm chấp thuận phù hợp với Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu và Các Hợp Đồng Bảo Đảm, và thuật ngữ “Bên Bảo Đảm” có nghĩa là bất kỳ bên nào trong số Các Bên Bảo Đảm. Để làm rõ, Bên Bảo Đảm ban đầu của gói Trái Phiếu là Ông Nguyễn Văn Thời, địa chỉ: Tổ 3, Phường Phan Đình Phùng, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; căn cước công dân số 034058017581 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội cấp ngày 28/09/2021.
- **“Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu” hoặc “Các Điều Kiện Trái Phiếu”**: là các điều khoản, điều kiện của Trái phiếu TNGH2428001, được thông qua tại Quyết định của Chủ tịch HĐQT số 1106.02/QĐ-CTHĐQT ngày 11/06/2024.
- **“Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu”**: là các hình thức mua bán, cho tặng, thừa kế, trao đổi hoặc các hình thức theo quy định của pháp luật làm thay đổi quyền sở hữu trái phiếu.
- **“Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu”**: là cuộc họp của những Người Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm triệu tập cuộc họp đó.
- **“Hợp Đồng Thế Chấp Cổ Phiếu”** có nghĩa là Hợp Đồng Thế Chấp Cổ Phiếu 01/2024/MBS/IBDCM-HĐCCCP ngày 11 tháng 06 năm 2024 giữa Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm và Bên Bảo Đảm.
- **“Kỳ Hạn Trả Lãi” hoặc “Kỳ Tính Lãi”**: có nghĩa là thời hạn 03 (ba) tháng liên tục bắt đầu từ (và bao gồm) Ngày Phát Hành (hoặc Ngày Thanh Toán Lãi) cho tới (nhưng không bao gồm) (i) Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên (hoặc Ngày Thanh Toán Lãi tiếp theo) hoặc (ii) Ngày Mua Lại Trái Phiếu Trước Hạn (tùy trường hợp áp dụng).
- **“Lãi Suất Tham Chiếu”**: là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau thông thường, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng được công bố trên trang điện tử chính thức của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (mỗi ngân hàng nêu trên gọi riêng là **“Ngân Hàng Tham Chiếu”** và gọi chung là **“Các Ngân Hàng Tham Chiếu”**) tại Ngày Xác Định Lãi Suất.
- **“Ngày Làm Việc”**: là bất kỳ ngày nào trừ các ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật, ngày nghỉ lễ, Tết tại Việt Nam và bất kỳ ngày nào đó các ngân hàng tại Việt Nam được phép hoặc bắt buộc đóng cửa theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- **“Ngày Đăng Ký Cuối Cùng” hoặc “Ngày Chốt Danh Sách”:**
 - (i) Ngày Làm Việc thứ 08 (tám) trước mỗi Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn khác liên quan đến Trái Phiếu (tùy trường hợp áp dụng); Sau khi trái phiếu được đăng ký tại VSDC, Ngày Chốt Danh Sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết xác định trên cơ sở phù hợp với quy định của VSDC và pháp luật.
 - (ii) Ngày Làm Việc được quy định tại thông báo của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu nhằm triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu này và Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- **“Ngày Đáo Hạn”:** là ngày tròn 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ Ngày Phát Hành.
- **“Ngày Phát Hành”:** có nghĩa là ngày nộp tiền mua cuối cùng theo thông báo của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.
- **“Ngày Mua Lại Trái Phiếu Trước Hạn”:** có nghĩa là ngày mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mua lại một phần hoặc toàn bộ Trái Phiếu (dù tự nguyện hay bắt buộc) theo các sự kiện mua lại trước hạn quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.
- **“Ngày Thanh Toán Lãi”:** là ngày cuối cùng của mỗi Kỳ Hạn Trả Lãi.
- **“Ngày Xác Định Lãi Suất”** đối với các Kỳ Tính Lãi sau 04 Kỳ Tính Lãi Đầu Tiên là Ngày Làm Việc trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi đó 08 (tám) Ngày Làm Việc.
- **“Nghị Định 155”:** có nghĩa là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán.
- **“Người Sở Hữu Trái Phiếu” hoặc “Nhà Đầu Tư”:** là người mua, hoặc nhận chuyển nhượng quyền sở hữu, hoặc bằng cách khác đối với trái phiếu và trở thành chủ sở hữu trái phiếu, đã được đăng ký và có tên trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu do Đại Lý Đăng Ký Chuyển Nhượng quản lý (trước khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC) hoặc trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được quản lý tập trung tại VSDC (sau khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC).
- **“Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm”:** có nghĩa là bất kỳ tổ chức khác thực hiện công việc quản lý tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết theo Trái phiếu.
- **“Văn Kiện Trái Phiếu”:** có nghĩa là bất kỳ hoặc bao gồm các văn kiện sau đây:
 - (i) Bản Cáo Bạch, Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu (Các Điều Kiện Trái Phiếu);
 - (ii) Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký Chuyển Nhượng;
 - (iii) Các Hợp Đồng Bảo Đảm;

- (iv) Hợp Đồng Người Đại Diện Sở Hữu Trái Phiếu;
- (v) bất kỳ văn kiện, hợp đồng hay thỏa thuận nào khác được ký kết hoặc ban hành sau Ngày Phát Hành có quy định về quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và những Người Sở Hữu Trái Phiếu (cùng các bên khác) đối với các Trái Phiếu và được các bên công nhận (và được những Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu); và
- (vi) bất kỳ văn kiện hay thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của bất kỳ văn kiện, hợp đồng hay thỏa thuận nào nêu trong các đoạn từ (i) đến (v) trên đây.

2. Các nhóm từ viết tắt

BCTC	: Báo cáo tài chính
BGD	: Ban Giám đốc
BKS	: Ban Kiểm soát
BSCI	: Bộ Tiêu chuẩn Đánh giá Tuân thủ Trách nhiệm Xã hội trong Kinh doanh
BTW	: Chứng chỉ BetterWork (Chứng chỉ về Trách nhiệm xã hội)
CAGR	: Tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm (Compound annual growth rate)
CBCNV	: Cán bộ, công nhân viên
CBTT	: Công bố thông tin
CMT	: Phương thức sản xuất ngành dệt may Cut-Make-Trim
Công ty/TNG	: Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
CPTPP	: Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương
DTT	: Doanh thu thuần
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
Điều lệ	: Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
DVT	: Đơn vị tính
ERP	: Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp
EVFTA	: Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu-Việt Nam
FOB	: Phương thức sản xuất ngành dệt may Free-On-Board
FTA	: Hiệp định thương mại tự do
Giấy CNĐKDN	: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
HĐ	: Hợp đồng
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
KD-KHSX	: Kinh doanh - Kế hoạch sản xuất

KD-SX	: Kinh doanh – Sản xuất
KTNB	: Kiểm toán nội bộ
KT-CL-CN	: Kiểm tra - Chất lượng – Công nghệ
MBS	: Công ty cổ phần Chứng khoán MB
ODM	: Nhà sản xuất thiết kế gốc (Original Design Manufacturer)
RCEP	: Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực
SGDCK	: Sở Giao Dịch Chứng Khoán
5S	: Phương pháp quản lý, sắp xếp nơi làm việc
QLCL	: Quản lý chất lượng
QLTB	: Quản lý thiết bị
TSCĐ	: Tài sản cố định
TTCK	: Thị trường chứng khoán
Thuế TNDN	: Thuế Thu nhập doanh nghiệp
TCHC	: Tổ chức hành chính
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VSDC	: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
VITAS	: Hiệp hội dệt may Việt Nam
WAP	: Chứng chỉ Wrap (Chứng chỉ về Trách nhiệm xã hội)
XNK	: Xuất nhập khẩu

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:****1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết**

- Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG
- Tên viết tắt: TNG
- Tên viết bằng tiếng nước ngoài: TNG INVESTMENT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY
- Giấy CNĐKDN: Số 4600305723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 02/01/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 30/07/2024
- Trụ sở chính: 434/1, đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại: 02083 858 508
- Vốn điều lệ và vốn thực góp: 1.226.012.060.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn hai trăm hai mươi sáu tỷ không trăm mười hai triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng)
- Ngành nghề kinh doanh chính: May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) – Mã ngành 1410
- Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Văn Thời – Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Mã cổ phiếu: TNG
- Sàn niêm yết: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

1.2. Quá trình hình thành, phát triển**❖ Giai đoạn 1979 đến 2003: thời kỳ Doanh nghiệp Nhà nước**

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG, tiền thân là Xí nghiệp May Bắc Thái, được thành lập ngày 22/11/1979 theo Quyết định số 488/QĐ-UB của UBND tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên), với số vốn ban đầu là 659,4 nghìn đồng. Xí nghiệp đi vào hoạt động ngày 02/1/1980, với 02 chuyên sản xuất. Sản phẩm của Xí nghiệp là quần áo trẻ em, bảo hộ lao động theo chỉ tiêu kế hoạch của UBND tỉnh.
- Ngày 07/5/1981, theo Quyết định số 124/QĐ-UB của UBND tỉnh Bắc Thái, Xí Nghiệp May Bắc Thái đã sáp nhập Trạm May mặc Gia công vào Xí nghiệp, nâng số vốn của Xí nghiệp lên 843,7 nghìn đồng và năng lực sản xuất của xí nghiệp tăng lên 08 chuyên.
- Thực hiện Nghị định số 388/HĐBT ngày 20/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng về thành lập lại doanh nghiệp nhà nước, Xí nghiệp được thành lập lại theo Quyết định số 708/QĐ-UB ngày 22 tháng 12 năm 1992 của UBND tỉnh Bắc Thái. Theo đó số vốn hoạt động của Công

- ty được nâng lên 577,2 triệu đồng.
- Năm 1992, Xí nghiệp đầu tư 2.733 triệu đồng để đổi mới máy móc thiết bị, mở rộng thị trường tiêu thụ ra các nước EU và Đông Âu, đưa doanh thu tiêu thụ đạt 336 triệu đồng, giải quyết việc làm ổn định, tăng thu nhập cho người lao động.
 - Năm 1997, Xí nghiệp được đổi tên thành Công ty may Thái Nguyên với tổng số vốn kinh doanh là 1.735,1 triệu đồng theo Quyết định số 676/QĐ-UB ngày 04/11/1997 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Cũng trong năm 1997, Công ty liên doanh với Công ty May Đức Giang trực thuộc Tổng Công ty Dệt may Việt Nam thành lập Công ty May Liên doanh Việt Thái với số vốn điều lệ là 300 triệu đồng, năng lực sản xuất là 08 chuyên may.
 - Năm 2000, Công ty là thành thành viên của Hiệp hội Dệt may Việt Nam (Vitas).
- ❖ **Giai đoạn 2003 đến 2007: giai đoạn sau cổ phần hóa, chuẩn bị niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán**
- Ngày 02/01/2003, Công ty chính thức trở thành Công ty cổ phần May Xuất khẩu Thái Nguyên với vốn điều lệ là 10 tỷ đồng theo Quyết định số 3744/QĐ-UB ngày 16/12/2002.
 - Năm 2006, Công ty tăng vốn điều lệ lên trên 18 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 13/08/2006 và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng nhà máy TNG Sông Công với tổng vốn đầu tư là 200 tỷ đồng.
 - Ngày 18/03/2007, Công ty tăng vốn điều lệ lên trên 54,3 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 18/03/2007, phê duyệt chiến lược phát triển Công ty đến năm 2011 và định hướng chiến lược cho các năm tiếp theo.
 - Ngày 17/05/2007, Công ty đã đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
 - Ngày 28/08/2007, Đại hội đồng cổ đông xin ý kiến, biểu quyết bằng văn bản quyết định đổi tên Công ty thành Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.
 - Ngày 14/11/2007, Công ty được Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu. Ngày 22/11/2007, cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG chính thức niêm yết trên HNX với mã giao dịch TNG.
- ❖ **Giai đoạn 2008 đến 2020: giai đoạn phát triển, đầu tư công nghệ và khẳng định thương hiệu**
- Năm 2008, Công ty được Tập đoàn dệt may Việt Nam tặng cờ thi đua.
 - Năm 2009, Công ty được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng II.
 - Tháng 04 năm 2010, Công ty khởi công xây dựng thêm nhà máy TNG Phú Bình với tổng mức đầu tư trên 275 tỷ đồng với 64 chuyên may và thu hút thêm trên 4.000 lao động vào làm việc.

- Ngày 10/12/2010, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán 4.773.775 cổ phiếu ra công chúng nâng vốn điều lệ lên 134,6 tỷ đồng.
 - Ngày 13/06/2011, Giai đoạn 1 nhà máy TNG Phú Bình đi vào hoạt động.
 - Ngày 31/12/2012, Giai đoạn 2 nhà máy TNG Phú Bình đi vào hoạt động.
 - Ngày 28/11/2014, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán 7.156.892 cổ phiếu (Phát hành ra công chúng, ESOP, trả cổ tức bằng cổ phiếu) nâng vốn điều lệ lên 219,42 tỷ đồng.
 - Tháng 2/2015, Giai đoạn 1 nhà máy TNG Đại Từ đi vào hoạt động.
 - Tháng 7/2015, Hoàn thiện đầu tư hệ thống dây chuyền sản xuất bông đi vào hoạt động.
 - Năm 2016: Khánh thành đưa vào hoạt động Trung tâm thiết kế thời trang TNG và văn phòng làm việc của Công ty.
 - Năm 2018: Thành lập Nhà máy TNG Đồng Hỷ với 8 chuyên may.
 - Năm 2019: Khánh thành đưa vào hoạt động Nhà máy TNG Đồng Hỷ với 16 chuyên may.
 - Năm 2020: Nhà máy TNG Võ Nhai triển khai theo mô hình nhà máy xanh; TNG vinh dự đạt chứng nhận Doanh nghiệp Bền vững năm 2020 – lĩnh vực sản xuất.
- ❖ **Giai đoạn 2021-hiện nay: Đạt chứng nhận Doanh nghiệp bền vững năm 3 năm liên tiếp lĩnh vực sản xuất**
- Năm 2021 và năm 2022, TNG vinh dự đạt chứng nhận Doanh nghiệp bền vững – Lĩnh vực sản xuất: TNG ra mắt các sản phẩm, dịch vụ chăm sóc sức khỏe con người, lắp đặt, nâng cấp Nhà máy sử dụng hệ thống điện mặt trời áp mái (chi nhánh Bông và Bao bì), xây dựng Nhà máy xanh đạt chuẩn LOTUS.
 - Trong năm 2021 và năm 2022, TNG là một trong 10 doanh nghiệp có Báo cáo thường niên tốt nhất năm.
 - Ngày 01/02/2022, Công ty thành lập chi nhánh giải pháp công nghệ Tre với dự án Giải pháp quản trị và điều hành thông minh cho ngành may.
 - Tháng 4/2022, phòng Robot TNG được thành lập với đội ngũ kỹ sư tinh nhuệ đã cho ra đời 25 thiết kế với 10 máy móc tự động đã được áp dụng tại nhiều chi nhánh.
 - Tháng 6/2022: Góp vốn thành lập Công ty cổ phần TNG Land, hoạt động về lĩnh vực Bất động sản.
 - Năm 2022, TNG được vinh danh nhiều giải thưởng như: Top 5 doanh nghiệp quản trị tốt nhất năm 2021-2022 do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) trao tặng, Top 10 doanh nghiệp bền vững Việt Nam năm 2022 – lĩnh vực sản xuất do Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam trao tặng, top 10 báo cáo thường niên tốt nhất năm 2022 do Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) bình chọn.

- Năm 2023: doanh thu tiêu thụ đạt 7.095 tỷ đồng, tương đương tăng 4,74% so với cùng kỳ hoàn thành 104% kế hoạch năm 2023. Tháng 5/2023: Thành lập Chi nhánh Công nghệ tự động hóa TOT. Tháng 7/2023: Chuyển nhà máy TNG Việt Thái về cụm công nghiệp Sơn Cẩm với quy mô 32 chuyền may.
- Năm 2024: doanh thu tiêu thụ đạt 7.656 tỷ đồng, tăng 7,9% so với năm 2023, đạt 96,9% kế hoạch đề ra năm 2024. Lợi nhuận sau thuế đạt 314,8 tỷ đồng, tăng 41,6% so với năm 2023, hoàn thành 101,6% kế hoạch đề ra năm 2024.
- Đến nay TNG có 20 chi nhánh (trong đó có 15 chi nhánh dệt thoi, 2 chi nhánh phụ trợ và 2 chi nhánh phần mềm & công nghệ, 1 chi nhánh kiểm định chất lượng) và 3 công ty liên doanh liên kết. Sản phẩm của TNG đã được xuất khẩu sang hơn 54 quốc gia và vùng lãnh thổ. TNG hiện đang sở hữu khối tài sản hơn 5.817 tỷ đồng, được xếp hạng “TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam” và “TOP 10 doanh nghiệp lớn nhất ngành dệt may Việt nam”.

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Công ty chính thức trở thành Công ty Cổ phần May Xuất khẩu Thái Nguyên theo Quyết định số 3744/QĐ-UB ngày 16/12/2002. Ngày 02/01/2003, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Vốn điều lệ của Công ty ban đầu khi cổ phần hóa là 10 tỷ đồng. Từ đó đến nay Công ty đã trải qua các lần tăng vốn như sau:

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Bảng 1: Quá trình tăng vốn của công ty

Nguồn: TNG

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
2006	10.000	8.000	18.000	800.000	- Phát hành 600.000 cổ phiếu thường, tỷ lệ phát hành 10:6 từ nguồn vốn thực hiện là lợi nhuận để lại và các quỹ từ năm 2003 đến 2006. - Phát hành 200.000 cổ phiếu cho đồng hiện hữu.	- Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 13/08/2006 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 28/12/2006 cho công ty
18/03/2007	18.000	36.300	54.300	3.630.000	Phát hành ra công chúng	- Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 18/03/2007 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 16/04/2007 cho công ty
27/01/2010	54.300	32.575,5	86.875,5	3.257.550	- Tạm ứng cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 10:1, số lượng cổ phiếu phát hành thêm là: 542.550 cổ phiếu - Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ thực hiện 2:1	- Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2009 - Ngày 4/1/2010, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 489/UBCK-GCN cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 10/5/2010 cho công ty
10/12/2010	86.875,5	47.737,75	134.613,25	4.773.775	- Phát hành ra công chúng: - Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ thực hiện 2:1	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 25/4/2010 - Ngày 10/12/2010, UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
					- Phát hành 430.000 cổ phiếu chào bán cho cán bộ quản lý trong công ty	cổ phiếu ra công chúng số 759/UBCK-GCN cho Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG chào bán 4.773.775 cổ phiếu ra công chúng, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, trong đó: 4.343.775 cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu; 430.000 cổ phiếu chào bán cho cán bộ quản lý trong công ty - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 23/2/2011 cho công ty
12/06/2014	134.613,25	13.460,9	148.074,15	1.346.090	Chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ thực hiện 10:1	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 13/4/2014 - Nghị quyết HĐQT số 300/NQ-HĐQT ngày 7/5/2014 - Ngày 20/05/2014, công ty được UBCKNN chấp thuận phát hành cổ phiếu để trả cổ tức - Ngày 12/6/2014, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, theo Báo cáo kết quả phát hành số 541/TNG-BC ngày 11/6/2014 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp thay đổi lần thứ 18 ngày 23/6/2014 cho công ty
26/12/2014	148.074,15	14.805,31	162.879,46	1.480.531	Chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	- Nghị quyết HĐQT số 560/NQ-HĐQT ngày 13/4/2014 - 18/12/2014 công ty được UBCKNN chấp thuận phát hành cổ phiếu để trả cổ tức - Ngày 26/12/2014, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (theo báo cáo kết quả phát hành số 800/TNG-BC ngày 23/12/2014) của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 20 ngày 12/1/2015 cho Công ty
09/02/2015	162.879,46	56.546,23	219.425,69	5.654.623	Phát hành cổ phiếu cho người lao động: 718.813 cổ phần Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 3:1, giá 10.000 đồng/cổ phiếu: 4.935.804 cổ phần	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 247/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/4/2014 - Nghị quyết HĐQT số 545/NQ-HĐQT ngày 30/9/2014 - Nghị quyết HĐQT số 532/NQ-HĐQT ngày 4/9/2014 - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 109/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 11 năm 2014 - Ngày 9/2/2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 21 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên ngày 6/3/2015 cho Công ty
20/11/2015	219.425,69	21.939,16	241.364,85	2.193.916	Tam ứng cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 510/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/4/2015 - Nghị quyết HĐQT số 10/NQ-HĐQT ngày 9/9/2015 - Ngày 20/11/2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tạm ứng cổ tức năm 2015 (theo Báo cáo kết quả phát hành số 1703/TNG-BC ngày 16/11/2015) của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG. - Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22 cho công ty với vốn điều lệ là 241.364.850.000 đồng

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
15/01/2016	241.364,85	54.856,42	296.221,27	5.485.642	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ thực hiện 4:1	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 510/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/4/2015 - Nghị quyết HĐQT 10/NQ-HĐQT ngày 9/9/2015 - Nghị quyết HĐQT số 01A/NQ-HĐQT ngày 8/1/2016 - Nghị quyết HĐQT 01/NQ-HĐQT ngày 8/1/2016 - Ngày 23/10/2015, UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 86/GCN-UBCK; - Ngày 15/1/2016, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng năm 2015 (theo Báo cáo kết quả phát hành ngày 7/1/2016) của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG. - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 23 cho công ty với vốn điều lệ là 296.221.270.000 đồng
06/09/2016	296.221,27	46.428,51	342.649,78	4.642.851	- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tỷ lệ 10:1, Số lượng cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu: 2.961.745 cổ phiếu. - Phát hành cổ phiếu cho người lao động 1.481.106 - Phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu của CTCP Thời trang TNG 200.000 cổ phiếu	- Nghị quyết Hội đồng quản trị 05A-TNG-HĐQT ngày 7/6/2016; - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 603/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2016; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 08A-TNG ngày 24/8/2016; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 10A/NQ-HĐQT ngày 22/8/2016; - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 603/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2016; - Nghị quyết Hội đồng quản trị 9A/NQ-HĐQT ngày 14/7/2016; - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 603/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2016;

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						- Ngày 6/9/2016 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức số 9051-TNG ngày 5/9/2016, báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động số 826A-TNG ngày 26/8/2016, Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để hoán đổi với CTCP Thời trang TNG số 9052-TNG ngày 5/9/2016 của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG. - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 24 ngày 30/9/2016 cho Công ty
12/07/2017	342.649,78	68.523,13	411.172,91	6.852.313	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tỷ lệ thực hiện 5:1	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 656C/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018; - Nghị quyết Hội đồng quản trị 03A-TNG ngày 18/05/2017; - Ngày 12/7/2017, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016 số 1607/TNG-CBTT ngày 10/7/2017 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã CK: TNG). Theo đó, CTCP Đầu tư và Thương mại TNG đã phát hành thành công 6.852.313 cổ phiếu. - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 25 ngày 27/07/2017 cho Công ty
03/07/2018	411.172,91	82.228,89	493.401,8	8.222.889	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tỷ lệ thực hiện 5:1	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018; - Nghị quyết Hội đồng quản trị 897/NQ/TNG-HĐQT ngày 10/05/2018;

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						- Ngày 3/7/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 số 1462/CV-TNG ngày 2/7/2018 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã CK: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 8.222.889 cổ phiếu; - Ngày 27/07/2018, sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26 cho công ty với vốn điều lệ là 493.401.800.000 đồng
12/03/2019	493.401,8	24.670,09	518.071,89	2.467.009	Phát hành cổ phiếu cho người lao động 2.467.009 cổ phiếu	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 344/NQHĐQT-TNG ngày 27/02/2019; - Nghị quyết Hội đồng quản trị 70/NQHĐQT-TNG ngày 15/01/2019; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2888/NQHĐQT-TNG ngày 6/12/2018; - Ngày 12/3/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2018 số 426/CV-TNG ngày 07/3/2019 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã chứng khoán: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 2.467.009 cổ phiếu; - Ngày 05/04/2019, sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 27 cho Công ty với vốn điều lệ là 518.071.890.000 đồng.
24/06/2019	518.071,89	103.608,09	621.679,98	10.360.809	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tỷ	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
					lệ thực hiện 5:1	859/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2019; - Nghị quyết Hội đồng quản trị 933/NQ-HĐQT-TNG ngày 03/05/2019; - Ngày 24/6/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã nhận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 1346/CV-TNG ngày 20/6/2019 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã CK: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 10.360.809 cổ phiếu. - Ngày 04/07/2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 28 cho công ty với vốn điều lệ là 621.679.980.000 đồng.
13/12/2019	621.679,98	30.434,78	652.114,76	3.043.478	Phát hành 3.043.478 cổ phiếu bằng TP chuyển đổi, giá 10.000 đồng/cổ phiếu	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018, thành cổ phần phổ thông; - Nghị quyết HĐQT số 2433/NQ-NQ-HĐQT ngày 30/10/2019. - Ngày 13/12/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đợt 1) số 2823CV/TNG ngày 12/12/2019 của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (TNG). Theo đó, TNG đã chuyển đổi thành công 35 trái phiếu thành 3.043.478 cổ phiếu - Ngày 09/01/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 29 cho công ty với vốn điều lệ là 652.114.760.000 đồng
24/07/2020	652.114,76	52.157,84	704.272,6	5.215.784	Chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:8	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 1461/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/5/2020 - Nghị quyết Hội đồng quản trị 1528/NQ-HĐQT ngày 27/5/2020

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
26/08/2020	704.272,6	35.687,45	739.960,05	3.568.745	Phát hành 3.586.745 cổ phiếu từ trái phiếu chuyển đổi, giá 10.648 đồng/cổ phiếu	- Ngày 24/7/2020, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã nhận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 2089/CV-TNG ngày 20/7/2020 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã CK: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 5.215.784 cổ phiếu. - Ngày 11/08/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 30 cho công ty với vốn điều lệ là 704.272.600.000 đồng - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018 - Nghị quyết HĐQT số 2287/2020/NQ-HĐQT ngày 6/8/2020 - Ngày 26/08/2020, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đợt 2) số 2475CV/2020TNG ngày 24/08/2020 của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (TNG). Theo đó, TNG đã chuyển đổi thành công 38 trái phiếu thành 3.568.745 cổ phiếu. - Ngày 30/9/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 31 cho công ty với vốn điều lệ là 739.960.050.000 đồng
10/03/2021	739.960,05	55.409,46	795.369,51	5.540.946	Phát hành 5.540.946 cổ phiếu bằng trái phiếu chuyển đổi, giá 10.648 đồng/cổ phiếu	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018 - Nghị quyết HĐQT số 2287/2020/NQ-HĐQT ngày 6/8/2020; - Ngày 26/07/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đợt 3) số 540 CV/TNG ngày 10/03/2021 và

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						các tài liệu bổ sung của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (TNG). Theo đó, TNG đã chuyển đổi thành công 59 trái phiếu thành 5.540.946 cổ phiếu. - Ngày 13/08/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 32 cho công ty với vốn điều lệ là 795.369.511.000 đồng
13/10/2021	795.369,51	63.618,28	858.987,79	6.361.828	Chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:8	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 1046/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2021; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 3602/2021/NQ-HĐQT ngày 18/08/2021; - Ngày 13/10/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã nhận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 3569/CV-TNG ngày 08/10/2021 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã CK: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 6.361.828 cổ phiếu. - Ngày 27/10/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 33 cho công ty với vốn điều lệ là 858.987.790.000 đồng.
15/11/2021	858.987,79	68.000	926.987,79	6.800.000	Phát hành 6.800.000 cổ phiếu bằng trái phiếu chuyển đổi, giá 10.000 đồng/cổ phiếu	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018; - Nghị quyết HĐQT số 021121/NQ-HĐQT ngày 02/11/2021; - Ngày 30/11/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đợt 4) số 3966/CV-TNG ngày 23/11/2021 và các tài liệu bổ sung của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (TNG). Theo đó, TNG đã chuyển đổi thành công 68

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						trái phiếu thành 6.800.000 cổ phiếu. - Ngày 10/12/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 34 cho công ty với vốn điều lệ là 926.987.790.000 đồng
03/06/2022	926.987,79	74.133,72	1.001.121,51	7.413.372	Phát hành 7.413.372 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1022/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2022; - Nghị quyết số 1069/NQ-HĐQT ngày 27/04/2022 về việc triển khai Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. - Công văn số 2834/UBCK-QLCB ngày 17/05/2022 về việc phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2021; - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức số 1590/CV-TNG ngày 08/06/2022 của TNG; - Công văn số 3876/UBCK-QLCB ngày 21/06/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả trả cổ tức bằng cổ phiếu; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600305723 đăng ký thay đổi lần thứ 35 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 28/06/2022
13/09/2022	1.001.121,51	50.056,07	1.051.177,58	5.005.607	Phát hành cổ phiếu cho người lao động: 5.005.607 cổ phiếu	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 1022/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2022; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1855/NQ-HĐQT ngày 11/07/2022; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2020/NQ-HĐQT ngày 01/08/2022; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2323/NQ-HĐQT ngày 05/09/2022;

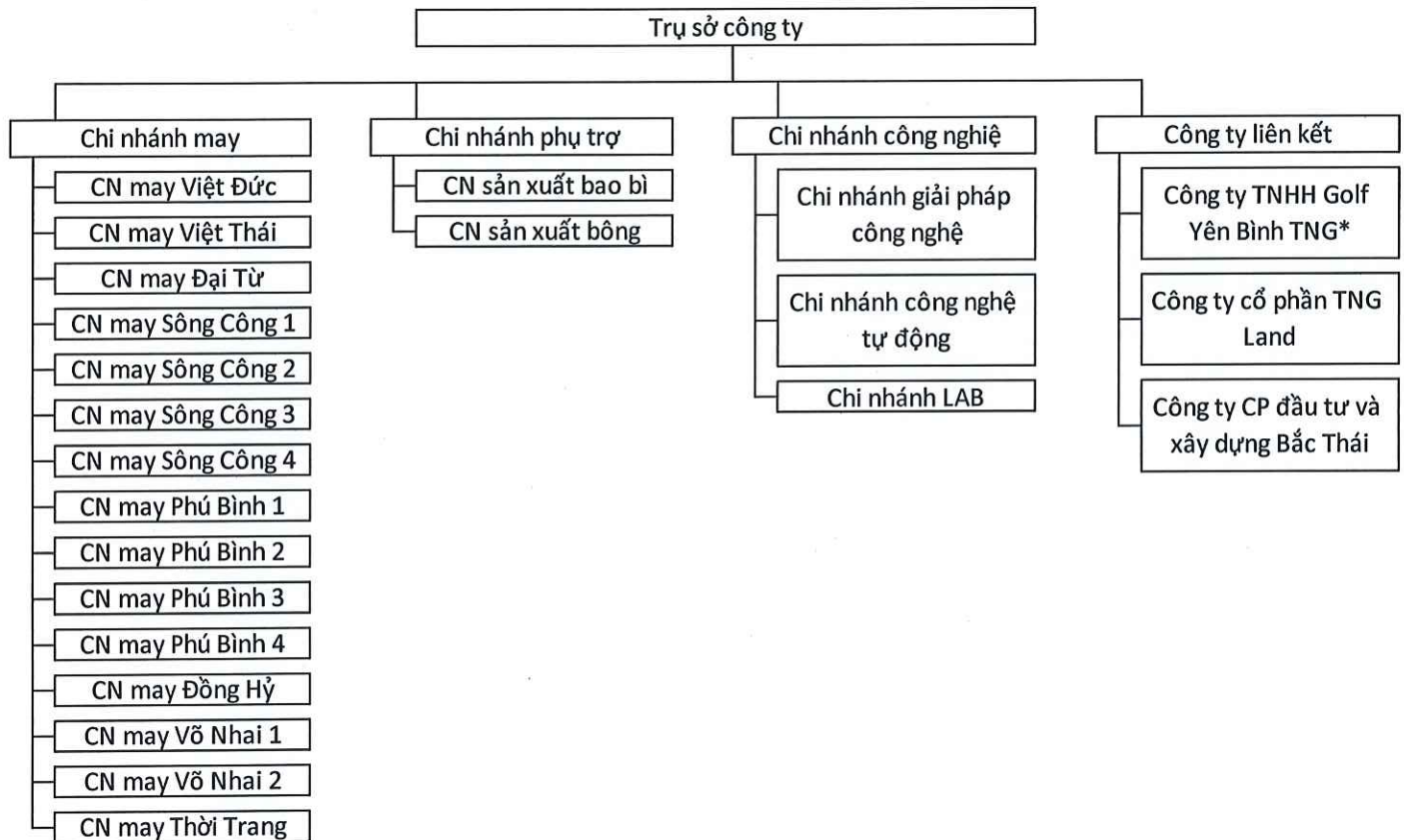
Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						- Ngày 13/09/2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được được Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2022 số 2375/CV-TNG ngày 13/9/2022 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã chứng khoán: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 5.005.607 cổ phiếu; - Ngày 22/09/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 36 cho công ty với vốn điều lệ là 1.051.177.580.000 đồng.
05/07/2023	1.051.177,58	84.052,44	1.135.230,02	8.405.244	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tỷ lệ thực hiện: 100:8	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 505/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2023; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 507/NQ-HĐQT ngày 23/04/2023; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 523/NQ-HĐQT ngày 03/05/2023; - Ngày 05/07/2023, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được được Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 643/CV-TNG ngày 26/06/2023 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã chứng khoán: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 8.405.244 cổ phiếu; - Ngày 19/07/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 37 cho công ty với vốn điều lệ là 1.135.230.020.000 đồng.
26/07/2024	1.135.230,02	90.782,04	1.226.012,06	9.078.204	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tỷ lệ thực hiện: 100:8	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 190/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2024; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 199/NQ-HĐQT ngày

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						24/04/2024; - Ngày 26/07/2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 434/CV-TNG ngày 19/07/2024 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã chứng khoán: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 9.078.204 cổ phiếu; - Ngày 30/07/2024, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 38 cho công ty với vốn điều lệ là 1.226.012.060.000 đồng.

2. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Hiện nay, TNG sở hữu 20 chi nhánh (15 chi nhánh may, 2 chi nhánh phụ trợ, 1 chi nhánh công nghệ thông tin, 1 chi nhánh tự động hóa và 1 chi nhánh kiểm định chất lượng), và 03 công ty liên kết.

Hình 3: Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết



Nguồn: TNG

Ghi chú:

(*) Công ty liên kết của Công ty chưa đi vào hoạt động và đang tạm dừng hoạt động kinh doanh.

Tính đến thời điểm hiện tại Công ty cổ phần Đầu Tư và Thương Mại TNG chưa thực hiện việc góp hoặc góp vốn chưa đủ vào Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG. Theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2020, Công ty phải thực hiện giảm vốn khi các cổ đông không thực hiện thanh toán đầy đủ trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG đang làm thủ tục giải thể, dự kiến sau khi các thành viên góp vốn thống nhất phương án sẽ tiến hành thủ tục đăng ký giải thể theo quy định trong năm 2025. Ngày 8/1/2024, Hội đồng quản trị TNG đã thông qua việc giải thể Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG. Theo Nghị quyết số 783/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 12 năm 2024, nhằm thực

hiện Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 01 năm 2024, Hội đồng quản trị TNG đã thông qua việc góp vốn vào công ty liên kết trong phạm vi cam kết góp vốn khi thành lập doanh nghiệp để đủ điều kiện thực hiện giải thể Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG theo quy định của pháp luật, theo đó số vốn TNG sẽ thực góp là 29.400.000 VNĐ để đảm bảo đủ điều kiện giải thể doanh nghiệp. Do công ty này chưa đi vào hoạt động và TNG dự kiến thực hiện góp vốn vào công ty là 29.400.000 đồng nên doanh thu, lợi nhuận và nguồn tiền thanh toán gốc lãi Trái Phiếu của TNG không bị ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng không đáng kể bởi việc giải thể Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Hiện tại, Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của công ty, tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ công ty. Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

Đại hội đồng cổ đông		Hội đồng quản trị		Ủy ban kiểm toán		Tổ chức nhân sự		Tổ chức kinh doanh		Tổ chức tài chính		Tổ chức công nghệ		Tổ chức sản xuất		Đảng đoàn thể	
				Ban kiểm tra tuân thủ		Khối nhân sự		Khối KT - CN - QL		Khối tài chính		Khối công nghệ cao		Chi nhánh sản xuất		Đảng đoàn thể	
		Tiểu ban tài chính		Phòng TCHC		Phòng KD - KHSX		Trung tâm đào tạo		Phòng kế toán		Phòng QLTB		CN Việt Đức		Đảng đoàn thể	
		Tiểu ban KD - SX		Phòng truyền thông		Phòng XNK		Phòng QLCL		Phòng kế toán		Chi nhánh giải pháp công nghệ		CN Việt Thái		Đảng đoàn thể	
		Tiểu ban KT - CN - QL		Phòng bảo hộ an toàn vệ sinh LĐ				Phòng công nghệ		Phòng kế toán		Chi nhánh công nghệ tự động		CN Đại Từ		Đảng đoàn thể	
		Tiểu ban nhân sự												CN Sóng Cống 1		Đảng đoàn thể	
														CN Sóng Cống 2		Đảng đoàn thể	
														CN Sóng Cống 3		Đảng đoàn thể	
														CN Sóng Cống 4		Đảng đoàn thể	
														CN Phú Bình 1		Đảng đoàn thể	
														CN Phú Bình 2		Đảng đoàn thể	
														CN Phú Bình 3		Đảng đoàn thể	
														CN Phú Bình 4		Đảng đoàn thể	
														CN Đồng Hỷ		Đảng đoàn thể	
														CN Võ Nhai 1		Đảng đoàn thể	
														CN Võ Nhai 2		Đảng đoàn thể	
														CN Thời trang		Đảng đoàn thể	

MBS *Tổ chức tư vấn*
Công ty cổ phần Chứng khoán MB

3.1 Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
- Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

3.2 Hội đồng Quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Hội đồng quản trị có từ 5 đến 11 thành viên, do ĐHĐCĐ bầu hoặc miễn nhiệm. Số lượng thành viên HĐQT có thể thay đổi tùy theo yêu cầu phát triển của công ty và do ĐHĐCĐ quyết định.

HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình và giải thể công ty con; quyết định thành lập, chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;
- Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3.3 Ủy Ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập, các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Ủy ban kiểm toán có quyền và trách nhiệm như sau:

- Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán;
- Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán;
- Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;
- Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của công ty;
- Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

3.4 Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- Tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Quyết định tất cả các vấn đề phát sinh hàng ngày trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, đại diện Công ty ký kết hợp đồng tín dụng, Hợp đồng kinh tế theo ủy quyền của Chủ tịch HĐQT, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Vào ngày [31 tháng 10] hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 5 năm;
- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

3.5 Các phòng ban

3.5.1 Ban kiểm tra tuân thủ

Ban kiểm tra tuân thủ có chức năng, nhiệm vụ chính sau:

- Cập nhật và xây dựng các văn bản nội bộ liên quan đến công tác quản trị rủi ro tại công ty;
- Tổ chức đào tạo, truyền thông, chia sẻ kiến thức về quản trị rủi ro doanh nghiệp;
- Nhận diện, đánh giá rủi ro, gắn liền với mục tiêu chiến lược, kinh doanh của công ty;
- Đầu mối triển khai quy trình quản lý rủi ro bao gồm nhận diện, đánh giá, xử lý và báo cáo rủi ro đối với các hoạt động của công ty;
- Cập nhật, truyền thông các nội dung pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
- Tư vấn pháp lý, bao gồm thẩm định hệ thống văn bản nội bộ, hợp đồng, giải quyết các sự vụ khiếu nại, tố tụng, tranh chấp liên quan đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật;
- Cập nhật, xây dựng các tài liệu nội bộ về kiểm soát tuân thủ các hoạt động công ty;
- Triển khai kiểm tra, đánh giá mức độ tuân thủ trong hoạt động của các phòng ban, đơn vị của công ty theo Điều lệ, quy định, quy trình nội bộ;
- Báo cáo định kỳ về công tác tuân thủ định kỳ và các chỉ số quản trị về tuân thủ cho Ban lãnh đạo công ty.

3.5.2 Chi nhánh Công nghệ tự động

Chi nhánh Công nghệ tự động có chức năng, nhiệm vụ chính sau:

- Thiết kế và chế tạo Máy tự động (Automatic / LciA / Semi Auto / AGV / Logistics / Handling ...);
- Thiết kế và tích hợp hệ thống tự động hóa, Robots system, Smart Factory (4.0);
- Cải tạo, nâng cấp máy móc, dây chuyền sản xuất;
- Tư vấn, thiết kế và chế tạo JIG và đồ gá lắp ráp tự động.

3.5.3 Phòng tổ chức hành chính

Phòng tổ chức hành chính có chức năng, nhiệm vụ chính sau:

- Quản trị các thông tin quá trình làm việc của người lao động từ khi vào công ty đến khi nghỉ chế độ;
- Quản trị hệ thống công, tiền lương toàn công ty;
- Quản trị các tiêu chí theo tiêu chuẩn đánh giá của các khách hàng:
 - Bộ hướng dẫn hồ sơ chuẩn bị đánh giá;
 - Tiêu chí về đánh giá trách nhiệm xã hội;
 - Tiêu chí về đánh giá an ninh chống khủng bố;
- Kiểm soát và duy trì việc thực hiện đánh giá khách hàng đảm bảo các đánh giá luôn trong trạng thái còn hạn và đảm bảo yêu cầu của khách hàng;
- Kiểm soát định biên nhân sự, đảm bảo lao động theo giao kế hoạch doanh số sản xuất của Công ty;
- Đánh giá chất lượng làm việc theo tiêu chí định lượng cụ thể từ khi người lao động vào học việc/đào tạo tại công ty đến khi nghỉ chế độ;
- Xây dựng quy trình đào tạo để nâng cao năng lực làm việc cho người lao động từ khi người lao động vào học việc/đào tạo đến khi nghỉ chế độ;
- Quản trị toàn bộ các chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo các bài kiểm tra, kết quả kiểm tra trên hệ thống phần mềm đào tạo;
- Xây dựng quy trình và kiểm tra giám sát thực hiện chế độ quyền lợi và các phúc lợi cho người lao động theo đúng quy định của nhà nước, pháp luật;
- Xây dựng chính sách tạo động lực làm việc cho người lao động (thi đua khen thưởng, kỷ luật);
- Thực hiện công tác hành chính quản trị Văn phòng công ty;
- Thực hiện công tác an ninh, bảo vệ đảm bảo an toàn an ninh trật tự tại các nhà máy;
- Thực hiện công tác đánh giá cán bộ định kỳ theo quy định;
- Chịu trách nhiệm tham mưu đề xuất công tác cán bộ từ cấp Phó Giám đốc chi nhánh trở xuống.

3.5.4 Phòng Truyền thông

Phòng Truyền thông có chức năng, nhiệm vụ chính sau:

- Xây dựng mối quan hệ với giới truyền thông và các bên liên quan;
- Xây dựng mối quan hệ với khách hàng và duy trì, phát triển mối quan hệ với công chúng (tiếp nhận thông tin từ phía khách hàng, công chúng, sau đó chuyển các bộ phận có liên quan xử lý);
- Đưa ra các phương án xử lý khi xảy ra khủng hoảng truyền thông (khi có các thông tin, ý kiến truyền thông tiêu cực ảnh hưởng đến Công ty);
- Quản lý và tuyên truyền các hoạt động của công ty trên các phương tiện truyền thông nội bộ (tranh, ảnh, pa-nô, áp-phích, fanpage công ty, trang web công ty);
- Quản lý và tuyên truyền các hoạt động của công ty trên các phương tiện truyền thông bên ngoài, đối tác truyền thông bên ngoài, tham mưu ký kết và giám sát các hợp đồng truyền thông bên ngoài;
- Thực hiện các video clip phục vụ các hoạt động tuyển dụng, quảng bá, truyền thông hình ảnh của công ty;
- Tổ chức các sự kiện của công ty, truyền thông, quảng bá hình ảnh của công ty thông qua sự kiện.

3.5.5 Phòng kinh doanh – kế hoạch sản xuất

Phòng kinh doanh – kế hoạch sản xuất gồm hai nhóm là nhóm kinh doanh và nhóm kế hoạch sản xuất với chức năng và nhiệm vụ cụ thể như sau:

❖ Nhóm Kinh doanh

- Đáp ứng đủ đơn hàng cho các nhà máy sản xuất liên tục, ổn định theo kế hoạch HĐQT giao;
- Khai thác và phát triển khách hàng mới theo định hướng chiến lược khách hàng của Công ty;
- Quản lý khách hàng của từng chi nhánh đảm bảo việc khai thác khách hàng theo định hướng và tỷ lệ từng khách hàng;
- Thẩm định giá thành phương án kinh doanh (P1) trên phần mềm và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh (Doanh thu, Doanh số);
- Đánh giá các nhà cung cấp và khách hàng đảm bảo phòng tránh rủi ro cho sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Kiểm soát Cân đối nguyên phụ liệu, kiểm soát đặt mua nguyên phụ liệu theo phương án kinh doanh;
- Kiểm tra, đôn đốc và giám sát thực hiện quyết toán mã hàng P3, kiểm soát nguyên phụ liệu thành phẩm tồn kho sau sản xuất là thấp nhất;
- Kiểm soát số lượng xuất hàng thừa thiếu;

- Theo dõi, báo cáo thực hiện hợp đồng (Số lượng xuất hàng thừa thiếu theo phương án kinh doanh);
- Theo dõi và đôn đốc công nợ phải thu.

❖ **Nhóm Kế hoạch sản xuất**

- Tham mưu việc xây dựng kế hoạch giao khoán năm của công ty và giám sát thực hiện cân đối năng lực, giao khoán kế hoạch sản xuất theo tháng, năm của từng chi nhánh;
- Giám sát việc dàn chuyền chi tiết, lập kế hoạch sản xuất chi tiết theo từng PO của từng mã hàng theo kế hoạch giao hàng của khách hàng;
- Tổng hợp theo dõi tiến độ sản xuất, tiến độ giao hàng theo kế hoạch giao hàng theo từng PO, mã hàng các chi nhánh;
- Lập báo cáo phân tích năng suất lao động, đề xuất các giải pháp tăng năng suất lao động;
- Báo cáo phân tích và đánh giá chỉ số thực hiện về tỷ lệ giao hàng sớm/đúng hạn/muộn;
- Theo dõi sản xuất, báo cáo theo dõi cân bằng chuyền hàng ngày theo từng mốc giờ;
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu/nhập liệu doanh số sản xuất;
- Giám sát thực hiện quy trình sản xuất đối với các chi nhánh.

3.5.6 Phòng Xuất nhập khẩu

Phòng Xuất nhập khẩu có chức năng, nhiệm vụ chính sau:

- Thực hiện thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu; làm hóa đơn, giấy chứng nhận xuất xứ, để hoàn thiện bộ hồ sơ đòi tiền khách hàng;
- Giao nhận hàng hóa, vận tải nội bộ cho các chi nhánh;
- Báo cáo quyết toán nguyên vật liệu nhập khẩu, thanh khoản hải quan đảm bảo việc quyết toán vật tư nhập khẩu theo quy định của hải quan. Báo cáo kim ngạch xuất/nhập khẩu, quản lý chi phí xuất, nhập khẩu, vận tải hàng hóa;
- Đảm bảo việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực thuế, hải quan, xuất nhập khẩu;
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất hình thức kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng tham mưu.

3.5.7 Phòng công nghệ

Phòng công nghệ có chức năng và nhiệm vụ như sau:

- Phân tích bố trí công nghệ sản xuất chuyên may, đề xuất ứng dụng thiết bị công nghệ mới;
- Phân tích thao tác chuẩn, thời gian công nghệ chuẩn củng cố phần mềm tính đơn giá và xây dựng định mức giá thành chào hàng;
- Áp dụng công nghệ Lean cho sản xuất và phân tích hiệu quả của các sáng kiến cải tiến công nghệ;

- Tổ chức thực hiện hoạt động đào tạo, dạy nghề;
- Xây dựng, tổ chức thi thợ may giỏi và nâng bậc;
- Xây dựng quy trình may mẫu, thiết kế mẫu đảm bảo đúng tiến độ giao hàng theo yêu cầu của từng khách hàng;
- Kiểm soát giao việc, người lao động thực hiện kế hoạch hằng ngày;
- Xây dựng quy trình triển khai sản xuất sản phẩm;
- Đào tạo chuyên môn cho nhân viên mới bộ phận kỹ thuật công nghệ;
- Tham gia dự án Sam Pace - Decathlon;
- Kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc cập nhật số liệu phần mềm liên quan đến kỹ thuật - công nghệ.

3.5.8 Phòng quản lý chất lượng

Phòng quản lý chất lượng chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

❖ Quản trị hệ thống đánh giá quản lý chất lượng (SQP)

- Xây dựng quy trình, đánh giá, giám sát hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn của công ty và tiêu chuẩn khách hàng;
- Đảm bảo hệ thống đánh giá quản lý chất lượng đạt theo tiêu chuẩn đánh giá của khách hàng;
- Đào tạo, giám sát các đơn vị, nhân viên (SQP) thực hiện theo quy trình hệ thống đánh giá quản lý chất lượng;
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất khen thưởng hoặc kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng tham mưu.

❖ Quản trị hệ thống kiểm soát chất lượng sản phẩm (QA)

- Xây dựng quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của từng khách hàng;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình của các chi nhánh đảm bảo việc tuân thủ và thực hiện theo quy trình khách hàng và công ty quy định;
- Phân tích chỉ số chất lượng và đưa cảnh báo đối với các đơn vị có nguy cơ rủi ro về chất lượng sản phẩm trước khi xuất hàng;
- Báo cáo phân tích đánh giá chỉ số chất lượng của các chi nhánh, từng khách hàng, từng nhà cung cấp;
- Đào tạo, giám sát định kỳ cho các đơn vị, nhân viên QA/QC thực hiện theo quy trình hệ thống quản lý chất lượng;
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu/nhập liệu chỉ tiêu chất lượng trên phần mềm;
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất Khen thưởng hoặc kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng tham mưu.

❖ **Quản trị hệ thống Lab**

- Quản trị hệ thống Lab, xây dựng quy trình, đánh giá, giám sát hệ thống quản lý đạt theo tiêu chuẩn khách hàng tại công ty;
- Xây dựng bộ tiêu chuẩn test nguyên phụ liệu đầu vào phù hợp với tiêu chuẩn của khách hàng, của ngành dệt may Việt Nam;
- Xây dựng các bộ tiêu chuẩn Test cho các sản phẩm công nghệ, phù hợp với tiêu chuẩn ngành trong nước và quốc tế;
- Giám sát việc thực hiện quy trình của các phòng Lab thành viên tại các chi nhánh đảm bảo việc tuân thủ và chất lượng mẫu Test (Thử nghiệm) theo quy trình Lab;
- Đảm bảo mẫu đạt tiêu chuẩn, phương pháp thử nghiệm, đạt chứng nhận theo tiêu chuẩn của khách hàng;
- Quản lý, vận hành trực tiếp phòng Lab (thử nghiệm) tại các khu vực Sông Công, Phú Bình;
- Đào tạo, giám sát định kỳ các đơn vị thực hiện theo tiêu chuẩn khách hàng, công ty quy định;
- Phân tích chỉ số, chỉ tiêu, phương pháp Test và cập nhật các thông tin, theo định kỳ, theo tiêu chuẩn ngành;
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu/nhập liệu chỉ tiêu Lab trên phần mềm Module chất lượng;
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất hình thức Khen thưởng hoặc kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng tham mưu.

3.5.9 Phòng quản lý thiết bị

Phòng quản lý thiết bị chịu trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

- Quản lý máy móc thiết bị; phụ tùng; công cụ dụng cụ;
- Quản lý, vận hành hệ thống điện, trạm điện, máy phát; hệ thống cấp nước sinh hoạt, bể chứa cháy; hệ thống điều hòa; hệ thống thang máy; hệ thống lò hơi; hệ thống máy nén khí ...
- Quản lý chi phí điện, nước, nhiên liệu;
- Phân tích hiệu quả đầu tư, hiệu suất sử dụng các loại máy móc thiết bị;
- Kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc cập nhật số liệu phần mềm;
- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá nhà máy đạt tiêu chuẩn tự động hóa từ cấp độ bán tự động hóa trở lên và đánh giá phân tích hệ thống máy móc thiết bị và công nghệ sản xuất của từng chi nhánh và toàn công ty;
- Xây dựng lộ trình đầu tư bổ sung máy móc thiết bị và công nghệ sản xuất để chi nhánh/công ty đạt tiêu chuẩn nhà máy tự động hóa;

- Theo dõi, giám sát thực hiện hợp đồng liên quan đến xây dựng cơ bản, máy móc thiết bị, cải tạo sửa chữa (không bao gồm các công việc đã được phân công cho các phòng/ban khác);
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng tham mưu.

3.5.10 Phòng Bảo hộ - An toàn vệ sinh lao động

Phòng Bảo hộ – An toàn vệ sinh lao động thực hiện các nhiệm vụ chính sau:

- Quản trị các tiêu chí theo tiêu chuẩn đánh giá của các khách hàng:
 - Tiêu chí an toàn vệ sinh lao động và an toàn vệ sinh thực phẩm;
 - Tiêu chí bảo vệ môi trường và tài nguyên nước (bao gồm cả giai đoạn dự án: KBM, ĐTM, cấp phép tài nguyên nước và vận hành nhà máy);
 - Tiêu chí chăm sóc sức khỏe ban đầu, trực sơ cấp cứu, bệnh nghề nghiệp;
 - Tiêu chí về duy trì 5S;
- Thực hiện công tác phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lũ, cứu hộ cứu nạn, phòng chống thiên tai (bao gồm cả công việc theo dõi giám sát thực hiện hợp đồng);
- Đào tạo nhân viên an toàn tại các đơn vị;
- Thực hiện kiểm tra, giám sát và chịu trách nhiệm về an toàn vệ sinh thực phẩm;
- Quản trị hoạt động của phòng theo quy trình hệ thống phần mềm ERP; Kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc cập nhật số liệu phần mềm.

3.5.11 Phòng kế toán

Phòng kế toán thực hiện các công việc chính sau:

- Xây dựng hệ thống kiểm soát tài chính;
- Đào tạo nội bộ;
- Kiểm soát chi phí;
- Kiểm soát hạn mức tín dụng;
- Kiểm soát báo cáo nội bộ;
- Lập, phân tích báo cáo tài chính toàn công ty, công bố báo cáo theo quy định;
- Thực hiện nghiệp vụ cân đối vốn và huy động vốn cho các dự án mà HĐQT giao;
- Thực hiện công tác báo cáo thuế, báo cáo thống kê theo quy định của nhà nước hiện hành;
- Kiểm tra, giám sát công tác kế toán tài chính của các chi nhánh trong toàn công ty;
- Theo dõi, thu hồi công nợ;
- Kế toán dự án và xây dựng cơ bản;
- Thẩm định đơn giá/giá trị của các hợp đồng mua hàng;
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất hình thức kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng tham mưu.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

4.1 Danh sách cổ đông sáng lập

Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600305723 cấp lần đầu ngày 02/01/2003 và các lần sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm, tính đến nay, cổ phần cổ đông sáng lập của Công ty không còn bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và được tự do chuyển nhượng.

4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm ngày 17/03/2025

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

TT	Tên cổ đông	Năm sinh/năm thành lập	Quốc tịch	SỐ CMND/CCCD /Giấy CN ĐKDN	Địa chỉ thường trú/địa chỉ trụ sở chính	Số cổ phần nắm giữ (Cổ phần), tỷ lệ sở hữu/VĐL tại thời điểm hiện tại
1	Nguyễn Văn Thời	1958	Việt Nam	090117808	Phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên	22.713.922 (18,53%)
2	Nguyễn Đức Mạnh	1983	Việt Nam	019083000466	Số 434/1 Bắc Kạn, Tp. Thái Nguyên	10.825.261 (8,83%)
3	Trần Cảnh Thông	1963	Việt Nam	023324942	8.07 Cao ốc Thịnh Vượng, 531 Nguyễn Duy Trinh, P. Bình Trưng Đông, Q.2, TP.HCM	7.675.634 (6,26%)
4	Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan					7.089.621 (5,78%)
4.1	FIDES KTCU PRIVATE INVESTMENT TRUST 1		Hàn Quốc	CC6619	20, Sejong-daero 9-gil, Jung-gu, Seoul, Korea	3.892.223 (3,17%)

4.2	FIDES VIETNAM GENERAL PRIVATE INVESTMENT POBA TRUST 1		Hàn Quốc	CD5580	20, Sejong-daero 9-gil, Jung-gu, Seoul, Korea	919.620 (0,75%)
4.3	FIDES VIETNAM GENERAL PRIVATE INVESTMENT PMAA TRUST 1		Hàn Quốc	CD5940	20, Sejong-daero 9-gil, Jung-gu, Seoul, Korea	521.280 (0,43%)
4.4	FIDES REHOBOTH KBIZ PRIVATE INVESTMENT TRUST 1		Hàn Quốc	CC3693	20, Sejong-daero 9-gil, Jung-gu, Seoul, Korea	861.559 (0,70%)
4.5	FIDES VIETNAM GENERAL PRIVATE INVESTMENT SEMA TRUST 1		Hàn Quốc	CD5790	20, Sejong-daero 9-gil, Jung-gu, Seoul, Korea	485.480 (0,40%)
4.6	FIDES ASSEMBLE GLOBAL PRIVATE INVESTMENT TRUST 1		Hàn Quốc	CC8351	20, Sejong-daero 9-gil, Jung-gu, Seoul, Korea	55.051 (0,04%)
4.7	FIDES MPLUS GLOBAL GENERAL PRIVATE INVESTMENT TRUST 1		Hàn Quốc		20, Sejong-daero 9-gil, Jung-gu, Seoul, Korea	203.232 (0,17%)
4.8	FIDES VIETNAM GENERAL PRIVATE INVESTMENT CG TRUST 1		Hàn Quốc		20, Sejong-daero 9-gil, Jung-gu, Seoul, Korea	151.176 (0,12%)
Tổng cộng						48.304.438 (39,40%)

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 17/03/2025 của TNG

Do Danh sách người sở hữu chứng khoán được cung cấp bởi VSDC và Báo cáo thay đổi tỷ lệ sở hữu của nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là cổ đông lớn (ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ tài chính) không thể hiện thông tin về năm thành lập, người đại diện theo pháp luật và vốn điều lệ của Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan như trình bày tại bảng trên nên tại thời điểm của Bản cáo bạch này, TNG không có thông tin về năm thành lập, người đại diện theo pháp luật, vốn điều lệ của Nhóm nhà đầu tư có liên quan nêu trên.

4.3 Cơ cấu cổ đông

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của TNG tại ngày chốt 17/03/2025

TT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	13.942	102.904.380	83,93%
1	Cổ đông tổ chức	44	3.336.544	2,72%
	Trong đó: Nhà nước	-	-	-
2	Cổ đông cá nhân	13.898	99.567.836	81,21%
II	Cổ đông nước ngoài	210	19.696.826	16,07%
1	Cổ đông tổ chức	44	18.695.441	15,25%
2	Cổ đông cá nhân	166	1.001.385	0,782%
	Tổng cộng	14.152	122.601.206	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 17/03/2025 của TNG

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1 Công ty mẹ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Không có

5.2 Danh sách Công ty con của TNG, những công ty mà TNG nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính ngày 31/12/2023, TNG có công ty con theo thông tin tại bảng 4 dưới đây. Tuy nhiên, tại thời điểm 31/12/2024 và tính đến thời điểm hiện tại, TNG không có công ty con. Theo Nghị quyết số 121/NQ-HĐQT ngày 09 tháng 5 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần TNG Land đã thông qua việc tăng vốn điều lệ thành 286.800.000.000 VND bằng hình thức phát hành 1.600.000 cổ phần riêng lẻ (mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần). Theo đó, tỷ lệ góp vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần TNG Land đã giảm từ 51,7% xuống còn

48,81% và Công ty Cổ phần TNG Land không còn là công ty con và trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024. Theo Nghị quyết số 354/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 6 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc bán/chuyển nhượng cổ phần để giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bắc Thái. Theo đó, tỷ lệ góp vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bắc Thái đã giảm từ 70,5% xuống còn 48% và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bắc Thái không còn là công ty con và trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2024. Như vậy, tại thời điểm 31/12/2024, TNG không có công ty con.

Bảng 4: Danh sách công ty con của TNG tại thời điểm 31/12/2023

Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2023 (%)
Công ty cổ phần TNG Land	51,7
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bắc Thái	70,5

Nguồn: TNG

5.2.1 Công ty cổ phần TNG Land

Xem chi tiết tại mục 5.3.2 dưới đây.

5.2.2 Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Bắc Thái

Xem chi tiết tại mục 5.3.1 dưới đây.

5.3 Danh sách Công ty liên doanh, liên kết

Bảng 5: Danh sách công ty liên doanh, liên kết của TNG tại ngày 31/12/2023, 31/12/2024 và 31/03/2025

Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2023 (%)	Tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2024 (%)	Tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/03/2025 (%)
Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Bắc Thái*	70,5	48,00	48,00
Công ty cổ phần TNG Land**	51,7	48,81	48,81
Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG	49	49	49

Nguồn: TNG

* Ngày 24/08/2023, Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG hoàn tất thủ tục thu mua thêm cổ phần phổ thông của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Bắc Thái, nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty này lên 70,5%. Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG trở thành công ty mẹ

của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Bắc Thái kể từ ngày 24/08/2023. Theo Nghị quyết HĐQT số 354/NQ-HĐQT ngày 19/06/2024, Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG bán/chuyển nhượng cổ phần để giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty phần đầu tư và xây dựng Bắc Thái. Ngày 25/06/2024, TNG hoàn tất thủ tục bán/chuyển nhượng 6.680 cổ phần Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Bắc Thái và giảm tỷ lệ sở hữu của TNG tại công ty này xuống còn 48,003%.

** Ngày 20/05/2024, Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4601593760 thay đổi lần thứ 6 ngày 16 tháng 5 năm 2024 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty cổ phần TNG Land về việc tăng vốn điều lệ. Theo đó, tỷ lệ góp vốn của TNG tại Công ty cổ phần TNG Land đã giảm xuống còn 48,81% nên Công ty cổ phần TNG Land từ công ty con chuyển thành công ty liên kết của TNG kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

5.3.1 Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Bắc Thái

- Trụ sở: Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên
- Mã số thuế: 4600100130 do cục thuế tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 22/09/1998
- Ngành nghề kinh doanh: Xây lắp các công trình về lưới điện
- Vốn điều lệ đăng ký tại ngày 31/03/2025: 3.000.000.000 đồng
- Vốn thực góp tại ngày 31/03/2025: 2.966.700.000 đồng
- Tổng giá trị cổ phần sở hữu của TNG theo mệnh giá tại 31/03/2025: 1.424.100.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của TNG tại ngày 31/03/2025: 48,00%

5.3.2 Công ty cổ phần TNG Land

- Trụ sở: Xóm Đồng Xe - Xã Sơn Cẩm - TP. Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên.
- Giấy đăng ký doanh nghiệp: 4601593760 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 30/06/2022
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh bất động sản
- Vốn điều lệ đăng ký tại 31/03/2025: 286.800.000.000 đồng
- Vốn thực góp tại ngày 31/03/2025: 286.800.000.000 đồng
- Tổng giá trị cổ phần sở hữu của TNG tại 31/03/2025: 140.000.000.000 đồng

TNG theo mệnh giá tại 31/03/2025:

- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu 48,81%

quyết của TNG tại ngày 31/03/2025:

5.3.3 Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG

- Trụ sở: Số 221, Đường Thống Nhất, phường Tân Lập, TP Thái Nguyên
 - Giấy đăng ký doanh nghiệp: 4601540430 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 20/06/2019
 - Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động của các cơ sở thể thao (sân golf)
 - Vốn điều lệ đăng ký: 300.000.000.000 đồng
 - Vốn điều lệ thực góp: 0 đồng (i)
 - Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu 49%
- quyết của TNG tại doanh nghiệp tại ngày 31/03/2025:

(i) Tính đến thời điểm 31/03/2025 Công ty cổ phần Đầu Tư và Thương Mại TNG chưa thực hiện việc góp hoặc góp vốn chưa đủ vào Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG. Theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2020, Công ty phải thực hiện giảm vốn khi các cổ đông không thực hiện thanh toán đầy đủ trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Công ty TNHH Golf Yên Bình đang làm thủ tục giải thể, dự kiến sau khi các thành viên góp vốn thống nhất phương án sẽ tiến hành thủ tục đăng ký giải thể theo quy định trong năm 2024. Ngày 8/1/2024, Hội đồng quản trị TNG đã thông qua việc giải thể Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG. Theo Nghị quyết số 783/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 12 năm 2024, nhằm thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 01 năm 2024, Hội đồng quản trị đã thông qua việc góp vốn vào công ty liên kết trong phạm vi cam kết góp vốn khi thành lập doanh nghiệp để đủ điều kiện thực hiện giải thể Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG theo quy định của pháp luật.

5.4 Công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có.

5.5 Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh

6.1.1 Hoạt động sản xuất kinh doanh may mặc

Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG là đơn vị chuyên sản xuất hàng may mặc xuất khẩu và các sản phẩm phụ trợ như bao bì giấy, nhựa làm túi nilon, áo mưa nilon, giặt, trần bông, in công nghiệp, thêu và nguyên phụ liệu hàng may mặc. Công ty còn có hệ thống chuỗi cửa hàng giới thiệu, bán buôn, bán lẻ trực tiếp sản phẩm của TNG.

Sản phẩm gia công xuất khẩu chính của công ty là các loại áo jacket và quần Cargo shorts.

Thị trường xuất khẩu chính của công ty là Châu Âu, Pháp và Mỹ.

Tính tới ngày 31/12/2024 và đến thời điểm hiện tại, Công ty có 15 chi nhánh may xuất khẩu nằm tại địa bàn các huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên, 02 chi nhánh phụ trợ, 02 chi nhánh công nghệ, 01 chi nhánh kiểm định chất lượng.

Bảng 6: Các đơn vị trực thuộc công ty

TT	TÊN CHI NHÁNH	VỊ TRÍ	NGÀNH NGHỀ
1	Chi nhánh may Việt Đức	Số 160 Đường Minh Cầu - TP. Thái Nguyên - T. Thái Nguyên	Sản xuất may mặc
2	Chi nhánh may Việt Thái	CCN Sơn Cẩm – Xã Sơn Cẩm – TP Thái Nguyên	Sản xuất may mặc
3	Chi nhánh may Sông Công 1	KCN Sông Công - TP. Sông Công - T. Thái Nguyên	Sản xuất may mặc
4	Chi nhánh may Sông Công 2		Sản xuất may mặc
5	Chi nhánh may Sông Công 3		Sản xuất may mặc
6	Chi nhánh may Sông Công 4		Sản xuất may mặc
7	Chi nhánh sản xuất Bao Bì		Sản xuất bao bì
8	Chi nhánh sản xuất Bông		Sản xuất bông
9	Chi nhánh LAB		Kiểm định chất lượng
10	Chi nhánh may Phú Bình 1	Xã Kha Sơn - H. Phú Bình - T. Thái Nguyên	Sản xuất may mặc
11	Chi nhánh may Phú Bình 2		Sản xuất may mặc
12	Chi nhánh may Phú Bình 3		Sản xuất may mặc
13	Chi nhánh may Phú Bình 4		Sản xuất may mặc
14	Chi nhánh may Đại Từ	Xã Tiên Hội - H. Đại Từ - T. Thái Nguyên	Sản xuất may mặc
15	Chi nhánh may Đồng Hỷ	Xã Nam Hòa - H. Đồng Hỷ - T. Thái Nguyên	Sản xuất may mặc
16	Chi nhánh may Võ Nhai 1	CCN Cây Bông - Xã La Hiên - H. Võ Nhai - T.	Sản xuất may mặc
17	Chi nhánh may Võ Nhai 2		Sản xuất may mặc

		Thái Nguyên	
18	Chi nhánh thời trang TNG	Số 434/1 Đường Bắc Kạn - TP. Thái Nguyên - T. Thái Nguyên	Sản xuất may mặc
19	Chi nhánh giải pháp công nghệ TRE		Công nghệ thông tin
20	Chi nhánh công nghệ tự động hóa TNG		Công nghệ tự động hóa

Nguồn: TNG

❖ **Các sản phẩm may mặc chính của TNG bao gồm:**

Hình 5: Các sản phẩm may mặc chính



Nguồn: TNG

6.1.2 Hoạt động kinh doanh Bất động sản

a. Dự án TNG Village 1

Dự án TNG Village 1 là dự án bất động sản đầu tiên mà TNG đầu tư xây dựng. Đây là một trong những dự án nhà chung cư thương mại đầu tiên ở Thái Nguyên. Một số thông tin về dự

án TNG Village 1 như sau:

- Vị trí: Số 206 Minh Cầu, Tp. Thái Nguyên.
- Quy mô dự án: diện tích đất 2.841m², tổng diện tích sàn 19.950 m² với 17 tầng nổi và 1 tầng hầm, có 186 căn hộ.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.
- Pháp lý:
 - + Quyết định chủ trương đầu tư xây dựng số 478/QĐ-UBND ngày 02/3/2017.
 - + Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình số 378A/QĐ-HĐQT ngày 22/3/2017.
 - + Giấy phép xây dựng 29/GPXD ngày 06/10/2017, 11/GPXD ngày 06/07/2018 và 26/GPXD ngày 08/10/2019.
 - + Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng số 2448/SXD-GĐXD ngày 15/09/2020.
- Mức đầu tư: Tổng vốn đầu tư hạ tầng dự kiến 321 tỷ đồng.
- Tiến độ dự án: Dự án hoàn thành và đang tiến hành bàn giao cho khách hàng, và bắt đầu từ ghi nhận doanh thu từ năm 2019.

b. Dự án Cụm công nghiệp (CCN) Sơn Cẩm 1

- Vị trí: xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
- Quy mô dự án: 70 ha.
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.
- Pháp lý:
 - + Quyết định thành lập cụm công nghiệp Sơn Cẩm số 1936/QĐ-UBND ngày 30/06/2018
 - + Quyết định về phê duyệt điều chỉnh tổng thể cụm công nghiệp Sơn Cẩm số 767/QĐ-UBND ngày 31/03/2017 và Quyết định 2285/QĐ-UBND ngày 01/08/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên.
 - + Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Sơn Cẩm số 802/QĐ-UBND ngày 26/03/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên.
 - + Quyết định về việc giao đất, cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG thuê đất để sử dụng vào mục đích thực hiện dự án đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Sơn Cẩm 1 tại xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên (đợt 1).
 - + Quyết định về việc cho Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại TNG chuyển từ hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm sang hình thức trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, tại TP Thái nguyên số 1712/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

- Mức đầu tư: Tổng vốn đầu tư hạ tầng dự kiến 520 tỷ đồng.
- Tiến độ dự án: Công ty đang triển khai giải phóng mặt bằng (đã hoàn thành khoảng 50% diện tích mặt bằng) và thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng trên khu đất đã hoàn tất giải phóng mặt bằng. Hiện nay, chủ đầu tư đang tích cực phối hợp các cấp chính quyền địa phương của TP. Thái Nguyên đẩy nhanh tiến độ thực hiện bố trí tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án.

6.1.3 Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Sản phẩm may mặc mang tính thời vụ cao, phụ thuộc vào thời tiết, các sản phẩm may mặc thường được thiết kế phù hợp với thời tiết từng khu vực địa lý và theo từng mùa khác nhau. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải có am hiểu nhất định về thời tiết, khí hậu tại thị trường mà mình muốn kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả cao nhất. Hiện nay hàng may mặc được chia thành 2 mùa chính là: Xuân/Hè và Thu/Đông, trong đó mùa Thu/Đông là mùa sản xuất chính của Công ty.

6.2 Sản lượng sản phẩm

❖ Sản lượng sản xuất

Bảng 7: Sản lượng sản xuất theo sản phẩm năm 2023 và năm 2024

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
1	Áo jacket/Quần Cargo short	chiếc	53.277.167	55.542.985
2	Bông tấm	Yards	8.374.924	9.329.750
3	Thùng carton	m ²	4.417.525	4.786.477
4	Túi PE, PP	kg	399.535	408.933
5	Giặt công nghiệp	chiếc	7.572.353	7.736.601
6	In công nghiệp	chiếc	7.391.135	9.479.849
7	Thêu công nghiệp	chiếc	5.358.664	5.990.558

Nguồn: TNG

Với việc nhu cầu của khách hàng tăng cao, cùng với năng lực sản xuất và khả năng đáp ứng tiêu chuẩn của TNG ngày càng được cải thiện, sản lượng sản xuất các sản phẩm của TNG liên tục tăng trưởng trong những năm gần đây.

❖ Doanh thu, lợi nhuận gộp

Bảng 8: Doanh thu hợp nhất theo sản phẩm năm 2023*

T T	Nội dung	Năm 2023	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)

1	Doanh thu bán hàng	5.918.409	83,41
2	Doanh thu gia công	1.099.913	15,50
3	Doanh thu bán sản phẩm thời trang	56.547	0,80
4	Doanh thu bất động sản và dịch vụ khác	20.335	0,29
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.095.205	100
6	Giảm trừ doanh thu	0	0
	Doanh thu thuần	7.095.205	100

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của TNG

Ghi chú: * Tại thời điểm 31/12/2024, TNG không có công ty con như trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo Bạch này. Do vậy, kết thúc năm 2024, TNG chỉ ban hành BCTC riêng của Công ty.

Bảng 9: Doanh thu theo sản phẩm năm 2023 (Công ty mẹ), năm 2024 và Quý I năm 2025

T T	Nội dung	Năm 2023		Năm 2024			Quý 1/2025	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng DTT (%)	Tăng (giảm) so với năm 2023 (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng DTT (%)
1	Doanh thu bán hàng	5.918.409	83,38	6.452.738	84,29	9,03	1.492.959	98,83
2	Doanh thu gia công	1.099.913	15,50	1.117.413	14,60	1,59	1.159	0,08
3	Doanh thu bán sản phẩm thời trang	56.547	0,80	6.479	1,03	-88,54	2.992	0,20
4	Doanh thu bất động sản và dịch vụ khác	23.141	0,33	79.123	0,08	241,92	13.536	0,90
5	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.098.010	100	7.655.753	100	7,86	1.510.646	100
6	Giảm trừ doanh thu	0	0	0	0	0	0	0
7	Doanh thu thuần	7.098.010	100	7.655.753	100	7,86	1.510.646	100
8	Doanh thu với bên liên quan	798	0,01	1.412	0,02	76,94	353	0,02

Nguồn: BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán, BCTC năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của TNG

Trong giai đoạn vừa qua, doanh thu của toàn Công ty luôn tăng trưởng tốt qua từng năm. Cụ

thể, năm 2023 doanh thu thuần đạt 7.098 tỷ đồng tăng trưởng 4,8% so với năm 2022, năm 2024 doanh thu thuần đạt 7.656 tỷ đồng tăng trưởng 7,86% so với năm 2023. Tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần năm 2024 đã cải thiện đáng kể so với năm 2023 do trong năm 2024, TNG tập trung khai thác vào các dòng sản phẩm khó, phức tạp, đồng thời mở rộng thị trường xuất khẩu từ đó dẫn đến tăng trưởng doanh thu. Doanh thu bán hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu thuần của Công ty với khoảng 83%-85% doanh thu thuần. Doanh thu bán hàng chủ yếu đến từ phương thức sản xuất FOB (Free-on-board), Công ty chủ động việc mua nguyên phụ liệu phục vụ cho sản xuất. Mặt khác, doanh thu bán sản phẩm thời trang và doanh thu bất động sản, dịch vụ khác chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ, chỉ khoảng 1% tổng doanh thu của Công ty. Doanh thu gia công (tức doanh thu CMT) có xu hướng giảm tỷ trọng trong tổng doanh thu những năm gần đây thể hiện định hướng phát triển của TNG chuyển đổi dần từ phương thức CMT sang các phân khúc sản xuất mang lại giá trị gia tăng cao hơn. Đối với phương thức sản xuất CMT (Cut-make-trim), Công ty thực hiện các công đoạn cắt may theo thiết kế của khách hàng với nguyên phụ liệu cũng do khách hàng cung cấp. Trong các năm qua, Công ty xác định xu hướng dài hạn là tăng cường chuyển hướng tập trung sang sản xuất các sản phẩm FOB và hướng tới ODM (Original Design Manufacturing) với giá trị gia tăng cao cùng với những đòi hỏi khắt khe, TNG hiện vẫn tập trung mục tiêu gia tăng lợi nhuận, gia tăng giá trị cho cổ đông.

Bảng 10: Lợi nhuận hợp nhất theo sản phẩm năm 2023*

T T	Nội dung	Năm 2023	
		Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Lợi nhuận gộp hàng bán	814.737	83,11
2	Lợi nhuận gộp gia công	151.416	15,45
3	Lợi nhuận gộp sản phẩm thời trang đã bán	7.784	0,79
4	Lợi nhuận gộp kinh doanh bất động sản và dịch vụ khác	6.329	0,65
	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	980.266	100
	Lợi nhuận sau thuế	219.442	

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của TNG

Ghi chú: * Tại thời điểm 31/12/2024, TNG không có công ty con như trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo Bạch này. Do vậy, kết thúc năm 2024, TNG chỉ ban hành BCTC riêng của Công ty.

Bảng 11: Lợi nhuận theo sản phẩm năm 2023 (công ty mẹ), năm 2024 và Quý I năm 2025

TT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Quý 1/2025
----	----------	----------	----------	------------

		Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Tăng (giảm) so với năm 2023 (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Lợi nhuận gộp hàng bán	814.737	82,78	971.314	82,18	19,22	227.583	99,01
2	Lợi nhuận gộp gia công	151.416	15,38	168.201	14,23	11,09	161	0,07
3	Lợi nhuận gộp sản phẩm thời trang đã bán	7.784	0,79	975	0,08	-87,47	414	0,18
4	Lợi nhuận gộp kinh doanh bất động sản và dịch vụ khác	10.272	1,04	41.392	3,50	302,96	1.701	0,74
5	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	984.209	100	1.181.883	100	0	229.859	100
6	Lợi nhuận sau thuế	222.362		314.824		41,58	43.319	

Nguồn: BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán, BCTC năm 2024 đã được kiểm toán, BCTC Quý I năm 2025 của TNG

Lợi nhuận gộp của Công ty chủ yếu đến từ hàng FOB, nguyên nhân của việc này là do TNG đã chủ động chuyển hướng tăng cường bán hàng may mặc, các sản phẩm phục vụ dịch như khẩu trang, đồ bảo hộ dẫn đến tăng mạnh tỷ trọng lợi nhuận mảng bán hàng. Mảng bán hàng cũng là mảng có biên lợi nhuận cao hơn mảng gia công cho các hãng thời trang khác. Biên lợi nhuận gộp năm 2024 là 15,44%, tăng so với biên lợi nhuận gộp năm 2023 (13,87%) và năm 2022 (14,76%). Một trong những nguyên nhân chính dẫn tới biên lợi nhuận tăng trong năm 2024 là do (i) TNG đã tối ưu hóa chi phí, thực hiện nhiều biện pháp cải tiến quy trình sản xuất và quản lý, gia tăng sử dụng máy móc thiết bị tự động, công nghệ AVG robot trong việc điều hành sản xuất; (ii) tập trung vào khai thác các dòng hàng khó, phức tạp đồng thời mở rộng thị trường xuất khẩu để tăng giá trị gia tăng trong sản xuất.

6.3. Nguyên vật liệu

6.2.1. Nguồn nguyên vật liệu

Đặc thù hoạt động kinh doanh của TNG là hoạt động sản xuất sản phẩm may mặc xuất khẩu, nên đối với phương thức gia công sản xuất - CMT (Cut-make-trim), TNG thực hiện các công đoạn cắt may theo thiết kế của khách hàng với nguyên phụ liệu cũng do khách hàng cung cấp. Trong khi đó, với phương thức sản xuất FOB (Free-on-board), Công ty chủ động

việc mua nguyên phụ liệu phục vụ cho sản xuất. Nguyên liệu được TNG mua từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước, được sản xuất bằng các công nghệ tiên tiến trên thế giới, an toàn cho môi trường và người sử dụng. TNG lựa chọn nhà cung cấp dựa trên các yếu tố: giá cả cạnh tranh, nhà cung cấp còn phải tuân thủ trách nhiệm xã hội, đáp ứng được các tiêu chí về bảo vệ môi trường theo khuyến cáo, đánh giá của TNG.

Bảng 12: Nguyên liệu đầu vào chính của TNG

TT	Nguyên Liệu	Đơn vị	Khối lượng trung bình năm		
			Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Vải các loại	Yard	72.302.583	74.326.598	80.272.726
2	Bông các loại	Yard	6.606.847	6.193.876	6.757.519
3	Chỉ các loại	Cuộn	3.037.936	3.060.462	3.274.694
4	Cúc các loại	Chiếc	104.017.344	106.872.024	114.887.426
5	Khóa các loại	Chiếc	65.896.822	61.785.285	67.283.891
6	Túi các loại	Chiếc	22.574.622	25.210.503	27.529.869
7	Thùng các loại	Chiếc	3.163.395	3.086.231	3.394.854

Nguồn: TNG

Hiện nay, khoảng 60% nguyên vật liệu của Công ty được nhập khẩu bởi các nhà cung cấp nước ngoài. Tỷ trọng nguyên vật liệu dệt may từ Trung Quốc, Hàn Quốc và Hồng Kông, Đài Loan chiếm phần lớn do chất lượng đáp ứng được yêu cầu, chủng loại phong phú và giá cả cạnh tranh. Ngoài ra, Công ty còn nhập nguyên liệu phụ liệu từ các nước khác như Pa-kix-tan, Ma-lay-xi-a,...

Bảng 13: Danh sách các nhà cung cấp nguyên liệu cho công ty

STT	Đối tác	Hàng hoá
1	LIBERTY MILLS LTD	Vải chính, vải lót các loại
2	KAI CHERNG ENTER PRICE	Vải chính, phụ liệu các loại
3	REALTY TEXTILE CO., LTD	Vải chính, vải lót các loại
4	JANGKI TEXTILE CO., LTD	Vải chính, vải lót các loại
5	OS – SONG	Vải chính, vải lót các loại
6	FULTIDE ENTERPRISE CO., LTD	Vải chính, vải lót các loại
7.	CÔNG TY TNHH YKK VIỆT NAM	Phụ liệu Khóa
8.	CHI NHÁNH CÔNG TY COATS PHONG PHÚ	Phụ liệu Chỉ
9.	CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT TRẦN HIỆP THÀNH	Vải chính, vải lót các loại
10.	CÔNG TY CỔ PHẦN SX&TM VIỆT HÀN TLP	Sơ bông

Nguồn: TNG

TNG tự chủ hoàn toàn được nguồn cung bông tấm giúp Công ty chủ động hơn trong thời

gian sản xuất. Bông tấm sản xuất ra chủ yếu được dùng trong may áo Jacket (chiếm khoảng 18% nguyên vật liệu) cho khách hàng lớn nhất của TNG là Decathlon (khoảng 30% doanh thu). Việc tự sản xuất được bông tấm này giúp TNG tiết kiệm thời gian vận chuyển và tự chủ được thời gian sản xuất. Bên cạnh đó, TNG tiếp tục nâng cao năng lực sản xuất bông tấm thông qua đầu tư thêm dây chuyền bông số 3 ở dự án Phú Bình, tổng công suất hiện nay đạt khoảng 13 triệu mét/năm, đủ đáp ứng nhu cầu khoảng 10 triệu mét/năm của doanh nghiệp. Sản lượng bông thừa ra được TNG bán trực tiếp cho nhà máy Decathlon ở Ấn Độ, tuy nhiên, doanh thu đóng góp chưa đáng kể (khoảng dưới 1%).

Bảng 14: Phế phẩm TNG thu gom và chuyển giao phế liệu cho đơn vị khác tái chế

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Giấy vụn	kg	363.000	3.517.114	3.824.492
2	Bông vụn	kg			
3	Vải thừa	kg			
4	Nilon	kg			
5	Chỉ dờ	kg			

Nguồn: TNG

TNG đã chỉ đạo sử dụng tối đa nguyên liệu nhập đầu vào, đồng thời các nguyên liệu không sử dụng lại được sẽ được thu gom làm nguyên liệu cho các sản phẩm khác (bông vụn, sản phẩm vải dờ dang được sử dụng làm nguyên liệu đầu vào làm thú nhồi bông; giấy vụn, bìa carton được thu gom sử dụng tạo ra các loại sản phẩm giấy khác; nilon, lõi cuộn chỉ bằng nhựa được thu thập lại tái chế các loại nhựa,...) tạo nên vòng đời sản phẩm mới. Khi xu thế tái chế ngày càng được đánh giá cao và được nhiều quốc gia trên thế giới quan tâm thì việc các doanh nghiệp sản xuất như ngành may mặc chú trọng tận dụng các nguyên liệu dư thừa để tạo ra sản phẩm mới là hành động góp phần tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường. TNG đã và đang tiếp tục đầu tư nghiên cứu và tận dụng phế liệu, phế phẩm (giấy vụn, bông vụn, vải thừa, nilon, chỉ dờ, thành phẩm vải dờ dang,...) xử lý tái chế làm nguyên liệu cho sản phẩm khác.

6.2.2. Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu

Trong suốt những năm qua, TNG đã hợp tác và xây dựng được mối quan hệ truyền thống ổn định với các nhà cung cấp từ Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan ... Đồng thời để tiếp cận các thị trường này, Công ty có người đại diện tại các thành phố Thượng Hải, Trung Quốc để tìm nguồn, kiểm tra chất lượng, tiến độ và giá cả nhằm chủ động nguồn nguyên, phụ liệu kịp thời cho sản xuất.

Mặc dù nguồn cung nguyên liệu trong nước không sẵn (phần lớn nguyên phụ liệu ngành dệt may phải nhập khẩu) song nguồn cung từ các nước như Trung Quốc, Đài Loan ... lại khá dồi dào, phong phú và giá cả hợp lý và rất cạnh tranh. Ngoài ra đây đều là những thị trường có ngành may mặc khá phát triển, vị trí địa lý lại khá thuận lợi nên việc tiếp cận các nguồn cung này khá dễ dàng. Nhờ xây dựng được quan hệ tốt với các nhà cung cấp, TNG đã tìm kiếm được nguồn nguyên vật liệu đáp ứng nguyên phụ liệu cần thiết cho hoạt động sản xuất.

6.2.3. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu và lợi nhuận của ngành may mặc là một yếu tố quan trọng và có tác động sâu rộng. Ngành may mặc phụ thuộc vào nguyên vật liệu đầu vào như vải, chỉ, cúc, khóa, và các phụ kiện khác để sản xuất ra sản phẩm. Khi giá của các nguyên vật liệu này thay đổi, sẽ dẫn đến sự thay đổi trong chi phí sản xuất và cuối cùng ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp trong ngành.

Trong ngành may mặc, chi phí nguyên phụ liệu chiếm từ 60-70% tổng chi phí sản xuất. Khi giá nguyên vật liệu tăng, chi phí sản xuất tăng lên, trực tiếp ảnh hưởng đến biên lợi nhuận. Với các hợp đồng đã ký kết, doanh nghiệp khó có thể chuyển phần chi phí tăng thêm này sang khách hàng, từ đó làm giảm lợi nhuận kinh doanh.

Nguồn nguyên liệu của ngành may mặc Việt Nam phần lớn phải nhập khẩu (bông, sợi, vải...), khiến giá cả phụ thuộc vào thị trường quốc tế. Các yếu tố như xung đột chính trị, lạm phát, chi phí vận chuyển tăng có thể làm giá nguyên vật liệu dao động mạnh. Nguyên vật liệu từ Trung Quốc và các quốc gia khác thường được thanh toán bằng USD. Khi tỷ giá USD/VND tăng, chi phí nhập khẩu tăng, gây áp lực lên giá thành sản xuất.

Để có thể giảm thiểu và hạn chế rủi ro khi giá cả tăng cao, TNG đã đầu tư vào sản xuất nguyên phụ liệu trong nước để giảm phụ thuộc nhập khẩu và giảm tác động từ biến động tỷ giá và giảm sự phụ thuộc vào nguồn cung nguyên phụ liệu từ nước ngoài, bằng cách mở rộng các nhà cung cấp trong nước và đầu tư vào các nhà máy phụ trợ của Công ty.

6.3. Chi phí sản xuất

Bảng 15: Cơ cấu chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố năm 2023 (hợp nhất)*

Khoản mục	Năm 2023	
	Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.594.658	50,66
Chi phí nhân công	2.144.960	30,23
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	220.618	3,11

Khoản mục	Năm 2023	
	Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu
Chi phí dịch vụ mua ngoài	285.376	4,02
Chi phí dự phòng	941	0,01
Chi phí bằng tiền khác	244.922	3,45
Tổng	6.491.475	91,49

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của TNG

Ghi chú: * Tại thời điểm 31/12/2024, TNG không có công ty con như trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo Bạch này. Do vậy, kết thúc năm 2024, TNG chỉ ban hành BCTC riêng của Công ty.

Bảng 16: Cơ cấu chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố năm 2023 (công ty mẹ), năm 2024 và Quý I năm 2025

Khoản mục	Năm 2023		Năm 2024			Quý I/2025	
	Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu	Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu	% tăng (giảm) so với năm 2023	Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.594.658	50,64	4.058.458	53,01	12,90	755.576	53,33
Chi phí nhân công	2.141.784	30,17	2.304.086	30,10	7,58	448.244	31,64
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	221.057	3,11	235.062	3,07	6,34	44.491	3,14
Chi phí dịch vụ mua ngoài	286.372	4,03	311.071	4,06	8,62	57.669	4,07
Trích lập dự phòng	941	0,01	9.081	0,12	864,96	921	0,07
Chi phí bằng tiền khác	94.034	1,32	125.542	1,64	33,51	22.175	1,56
Tổng	6.338.846	89,30	7.043.299	92,00	11,11	1.782.887	93,80

Nguồn: BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán, BCTC năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của TNG

Bảng 17: Cơ cấu chi phí theo hoạt động kinh doanh năm 2023 (công ty mẹ), năm 2024 và Quý I năm 2025

CHỈ TIÊU	Năm 2023		Năm 2024			Quý I/2025	
	Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu	Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu	% tăng (giảm) so với năm 2023	Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	6.113.801	86,13	6.473.870	84,56	5,89	1.280.787	84,78
Chi phí tài chính	325.693	4,59	371.106	4,85	13,94	78.710	5,21
- Trong đó: Chi phí lãi vay	192.360	2,71	184.426	2,41	-4,12	52.351	3,47
Chi phí bán hàng	101.717	1,43	110.513	1,44	8,65	14.583	0,97
Chi phí quản lý doanh nghiệp	358.408	5,05	424.455	5,54	18,43	105.895	7,01
Chi phí khác	21.033	0,30	11.918	0,16	-43,34	365	0,02
Tổng Chi phí	6.920.652	97,50	7.391.861	96,55	6,81	1.480.340	97,99

Nguồn: BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán, BCTC năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của TNG

So với năm 2023, năm 2024 Công ty ghi nhận mức tăng doanh thu thuần 7,86%, tuy nhiên chi phí cũng tăng tương ứng khiến biên lợi nhuận cải thiện không đáng kể. Giá vốn hàng bán tăng 5,89% nhưng tỷ trọng giá vốn hàng bán/doanh thu giảm nhẹ từ 86,13% xuống 84,56%, cho thấy biên lợi nhuận gộp có cải thiện. Chi phí tài chính tăng 13,94%, chủ yếu do các khoản chi ngoài lãi vay, làm tăng áp lực chi phí. Đồng thời, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh 18,43% so với cùng kỳ năm 2023, khiến tỷ trọng doanh thu thuần tăng từ 5,05% lên 5,54%. Trong khi đó, chi phí bán hàng và chi phí khác được kiểm soát tốt, chỉ tăng nhẹ hoặc giảm so với năm trước. Nhìn chung, hiệu quả hoạt động của TNG có cải thiện về mặt biên lợi nhuận gộp nhưng việc gia tăng chi phí tài chính và quản lý làm ảnh hưởng tới khả năng tốc độ gia tăng biên lợi nhuận.

6.4 Trình độ công nghệ

Trong các năm qua, TNG đã tập trung đầu tư chiều sâu cho các chi nhánh may cũng như đầu tư theo định hướng mặt hàng, nguồn hàng. Công ty đã trang bị các thiết bị chuyên dùng tự động tiên tiến, hiện đại để nâng cao năng suất và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách

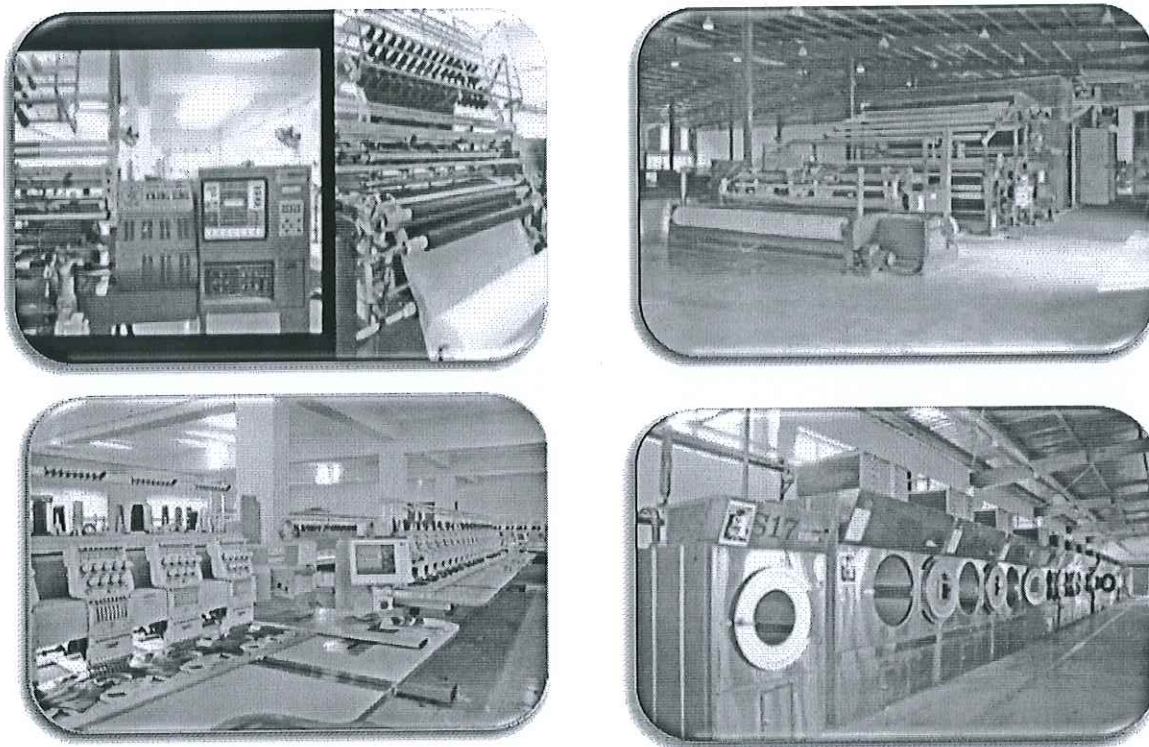
hàng. Vì vậy, đến nay các chi nhánh may đã được đầu tư nhiều máy móc thiết bị may các loại (từ máy 1 kim, 2 kim đến các máy chuyên dùng như máy 1 kim điện tử tốc độ cao, máy mổ túi, máy tra tay áo, máy tự động cắt chỉ, tự động lại mũi, cố định mũi may, máy ép seam, máy cộp nhiệt), một số các thiết bị này được đầu tư đồng bộ từ khâu giác sơ đồ đến khâu trải vải, cắt, may và hoàn tất trong đó có một số công đoạn được trang bị khá hiện đại tầm cỡ khu vực và thế giới như thiết bị giác sơ đồ, trải vải, hoàn tất và một số dây chuyền sản xuất may mặc với quy trình công nghệ khép kín và hiện đại.

Khâu thiết kế, nhẩy cỡ và giác sơ đồ đã được thực hiện hoàn toàn trên máy vi tính với sự hỗ trợ của phần mềm vi tính như Gerber/lextra. Khâu xây dựng quy trình công nghệ và thiết kế dây chuyền đã được thực hiện đối với tất cả các mã hàng trước khi sản xuất để đảm bảo tăng năng suất lao động và làm cơ sở cho việc tính đơn giá tiền lương. Từ sự đầu tư trên đã mang lại một bộ mặt mới khởi sắc cho các đơn vị trong việc chủ động được nguồn hàng, khách hàng để chuyên môn hóa sản xuất và mặt khác là đã giúp cho các đơn vị nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm tăng thêm uy tín với khách hàng cũng như phát huy được lợi thế cạnh tranh và từ đó thay đổi và phát huy được quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm; việc xây dựng quy trình công nghệ cho từng sản phẩm đã được chuyên môn hóa cao ở những khâu trọng yếu.

Ngày 1/2/2022, TNG thành lập Chi nhánh Giải pháp công nghệ TRE với dự án Giải pháp quản trị và điều hành thông minh cho ngành may. Trong năm 2023, TRE đã thực hiện triển khai dự án với 10 khách hàng, tiến hành nâng cấp các phân hệ điều hành, thêm 8 dự án mới nổi bật trong đó: giao việc tự động, đặt hàng tự động, App kiểm tra mác, Dự án phần mềm nhân sự mới, dự án quản lý tài sản. Tháng 5/2023, Chi nhánh TOT (công nghệ tự động hóa TNG) được thành lập với vai trò sẽ mở rộng, tăng cường triển khai nghiên cứu, thiết kế chế tạo sản phẩm tự động hóa Công nghệ cao lĩnh vực may mặc hướng tới mục tiêu trở thành đơn vị cung cấp giải pháp, thiết kế chế tạo máy tự động cho ngành dệt may.

Năm 2024, TNG tăng cường triển khai nghiên cứu, thiết kế chế tạo sản phẩm tự động hóa Công nghệ cao lĩnh vực may mặc hướng tới mục tiêu biểu có thể kể đến: App QR Leader (tự động thông báo cho các bộ phận liên quan khi gặp lỗi chất lượng, đồng thời tự động gợi ý giải pháp sửa lỗi), kết nối dữ liệu với nhà cung cấp, module hoàn thuế xuất nhập khẩu (tự động truy vết vật tư và tính tiền thuế, theo dõi và tổng hợp công tác hoàn thuế xuất nhập khẩu) và module quản lý cán bộ (tự động hóa quy trình quản lý, quản lý thông tin nhân sự tập trung và hỗ trợ quy hoạch nguồn nhân lực chiến lược).

Hình 6: Hình ảnh về một số máy móc thiết bị của công ty



Nguồn: TNG

Song song với việc đổi mới công nghệ sản xuất, công ty cũng không ngừng nâng cao công nghệ trong quản lý và điều hành. Công ty đã đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý điều hành sản xuất để tăng tính chủ động, tính chính xác và kịp thời trong quản lý sản xuất. Với lĩnh vực dịch vụ, công ty đã áp dụng hệ thống thanh toán các đơn hàng xuất khẩu qua thẻ của hệ thống các ngân hàng lớn tại nước ngoài.

Bảng 18: Một số phần mềm ứng dụng tại công ty

STT	Tên phần mềm	Lĩnh vực ứng dụng
1	Bravo	Quản lý công tác hành chính kế toán, bán hàng
2	ERP TNG	Quản lý vật tư
3	ERP TNG	Quản lý chấm công
4	ERP TNG	Quản lý nhân sự tiền lương
5	ERP TNG	Quản lý Dự toán xây dựng cơ bản
6	ERP TNG	Quản lý và điều hành quá trình sản xuất
7	MD – Modepro – V5R2	Nhập mẫu, thiết kế, nháy cỡ
8	DN – Markpack – V5R2	Giác sơ đồ
9	Accumark	Nhập mẫu, thiết kế, giác sơ đồ
10	Phần mềm Clo 3D	Fit mẫu trên manocanh ảo, phối màu, trình diễn catwalk. Điều chỉnh kích thước, chất liệu sản phẩm, màu sắc theo nhu cầu từ phía khách hàng
11	Phần mềm văn phòng số	Quản lý văn bản, chứng từ và các nghiệp vụ văn phòng

STT	Tên phần mềm	Lĩnh vực ứng dụng
12	Phần mềm Kho phụ liệu thông minh	Quản lý đơn hàng xuất nhập kho
13	Phần mềm Kết nối dữ liệu với khách hàng	Quản lý đơn hàng xuất kho, hàng tồn, thông tin sản phẩm xuất đi cho khách hàng
14	PMS	Quản lý dự toán, thanh quyết toán các công trình
15	Gerber; Browzwear	Thiết kế mẫu áo 3D
16	ECUS	Kết nối dữ liệu hải quan

Nguồn: TNG

6.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

- Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng: Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, Hệ thống quản lý an toàn cho sản phẩm y tế ISO 13485:2016.
- Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty: Phòng quản lý chất lượng chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

❖ Quản trị hệ thống đánh giá quản lý chất lượng (SQP)

- Xây dựng quy trình, đánh giá, giám sát hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn của công ty và tiêu chuẩn khách hàng;
- Đảm bảo hệ thống đánh giá quản lý chất lượng đạt theo tiêu chuẩn đánh giá của khách hàng;
- Đào tạo, giám sát các đơn vị, nhân viên (SQP) thực hiện theo quy trình hệ thống đánh giá quản lý chất lượng;
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất khen thưởng hoặc kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng tham mưu.

❖ Quản trị hệ thống kiểm soát chất lượng sản phẩm (QA)

- Xây dựng quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của từng khách hàng;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình của các chi nhánh đảm bảo việc tuân thủ và thực hiện theo quy trình khách hàng và công ty quy định;
- Phân tích chỉ số chất lượng và đưa cảnh báo đối với các đơn vị có nguy cơ rủi ro về chất lượng sản phẩm trước khi xuất hàng;
- Báo cáo phân tích đánh giá chỉ số chất lượng của các chi nhánh, từng khách hàng, từng nhà cung cấp;
- Đào tạo, giám sát định kỳ cho các đơn vị, nhân viên QA/QC thực hiện theo quy trình hệ thống quản lý chất lượng;
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu/nhập liệu chỉ tiêu chất lượng trên phần mềm;
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất Khen thưởng hoặc kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng tham mưu.

❖ **Quản trị hệ thống Lab (Chi nhánh Lab - Trung tâm thử nghiệm TNG)**

- Quản trị hệ thống Lab, xây dựng quy trình, đánh giá, giám sát hệ thống quản lý đạt theo tiêu chuẩn khách hàng tại công ty;
- Xây dựng bộ tiêu chuẩn test nguyên phụ liệu đầu vào phù hợp với tiêu chuẩn của khách hàng, của ngành dệt may Việt Nam;
- Xây dựng các bộ tiêu chuẩn Test cho các sản phẩm công nghệ, phù hợp với tiêu chuẩn ngành trong nước và quốc tế;
- Giám sát việc thực hiện quy trình của các phòng Lab thành viên tại các chi nhánh đảm bảo việc tuân thủ và chất lượng mẫu Test (Thử nghiệm) theo quy trình Lab;
- Đảm bảo mẫu đạt tiêu chuẩn, phương pháp thử nghiệm, đạt chứng nhận theo tiêu chuẩn của khách hàng;
- Quản lý, vận hành trực tiếp phòng Lab (thử nghiệm) tại các khu vực Sông Công, Phú Bình;
- Đào tạo, giám sát định kỳ các đơn vị thực hiện theo tiêu chuẩn khách hàng, công ty quy định;
- Phân tích chỉ số, chỉ tiêu, phương pháp Test và cập nhật các thông tin, theo định kỳ, theo tiêu chuẩn ngành;
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu/nhập liệu chỉ tiêu Lab trên phần mềm Module chất lượng;
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất hình thức Khen thưởng hoặc kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng tham mưu.

6.6 Hoạt động Marketing

Hiện nay, Công ty xác định thị trường xuất khẩu vẫn là chủ lực. Tuy nhiên để tránh việc quá phụ thuộc vào thị trường Hoa Kỳ, Công ty sẽ đẩy mạnh phát triển thị trường Châu Âu, Đông Âu, Mê-xi-cô và Nam Mỹ. Đồng thời, Công ty sẽ tăng cường tiếp cận, mở rộng và từng bước thâm nhập vào thị trường nội địa.

Đối với khách hàng truyền thống, Công ty luôn duy trì và không ngừng củng cố, phát triển mối quan hệ với khách hàng truyền thông để khách hàng luôn cảm thấy hài lòng với các sản phẩm, dịch vụ của Công ty. Hàng năm, Công ty đều tổ chức gặp gỡ, trao đổi đánh giá quá trình làm việc trong năm để lắng nghe ý kiến phản hồi của khách hàng, từ đó rút kinh nghiệm cho giai đoạn tiếp theo.

Để tiếp cận các khách hàng mới, nhất là tại thị trường xuất khẩu, Công ty cũng thường xuyên tham gia các hội chợ quốc tế (như hội chợ hàng dệt may tại Hoa Kỳ, Đức, Trung Quốc, Liên Bang Nga ...) và các chương trình xúc tiến thương mại cấp Quốc gia, các

chương trình liên kết với Vinatex và Vitas, các hội thảo về dệt may và xuất khẩu tổ chức tại Hà Nội, các đơn vị trong ngành.

6.7 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Nhãn hiệu thương mại của Công ty là TNG đã được đăng ký với cơ quan hữu quan. Ngoài ra, với vị thế và uy tín của TNG đã được các khách hàng tín nhiệm ủy quyền sản xuất các nhãn hiệu như: The Childrensplace, Columbia Sport wear, Lolitog, Target,...

Công ty đã đăng kí Logo TNG tại Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam.

TNG

6.8 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 19: Một số hợp đồng đã được ký kết hoặc đang thực hiện

TT	Hợp đồng	Tên đối tác	Tên sản phẩm dịch vụ (đầu ra/đầu vào)	Thời hạn hợp đồng		Tổng giá trị hợp đồng (tỷ đồng) (nếu có)	Mối quan hệ với cổ đông nội bộ và cổ đông lớn
				Bắt đầu	Kết thúc		
I	Hợp đồng đầu ra						
1	01-TNG/TCP 2024	The Children’s Place services company, LLC	Quần áo	01/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
2	SM23/1040-AW25	“Sportmaster” Ltd	Quần áo	04/12/2023	04/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
3	01/IFG-TNG/2024	IFG Corp	Quần áo	02/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
4	01/HADDAD-TNG/2024	THE HADDAD APPAREL GROUP, LTD	Quần áo	01/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
5	01/ASM-TNG/2024	ASMARA INTERNATIONAL LIMITED	Quần áo	03/01/2024	03/01/2025	Hợp đồng nguyên tắc	Không
6	01/CS-TNG/2024	Columbia Sportswear Company	Quần áo	20/02/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
7	TNG 01 –	COMTRADIN	Quần áo	01/01/2024	31/12/2024	Hợp	Không

TT	Hợp đồng	Tên đối tác	Tên sản phẩm dịch vụ (đầu ra/đầu vào)	Thời hạn hợp đồng		Tổng giá trị hợp đồng (tỷ đồng) (nếu có)	Mối quan hệ với cổ đông nội bộ và cổ đông lớn
				Bắt đầu	Kết thúc		
	COM/24	G APPAREL DMCC				đồng nguyên tắc	
8	01/2024-TNG/SHENDA	SHANGHAI SHENDA IMP. & EXP. CO., LTD	Quần áo	04/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng đồng nguyên tắc	Không
9	DIA23/TNG	DIASTAR GENERAL TRADING LLC	Quần áo	19/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng đồng nguyên tắc	Không
10	01/C&A - TNG/2024	C&A BUYING GmbH & CO.KG	Quần áo	01/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng đồng nguyên tắc	Không
11	01/ASM-TNG/2025	ASMARA INTERNATIONAL LIMITED	Quần áo	02/01/2025	03/01/2026	Hợp đồng đồng nguyên tắc	Không
12	01-TNG/TCP 2025	The Children's Place services company, LLC	Quần áo	01/01/2025	31/12/2025	Hợp đồng đồng nguyên tắc	Không
13	01/IFG-TNG/2025	IFG Corp	Quần áo	02/01/2025	31/12/2025	Hợp đồng đồng nguyên tắc	Không
14	01/HADDAD-TNG/2025	THE HADDAD APPAREL GROUP, LTD	Quần áo	02/01/2025	31/12/2025	Hợp đồng đồng nguyên tắc	Không
II Hợp đồng đầu vào							
1	HN 043/24 - DOM HANAM	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YKK VIỆT NAM – CHI NHÁNH HÀ NAM	Khóa	01/04/2024	31/03/2025	Hợp đồng đồng nguyên tắc	Không
2	2024/VH-TNG	Công ty CP SX&TM Việt Hàn TLP	Sơ bông	01/12/2023	31/12/2024	Hợp đồng đồng nguyên tắc	Không
3	01/TNG-TD/2024	Công ty TNHH Sản xuất và	Chi	02/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng	Không

TT	Hợp đồng	Tên đối tác	Tên sản phẩm dịch vụ (đầu ra/đầu vào)	Thời hạn hợp đồng		Tổng giá trị hợp đồng (tỷ đồng) (nếu có)	Mối quan hệ với cổ đông nội bộ và cổ đông lớn
				Bắt đầu	Kết thúc		
		Thương mại Trung Dũng				nguyên tắc	
4	APP/LO/2024/1 20021	Chi nhánh công ty TNHH Coats Phong Phú	Chi	02/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
5	1-2024/TNG – AVERY DENNISON	Cty TNHH Avery Dennison Ris Việt Nam	Mác	02/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
6	01-2023/BUVN-TNG	CÔNG TY TNHH BUILD - UP VIỆT NAM CHI NHÁNH 2	Móc treo	05/09/2023	05/09/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
7	IN 07/TNG-BM/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN VP BÌNH MINH	In	04/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
8	TNG/MA-2024	Cty TNHH Mainetti (Việt Nam)	Móc treo	02/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
9	MX-TNG-01-2024	Công ty TNHH nhãn mác và bao bì Maxim Việt Nam	Mác	02/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
10	01/THT-TNG(DC)/2024	Công ty cổ phần dệt Trần Hiệp Thành	Vải	02/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
11	HN061/25-DOM HANAM	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YKK VIỆT NAM – CHI NHÁNH HÀ NAM	Khóa	01/04/2025	31/03/2026	Hợp đồng nguyên tắc	Không
12	01/TNG-VH/2025	Công ty CP SX&TM Việt Hàn TLP	Sơ bông	01/01/2025	31/12/2025	Hợp đồng nguyên tắc	Không
13	01/TNG-TD/2025	Công ty cổ phần Sản xuất và đầu tư Trung Dũng	Chi	02/01/2025	31/12/2025	Hợp đồng nguyên tắc	Không
14	1-2025/TNG –	Cty TNHH	Mác	02/01/2025	31/12/2025	Hợp	Không

TT	Hợp đồng	Tên đối tác	Tên sản phẩm dịch vụ (đầu ra/đầu vào)	Thời hạn hợp đồng		Tổng giá trị hợp đồng (tỷ đồng) (nếu có)	Mối quan hệ với cổ đông nội bộ và cổ đông lớn
				Bắt đầu	Kết thúc		
	AVERY DENNISON	Avery Dennison Ris Việt Nam				đồng nguyên tắc	

Nguồn: TNG

7. Kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niên Yết trong 02 năm gần nhất

Bảng 20: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của năm 2023 (công ty mẹ), năm 2024 và Quý I năm 2025

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng (giảm) năm 2024/2023 (%)	Quý I năm 2025
Tổng giá trị tài sản	5.147.382	5.816.875	13,01	6.151.960
Vốn chủ sở hữu	1.726.311	1.892.421	9,62	1.886.700
Doanh thu thuần	7.098.010	7.655.753	7,86	1.510.646
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	292.017	400.866	37,27	53.677
Lợi nhuận khác	-18.021	-10.387	-42,36	-197
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	273.997	390.479	42,51	53.480
Lợi nhuận sau thuế	222.362	314.824	41,58	43.319
Tỷ lệ chi trả cổ tức	16%	16%	0	
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	13,26%	17,83%	28,58	2,30%

Nguồn: BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán, BCTC năm 2024 đã được kiểm toán và

BCTC Quý I năm 2025 của TNG

Trong giai đoạn 2023–2024, Công ty ghi nhận tăng trưởng tích cực với tổng tài sản tăng 13,01%, vốn chủ sở hữu tăng 9,62%. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính của TNG năm 2024 tăng trưởng xấp xỉ 8% nhờ việc tập trung vào khai thác các dòng hàng khó, phức

tập cũng như mở rộng thị trường xuất khẩu, các đơn hàng xuất khẩu sang các thị trường mới đã đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng doanh thu. Bên cạnh đó, lợi nhuận kế toán sau thuế của TNG trong năm 2024 tăng hơn 92 tỷ đồng tương ứng với tốc độ tăng trưởng 41,58% so với cùng kỳ năm 2023. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2024 tăng 37% và lợi nhuận trước thuế tăng 42,51% so với cùng kỳ năm trước. Từ đó cho thấy tốc độ tăng trưởng lợi nhuận cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng doanh thu, biên lợi nhuận của Công ty đã được cải thiện đáng kể. Yếu tố thúc đẩy tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của TNG chủ yếu đến từ việc TNG đã thực hiện nhiều biện pháp cải tiến quy trình sản xuất và quản lý giúp tối ưu hóa chi phí nguyên vật liệu và chi phí sản xuất trong năm 2024, từ đó gia tăng hiệu quả kinh doanh như việc: tăng sử dụng máy móc thiết bị tự động, công nghệ AVG, robot trong việc điều hành sản xuất. Nhờ vào việc đầu tư vào công nghệ và đào tạo nhân lực, năng suất lao động của Công ty đã được nâng cao, giảm thiểu lãng phí nguồn nhân lực và tăng hiệu quả sản xuất.

Trong Quý I/2025, tổng tài sản tiếp tục tăng lên 6.152 tỷ, tăng 5,76% so với cuối năm 2024 cho thấy tốc độ mở rộng quy mô tài sản vẫn duy trì ổn định. Doanh thu thuần Quý 1 năm 2025 của TNG là 1.511 tỷ, tăng 11,63% so với cùng kỳ năm trước.

Bảng 21: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty hợp nhất năm 2023*

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023
Tổng giá trị tài sản	5.230.414
Vốn chủ sở hữu	1.854.901
Doanh thu thuần	7.095.205
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	291.963
Lợi nhuận khác	-20.897
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	271.066
Lợi nhuận sau thuế	219.442
Tỷ lệ chi trả cổ tức	16%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	12,52%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của TNG

Ghi chú: * Tại thời điểm 31/12/2024, TNG không có công ty con như trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo Bạch này. Do vậy, năm 2024, TNG chỉ ban hành BCTC riêng của Công ty.

❖ Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính: không có.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

❖ Thuận lợi:

- Sự thông thoáng hơn của nền kinh tế đã thúc đẩy các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vào Việt Nam, trong đó có ngành cung ứng nguyên phụ liệu dệt may, đây chính là tiền đề thuận lợi để Công ty chủ động phát triển kinh doanh theo hình thức FOB;
- Năm 2023 và năm 2024, TNG thành lập Chi nhánh Giải pháp công nghệ TRE với dự án Giải pháp quản trị và điều hành thông minh cho ngành may, chi nhánh Lab, Phòng Robot TNG với Đội ngũ kỹ sư tinh nhuệ đã cho ra đời 25 thiết kế với 10 máy móc tự động đã được áp dụng tại nhiều chi nhánh; thành lập chi nhánh TOT để mở rộng, tăng cường triển khai nghiên cứu, thiết kế chế tạo sản phẩm tự động hóa Công nghệ cao lĩnh vực may mặc hướng tới mục tiêu trở thành đơn vị cung cấp giải pháp, thiết kế chế tạo máy tự động cho ngành dệt may.
- Hiệp định thương mại tự do EVFTA được ký kết và chính thức có hiệu lực đầu năm 2020 được dự đoán là một cơ hội lớn đối với các sản phẩm xuất khẩu của công ty sang thị trường chủ lực là Châu Âu trong tương lai khi thuế suất được giảm về 0%;
- Hiện tại, TNG đang sử dụng hơn 19.000 lao động trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Việc sử dụng số lượng lao động lớn như vậy tạo điều kiện cho đơn vị Xã, Huyện, Tỉnh giảm tỷ lệ thất nghiệp, giảm chỉ tiêu hộ nghèo nên công ty được chính quyền các cấp ủng hộ, tạo điều kiện;
- Với kết quả kinh doanh tốt hơn trong các năm qua, ngoài nguồn vốn dồi dào từ ngân hàng, công ty cũng đã thu hút được nhiều nguồn tài trợ từ các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài qua hình thức phát hành trái phiếu phục vụ mục đích mở rộng sản xuất kinh doanh.

❖ Khó khăn:

- Yêu cầu sản phẩm ngày một khắt khe từ các thị trường xuất khẩu lớn như EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản,...;
- Ngành dệt và công nghiệp phụ trợ của Việt Nam chưa phát triển tương ứng nên hoạt động sản xuất của doanh nghiệp bị phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu;
- Với việc đang ngày càng nhiều doanh nghiệp sản xuất với quy mô lớn đặt nhà máy trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đặt ra những thách thức không nhỏ đối với công ty trong công tác tuyển dụng và giữ chân lao động. Theo đó, công ty cần phải không ngừng nâng cao môi trường làm việc và chính sách lao động để thu hút nguồn lao động chất lượng cao cho sự phát triển trong tương lai;
- Sự cạnh tranh gay gắt từ các nước xuất khẩu dệt may khác như Trung Quốc, Ấn Độ,... là những nước có nhiều lợi thế hơn về thị trường, nguyên phụ liệu,... không chỉ đe dọa thị trường xuất khẩu mà còn chiếm lĩnh cả thị trường nội địa;
- Rào cản thương mại tại các nước xuất khẩu lớn đang được vận dụng ngày càng tinh vi, gây

khó khăn cho quá trình xuất khẩu của công ty;

- Diễn biến cuộc xung đột Nga – Ukraine vẫn diễn ra phức tạp, Lạm phát tại các thị trường xuất khẩu chính và căng thẳng thuế quan từ Mỹ gây ảnh hưởng không nhỏ đến đơn hàng và đơn giá của doanh nghiệp.

8. Vị thế của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong ngành

8.1 Vị thế của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong ngành

Ngành hàng dệt may là một trong những ngành chủ đạo của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, liên quan đến các khâu sản xuất sợi, dệt nhuộm, vải, thiết kế sản phẩm, hoàn tất hàng may mặc và phân phối hàng may mặc đến tay người tiêu dùng. Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG tập trung hoạt động sản xuất từ khâu may hàng hóa cho đến khâu phân phối đến người tiêu dùng.

TNG từng là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, được thành lập từ năm 1979 khi nền kinh tế Việt Nam đang còn là nền kinh tế tập trung với tên gọi Xí nghiệp may Bắc Thái. Với bề dày lịch sử phát triển, Công ty đã phát triển bền vững trong suốt những năm qua. Năm 2003, TNG được phép cổ phần hóa và trở thành doanh nghiệp ngoài Quốc doanh thuộc sở hữu tư nhân. Đến năm 2007, Công ty được phép niêm yết trên sàn giao dịch HNX. Hiện nay, TNG nằm trong top 10 doanh nghiệp tiêu biểu toàn diện ngành may Việt Nam – theo Giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu ngành Dệt may, được tổ chức 3 năm một lần do Bộ Công thương chủ trì và Hiệp hội Dệt may Việt Nam thực hiện.

Theo Hiệp hội Dệt may Việt Nam, TNG là một trong những doanh nghiệp may mặc xuất khẩu hàng đầu Việt Nam. Công ty đang có thế mạnh lớn khi các hợp đồng gia công quốc tế cho các nhãn hiệu nổi tiếng như ZARA, MANGO, GAP, C&A, CK, TCP, Columbia, Walmart, Mark & Spencer, Target, Decathlon, JCPenney, The Children Place. Mục tiêu lâu dài mà TNG hướng đến là bán hàng trực tiếp cho các nhà bán lẻ hàng đầu thế giới nhằm gia tăng lợi nhuận. Mặt khác, TNG cũng đang tận dụng thế mạnh, khai thác và củng cố vị thế của mình đối với thị trường thời trang trong nước.

Xét về thị phần, Công ty chưa có thông tin cụ thể về vị trí thị phần của TNG trong ngành dệt may Việt Nam.

Hiện nay, TNG đã phát triển được hệ thống các nhà máy may mặc rộng khắp tỉnh Thái Nguyên quy mô lớn với 15 chi nhánh may có trang thiết bị hiện đại, 2 chi nhánh phụ trợ, 2 chi nhánh công nghệ và 1 chi nhánh kiểm định chất lượng.

8.2 Triển vọng phát triển ngành

Theo thống kê của Hiệp hội Dệt may Việt Nam (Vitas), trong năm 2024, kim ngạch xuất

khẩu dệt may đạt hơn 40 tỷ USD, tăng 5% so với năm 2023. Trong đó, thị trường Hoa Kỳ và Châu Âu tiếp tục là hai thị trường chủ lực, xuất khẩu sang Mỹ đạt 15 tỷ USD tăng 3% so với năm 2023, xuất khẩu sang Châu Âu đạt 10 tỷ USD tăng 4% so với năm 2023. Tuy nhiên, những doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu dệt may Việt Nam vẫn gặp một số khó khăn nhất định như: cạnh tranh gia tăng (các nước như Bangladesh và Campuchia đang nâng cao năng lực sản xuất và xuất khẩu, tạo áp lực cạnh tranh cho Việt Nam), yêu cầu về tiêu chuẩn cao (thị trường Mỹ và EU ngày càng chú trọng đến các tiêu chuẩn về môi trường và lao động, đòi hỏi doanh nghiệp phải đầu tư để đáp ứng) và biến động kinh tế toàn cầu. Hiện ngành dệt may Việt Nam đang xuất khẩu sang khoảng 104 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn cầu với các thị trường mới như châu Phi, Nga, các nước đạo Hồi, 36 mặt hàng dệt may xuất khẩu. Ngành dệt may Việt Nam vẫn có những ưu thế so với các quốc gia cạnh tranh. Việt Nam đã tham gia và đang đàm phán 19 Hiệp định thương mại tự do (trong đó: 16 FTA đã ký kết và thực thi; 3 FTA đang trong quá trình đàm phán) và là quốc gia duy nhất ký kết Hiệp định thương mại tự do với tất cả các đối tác kinh tế lớn trên toàn cầu như: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, EU, Anh, Nga. Đặc biệt, Chiến lược phát triển ngành Dệt May và Da Giày Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2035 được Chính Phủ phê duyệt mới đây sẽ là nền móng thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực sợi – dệt – nhuộm, tạo cơ hội cho ngành dệt may tận dụng ưu đãi từ các Hiệp định.

❖ **Hiệp định EVFTA – Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu**

Với việc Hội đồng châu Âu thông qua Hiệp định EVFTA vào ngày 30 tháng 3 năm 2020 và Quốc hội Việt Nam phê chuẩn Hiệp định vào ngày 8 tháng 6 năm 2020, điều này sẽ giúp cho tình hình xuất nhập khẩu của các mặt hàng nói chung và các mặt hàng ngành Dệt may nói riêng được dự báo tăng trưởng nhanh chóng từ năm 2020. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đưa ra dự báo đối với kim ngạch xuất khẩu ngành dệt may, trong kịch bản tích cực dự báo kim ngạch xuất khẩu vào thị trường EU sẽ tăng nhanh với mức khoảng 67% đến năm 2025 so với kịch bản không có Hiệp định. Về sản lượng, nhìn chung EVFTA có tác động tích cực tới sản lượng với tốc độ tăng 6% (với ngành dệt) và 14% (với ngành may) vào năm 2030.

Nhờ cạnh tranh về giá cả, khối EU nhìn chung đều tăng nhập hàng từ các nước thứ 3, thường là Bangladesh, Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ, Pakistan, Việt Nam, v.v. Trong đó, trị giá xuất khẩu hàng may mặc Việt Nam đang ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao hơn so với mặt bằng trị giá nhập khẩu vào các nước trong khối EU. Tuy vẫn phải cạnh tranh gay gắt từ Bangladesh và Pakistan, tuy nhiên hàng may mặc Việt Nam vẫn đang từ từ gia tăng thị phần trong thị trường EU.

❖ **Mục tiêu và định hướng Quốc gia đối với ngành Dệt may**

Quyết định số 1643/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Dệt May và Da Giày Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2035 ban hành ngày 29/12/2022 đã nêu: Mục tiêu tổng quát nhằm phát triển ngành dệt may và da giày là ngành chủ lực về xuất khẩu của nền kinh tế; đẩy mạnh sản xuất sản phẩm có chất lượng, có năng lực cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước; giữ vững vị trí trong nhóm các quốc gia sản xuất và xuất khẩu sản phẩm dệt may, da giày hàng đầu thế giới. Đến năm 2025, thu nhập bình quân của lao động trong doanh nghiệp ngành dệt may và da giày đạt trên 90% mức thu nhập bình quân chung của lao động trong doanh nghiệp cả nước và phấn đấu giảm dần khoảng cách với mức bình quân chung cả nước. Đến năm 2035, ngành dệt may và da giày phát triển hiệu quả, bền vững theo mô hình kinh tế tuần hoàn; hoàn thiện chuỗi giá trị sản xuất trong nước, tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu; phát triển được một số thương hiệu mang tầm khu vực và thế giới.

Mục tiêu cụ thể về phát triển ngành dệt may như sau:

- Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2021 - 2030 đạt 6,8% - 7,2%/năm, trong đó giai đoạn 2021 - 2025 phấn đấu đạt 7,5% - 8,0%/năm.
- Phấn đấu kim ngạch xuất khẩu năm 2025 đạt 50 - 52 tỷ USD và năm 2030 đạt 68 - 70 tỷ USD.
- Tỷ lệ nội địa hóa ngành Dệt May giai đoạn 2021 - 2025 đạt 51% - 55% và giai đoạn 2026 - 2030 đạt 56% - 60%.

Theo định hướng chung, ngành dệt may phát triển theo hướng chuyên môn hoá, hiện đại hóa; cải thiện cơ cấu sản phẩm, tập trung phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng cao; áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quản lý chất lượng tiên tiến để nâng cao sức cạnh tranh của ngành. Đồng thời, toàn ngành cũng đặt mục tiêu đẩy mạnh chuyển từ gia công sản xuất sang các hình thức đòi hỏi năng lực cao hơn về quản lý chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị, thiết kế và xây dựng thương hiệu trên cơ sở công nghệ phù hợp đến hiện đại gắn với hệ thống quản lý chất lượng, quản lý lao động và bảo vệ môi trường theo chuẩn mực quốc tế. Thúc đẩy đầu tư sản xuất nguyên, phụ liệu, công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may; chú trọng đến sản xuất vải, vải nhân tạo, da thuộc, khuyến khích sản xuất vải từ sợi sản xuất trong nước nhằm giảm nhập khẩu, tác động tích cực đến mối liên kết, hình thành chuỗi giá trị và cung ứng hoàn chỉnh trong ngành dệt may, đáp ứng yêu cầu về quy tắc xuất xứ của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới cũng như đẩy mạnh quá trình nội địa hóa, cải thiện và giảm nhanh khoảng cách chênh lệch về trình độ và năng suất với các nước có nền kinh tế phát triển cao hơn.

8.3 So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Bảng 22: Các chỉ số tài chính cơ bản của một số doanh nghiệp trong cùng ngành

Nội dung	Đơn vị	TCM	MSH	GIL	EVE	AAT
Tổng tài sản	Triệu đồng	3.895.534	4.523.189	3.262.219	1.284.188	1.334.268
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	2.271.740	2.055.533	2.560.825	948.498	725.392
Doanh thu thuần	Triệu đồng	3.810.451	5.280.403	710.892	741.242	583.010
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	Triệu đồng	339.420	560.026	-1.599	-26.268	-10.759
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	11.008	-16.219	54.855	-2.507	5.880
Lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	350.428	543.808	53.256	-28.776	-4.879
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	278.069	442.490	27.631	-29.094	-8.311

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 2024 đã kiểm toán của TCM, MSH, GIL, EVE và AAT

8.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Trước xu thế phát triển mới của nền kinh tế thế giới, ngành dệt may thế giới nói chung đã có những đổi mới về chính sách và công nghệ để đáp ứng xu thế của chuỗi cung ứng toàn cầu hiện nay là sản xuất sạch, sản xuất bền vững, bảo vệ môi trường và có trách nhiệm xã hội... xu hướng tiến tới sự bền vững toàn cầu trong ngành dệt may. Một số quốc gia trên thế giới đã ban hành các chính sách và thực hành quản lý nhằm hướng tới sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên và giảm chất thải, loại bỏ các chất gây lo ngại và loại trừ phát sinh vi sợi; biến đổi cách thức thiết kế quần áo, bán và sử dụng sao cho có thể giảm thải ra tự nhiên; cải thiện triệt để khả năng tái chế bằng cách thay đổi thiết kế, thu hồi và tái sản xuất; hướng tới sử dụng nguyên liệu liên tục tái tạo.

Theo Quyết định số 1643/QĐ-TTg, Chính Phủ đã đề ra định hướng phát triển của ngành dệt

may và da giày nói chung và ngành dệt may nói riêng. Theo đó, các ngành tập trung phát triển, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh sang các hình thức đòi hỏi năng lực cao hơn về quản lý chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị, thiết kế và xây dựng và thương hiệu. Hiện nay, TNG đã tập trung phát triển công nghệ (đã và đang phát triển công nghệ tự động hóa TNG bằng cách thành lập chi nhánh TOT, chi nhánh LAB, xây dựng kế hoạch TRE và ký thêm các hợp đồng công nghệ phần mềm), chủ động nguồn vật liệu của sản xuất kinh doanh, thúc đẩy sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao (theo phương thức FOB, ODM) và phát triển hệ thống phân phối trong và ngoài nước.

Theo định hướng cụ thể của ngành dệt may tại Quyết định số 1643/QĐ-TTg thì là tập trung vào đầu tư đổi mới công nghệ ở các khâu quyết định như khâu cắt vải tự động, thiết kế mẫu mới, hoàn thiện chu trình may để tăng năng suất lao động và đa dạng hóa sản phẩm. Hiện nay, TNG đã đẩy mạnh sản xuất sang các sản phẩm có giá trị cao, thiết kế mẫu mới, đồng thời đầu tư và nghiên cứu phát triển nguyên liệu bông đen từ sản phẩm tái chế và chuyển đổi nồi hơi đốt sang đốt biomass. Từ đó cho thấy định hướng và hoạt động kinh doanh của TNG phù hợp với định hướng phát triển ngành của Chính Phủ. TNG luôn chú trọng tập trung phát triển công nghệ và phát triển bền vững.

Nhận định và đánh giá về định hướng phát triển của ngành, Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG cũng đã và đang có những chiến lược đúng đắn, phù hợp với định hướng phát triển của ngành và xu thế chung của thế giới. Trong những năm tới, bên cạnh việc tiếp tục đẩy mạnh sản xuất, Công ty cũng đã đầu tư các nhà máy sản xuất dệt may đạt tiêu chuẩn nhà máy xanh và đang đầu tư dự án cụm công nghiệp Sơn Cẩm nơi dự kiến sẽ xây dựng nhà máy xử lý nước thải và cấp nước đáp ứng yêu cầu cao của luật môi trường trong sản xuất dệt nhuộm và giải pháp công nghệ TRE, chi nhánh nhà máy công nghệ TOT.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong công ty

Tổng số nhân viên của TNG tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 19.052 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 18.174 người).

Bảng 23: Cơ cấu lao động của Công ty tại ngày 31/12/2024

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	19.052	100%
1	Trên đại học	47	0,25%
2	Đại học	883	6,63%
3	Cao đẳng	676	3,55%
4	Trung cấp	485	2,55%
5	Sơ cấp	12.851	67,45%

6	Lao động phổ thông	4.110	21,57%
B	Theo độ tuổi	19.052	100%
1	Từ 18 đến 30 tuổi	6.472	33,97%
2	Từ 31 đến 40 tuổi	8.301	43,57%
3	Từ 41 đến 50 tuổi	3.975	20,86%
4	Trên 50 tuổi	304	1,60%
C	Cơ cấu lao động theo hộ khẩu thường trú	19.052	100%
1	Nội tỉnh	17.910	94,01%
2	Ngoại tỉnh	1.142	5,99%
D	Theo giới tính	19.052	100%
1	Nam	5.176	27,17%
2	Nữ	13.876	72,83%

Nguồn: TNG

9.1.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

- ❖ **Chính sách đào tạo:** Đối với người lao động mới và chưa biết nghề may công nghiệp sẽ được Công ty ký hợp đồng đào tạo nghề. Đối với CBCNV, Công ty hỗ trợ 100% tiền lương, tiền học phí đào tạo đối với cán bộ được cử đi học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đặc biệt, Công ty còn hỗ trợ tiền học phí với con của CBCNV đang học tại các trường đại học có nguyện vọng vào làm việc tại Công ty. Để thực hiện rộng rãi hơn cũng như chuyên sâu và hiệu quả hơn các chương trình đào tạo đối với lãnh đạo các phòng ban và người lao động, TNG đã triển khai thực hiện nhiều chương trình đào tạo thiết thực và được đánh giá khá cao trong việc chú trọng công tác đào tạo đối với người lao động.
- ❖ **Chế độ làm việc của người lao động:** Là một doanh nghiệp đông lao động, Công ty luôn quan tâm tới đời sống và môi trường làm việc cho người lao động. Bên cạnh các chế độ về Bảo hiểm, an toàn lao động mà Bộ luật Lao động quy định, Công ty còn áp dụng các tiêu chuẩn về lao động khác như tiêu chuẩn Trách nhiệm Xã hội SA8000, để đảm bảo các quyền lợi của người lao động, từ đó, người lao động luôn yên tâm gắn bó với Công ty.
- ❖ **Chế độ lương, thưởng, phúc lợi và đãi ngộ:**
 - (i) Tiền lương

Theo chức danh công việc, tiền lương được trả theo hệ số cấp bậc của người lao động nhân với tiền lương tối thiểu (tiền lương tối thiểu áp dụng cho CBNV lao động tại TNG tăng 13% so với mức quy định của Nhà nước). Tiền lương sản phẩm: trả theo đơn giá sản phẩm nhân với số lượng sản phẩm. Tiền lương thời gian theo chế độ: Trả cho những ngày nghỉ Lễ, phép, học tập, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ do tai nạn lao động, nghỉ khám sức khỏe định kỳ và chế độ lao động nữ.

- Chính sách nâng lương: TNG thực hiện theo Nội quy lao động và Quy chế tiền lương 2024 - Quyết định số 1888/2024/QĐ-TNG ngày 08/02/2024, trong đó việc nâng lương sẽ gồm 02 loại là nâng lương trong trường hợp đặc biệt và nâng lương theo mức tăng tiền lương tối thiểu vùng hàng năm.
- Chính sách nâng bậc: TNG thực hiện theo Nội quy lao động và Quy chế lương 2024. Vào tháng 01 hàng năm, căn cứ theo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, TNG sẽ xem xét tổ chức nâng bậc cho người lao động. Đối tượng và điều kiện được nâng bậc được quy định rõ trong quy chế lương năm 2024 và được thông tin rộng rãi đến người lao động.

(ii) Tiền thưởng

Tiền thưởng được tính theo Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty gồm: Thưởng thành tích hàng tháng, thành tích thi đua, tháng lương thứ 13, tiền thưởng tích lũy thành tích thi đua hàng tháng, Tết Nguyên Đán, thưởng phân chia nguồn kết dư tiền lương còn lại hàng năm. Bên cạnh đó về thời gian làm việc cũng như các chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết được tuân thủ theo quy định của pháp luật. Làm việc ở TNG người lao động có cơ hội thăng tiến, được bổ nhiệm vào các chức vụ quản lý theo năng lực cá nhân. Công ty khuyến khích và tài trợ kinh phí cho CBNV được học tập nâng cao nghiệp vụ, tay nghề trong và ngoài nước.

(iii) Phúc lợi dành cho người lao động

- Bảo hiểm thân thể 100% mức đóng/năm.
- Tham quan du lịch trong và ngoài nước.
- Nhà ở tập thể cho người lao động với giá ưu đãi.
- Học bổng cho con em có nguyện vọng học xong về làm việc tại TNG, gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn.
- Hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa cho CBNV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.
- Hỗ trợ xe đưa đón CBNV (có địa điểm gửi xe không mất phí), nhà trẻ tại khu tập thể cho CBNV gửi con em.
- Lao động nữ sinh con được Công ty hỗ trợ 300.000đ/ lần sinh. Chế độ thai sản dành cho các ông bố: Người lao động là nam giới, mà cả hai vợ chồng là CBNV của TNG, khi người vợ nghỉ sinh con, người chồng được Công ty cho nghỉ để chăm sóc vợ con. Thời gian được nghỉ là 05 ngày nếu vợ sinh thường, là 07 ngày nếu vợ sinh mổ và được thanh toán 100% tiền lương.
- Xây dựng, phát triển khu cây xanh trong khuôn viên Công ty để người lao động có môi trường xanh, sạch.
- Được nghỉ ngày kỷ niệm thành lập Công ty và dịp Noel vẫn hưởng lương đầy đủ.

❖ Chế độ phụ cấp, trợ cấp

Hiện người lao động tại TNG đang được hưởng phụ cấp, trợ cấp sau:

- Phụ cấp kiêm nhiệm
- Chuyên cần
- Phụ cấp suất ăn ca
- Phụ cấp an toàn vệ sinh viên hằng tháng
- Phụ cấp cho đội trưởng, đội phó Phòng cháy chữa cháy
- Phụ cấp lao động cho các bà mẹ mang thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 6 tuổi.
- Phụ cấp xăng xe

10. Chính sách cổ tức và chính sách vay nợ

10.1. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Bảng 24: Tỷ lệ trả cổ tức trong những năm gần đây

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
Tỷ lệ trả cổ tức (% vốn điều lệ)	16% (8% bằng tiền và 8% bằng cổ phiếu, trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế để lại lũy kế của năm 2022)	16% (8% bằng tiền và 8% bằng cổ phiếu, trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế để lại lũy kế của năm 2023)

Nguồn: TNG

10.2 Chính sách vay nợ trong thời hạn trái phiếu

Trái Phiếu được phát hành nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong thời hạn Trái Phiếu, trên cơ sở nhu cầu vốn của Công ty cũng như các dự án đang thực hiện và sẽ triển khai và trên cơ sở tự cân đối nguồn vốn, Công ty có thể cần huy động thêm vốn dưới hình thức vay ngắn hạn hoặc dài hạn các tổ chức tín dụng, phát hành trái

phiếu riêng lẻ hoặc phát hành trái phiếu ra công chúng hoặc các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

10.3 Thứ tự ưu tiên thanh toán của Trái Phiếu trong danh mục nợ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Năm 2022, TNG đã phát hành trái phiếu ra công chúng và không có tài sản bảo đảm (Trái Phiếu TNG122017). Trong trường hợp Công ty mất khả năng trả nợ/phá sản, đối với trái phiếu không có tài sản bảo đảm, nghĩa vụ chưa thanh toán sẽ được xếp ngang bằng với các nghĩa vụ nợ khác không được bảo đảm của Công ty.

Trái Phiếu TNGH2428001 được phát hành và tạo thành nghĩa vụ trả nợ trực tiếp đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và được bảo đảm một phần bằng tài sản. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán cho các nghĩa vụ liên quan đến Trái Phiếu thì phần nghĩa vụ chưa thanh toán sẽ có thứ tự thanh toán tối thiểu là ngang bằng với tất cả các nghĩa vụ chung, trực tiếp, không mang tính thứ cấp và không được bảo đảm (dù là nghĩa vụ hiện tại hoặc tương lai) của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết (trừ trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo quy định của pháp luật).

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

11.1.1. Trích khấu hao tài sản cố định

❖ Tài sản cố định hữu hình

- Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.
- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính như sau:

Bảng 25: Số năm khấu hao tài sản cố định hữu hình

Loại tài sản	Thời gian
Nhà xưởng và vật kiến trúc	03 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 25 năm
Thiết bị văn phòng	04 - 09 năm
Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
Tài sản cố định khác	05 - 23 năm

❖ **Tài sản cố định vô hình**

- **Quyền sử dụng đất:** Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ phù hợp với thời gian sử dụng lô đất.
- **Phần mềm máy tính:** phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Các phần mềm quản lý hàng tồn kho, tiền lương, điều hành sản xuất và kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5-7 năm.

❖ **Bất động sản đầu tư**

- Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 47-50 năm.

❖ **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

- Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

11.1.2. Mức lương bình quân cho lao động

Bảng 26: Thu nhập bình quân của nhân sự TNG

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng số lượng người lao động (người)	14.796	15.794	18.117	18.174	19.052
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	8.222.203	8.500.000	9.500.000	9.500.000	9.478.000

Nguồn: Báo cáo thường niên của TNG

Thu nhập bình quân của người lao động trong giai đoạn 2022-2024 duy trì ở mức tương đối ổn định là khoảng 9.500.000 đồng/tháng, luôn cao hơn mức lương tối thiểu vùng tại Thái Nguyên.

11.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản vay nợ. Tính đến thời điểm 31/12/2024, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào.

11.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Các khoản phải nộp theo luật định khác trong hợp đồng/cam kết bao gồm các giá trị gia tăng áp dụng là theo quy định của pháp luật tùy từng thời kỳ. Công ty nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động. Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định tại ngày 31/12/2023, 31/12/2024 và 31/03/2025 như sau:

Bảng 27: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định của TNG

Đơn vị: Triệu đồng

Các loại thuế	31/12/2023		31/12/2024*	31/03/2025
	Hợp nhất	Riêng lẻ		
Thuế giá trị gia tăng	436	436	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.538	21.299	30.037	9.939
Thuế thu nhập cá nhân	3.085	2.972	3.384	4.338
Các loại thuế khác	275	275	1.027	3.872
Tổng cộng	25.334	24.982	34.447	18.149

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán, BCTC năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của TNG

Ghi chú: * Tại thời điểm 31/12/2024 và 31/03/2025, TNG không có công ty con như trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo Bạch này. Do vậy, kết thúc năm 2024 và Quý 1 năm 2025, TNG chỉ ban hành BCTC riêng của Công ty.

Nghĩa vụ của TNG đối với các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 250/QĐ-XPHC ngày 20/06/2024 của UBCKNN; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 936/QĐ-XPHC-CTTNG ngày 25/04/2024 và số 2408/QĐ-CTTNG ngày 28/12/2023 của Cục thuế tỉnh Thái Nguyên, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 75/XPVPHC ngày 26/12/2024 của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Nguyên: Đã hoàn thành nghĩa vụ nộp phạt.

11.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định

Hàng năm, TNG trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần và theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. Số dư các quỹ của Công ty qua các năm như sau:

Bảng 28: Tình hình trích lập các quỹ của TNG

Đơn vị: Triệu đồng

Các loại quỹ	31/12/2023	31/12/2024*	31/03/2025
--------------	------------	-------------	------------

	Hợp nhất	Riêng lẻ		
Quỹ đầu tư phát triển	270.776	270.776	290.776	290.776
Quỹ khen thưởng phúc lợi	53.128	53.128	29.119	20.323
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	102.265	102.265	112.265	112.265
Tổng cộng	426.169	426.169	432.160	423.364

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán, BCTC năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của TNG

Ghi chú: * Tại thời điểm 31/12/2024 và 31/03/2025, TNG không có công ty con như trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo Bạch này. Do vậy, kết thúc năm 2024 và Quý 1 năm 2025, TNG chỉ ban hành BCTC riêng của Công ty.

11.1.6. Tổng dư nợ vay của Tổ Chức Đăng Ký Niên Yết

Theo Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán, TNG không có khoản nợ quá hạn.

Bảng 29: Chi tiết các khoản vay ngắn và dài hạn của TNG tại 31/12/2023 (hợp nhất)*

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đối tượng	31/12/2023
I	Vay ngắn hạn	1.818.910
	Vay ngắn hạn	1.617.667
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	875.643
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	497.144
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	149.016
4	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên	95.627
5	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	-
6	Khoản vay ngắn hạn khác	237
	Nợ dài hạn đến hạn trả	201.243
1	Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt nam – CN Thái Nguyên	118.000
2	Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – CN Thái Nguyên	49.052
3	Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – CN Thái Nguyên	33.930
4	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – CN Thái Nguyên	261
5	Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam	400
	Trái phiếu	-
1	Trái phiếu đến kỳ hạn	-
II	Vay dài hạn	1.022.890
	Vay dài hạn	725.684

TT	Đối tượng	31/12/2023
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	271.023
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	336.091
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	99.165
4	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên	9.405
5	Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam	10.000
	Trái phiếu thường	297.206
1	Trái phiếu thường	297.206

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của TNG

Ghi chú: * Tại thời điểm 31/12/2024, TNG không có công ty con như trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo Bạch này. Do vậy, kể từ thời điểm kết thúc năm 2024, TNG chỉ ban hành BCTC riêng của Công ty.

Bảng 30: Chi tiết các khoản vay ngắn và dài hạn tại ngày 31/12/2023 (Công ty mẹ), 31/12/2024 và 31/03/2025

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đối tượng	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
I	Vay ngắn hạn	1.819.049	1.606.743	1.926.795
	Vay ngắn hạn	1.617.667	1.400.736	1.793.899
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	875.643	625.585	710.278
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	497.144	235.673	498.680
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	149.016	135.231	73.168
4	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên	95.627	138.958	154.759
5	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	-	73.622	55.922
6	Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga	-	74.628	151.214
7	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô	-	64.459	-
8	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	-	52.542	149.840
9	Khoản vay ngắn hạn khác	237	37	37
	Nợ dài hạn đến hạn trả	201.382	206.007	132.896
1	Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt nam - CN Thái Nguyên	118.000	99.462	52.921

TT	Đối tượng	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
2	Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – CN Thái Nguyên	33.930	44.794	33.661
3	Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – CN Thái Nguyên	49.052	59.512	44.634
4	Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam	400	2.240	1.680
II	Vay dài hạn	1.013.485	1.299.129	1.229.848
	Vay dài hạn	716.280	606.505	536.562
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	271.023	202.052	212.458
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	336.091	275.825	236.430
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	99.165	115.188	70.395
4	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên	-	-	6.080
5	Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam	10.000	13.440	11.200
	Trái phiếu thường	297.206	692.624	693.286
1	Trái phiếu thường	297.206	692.624	693.286

Nguồn: BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán, BCTC năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của TNG

11.1.7. Tình hình công nợ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

❖ Các khoản phải thu:

Bảng 31: Chi tiết các khoản phải thu của TNG

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024*	31/03/2025
	Hợp nhất	Riêng lẻ		
Các khoản phải thu ngắn hạn	774.879	745.295	740.189	667.819
Phải thu khách hàng	696.967	699.078	690.550	619.639
Trả trước người bán	788	574	2.843	11.141
Các khoản phải thu khác	77.765	46.285	51.438	41.681
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-641	-641	-4.641	- 4.641
Các khoản phải thu dài hạn	10.681	10.681	10.681	10.681
Phải thu dài hạn khác	10.681	10.681	10.681	10.681
Tổng cộng	785.560	755.976	750.870	678.500

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán, BCTC năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của TNG

Ghi chú: * Tại thời điểm 31/12/2024, TNG không có công ty con như trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo Bạch này. Do vậy, kể từ thời điểm kết thúc năm 2024, TNG chỉ ban hành

BCTC riêng của Công ty.

Bảng 32: Nợ xấu của Tổ Chức Phát Hành (hợp nhất) tại ngày 31/12/2023*

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam	132	-
Công ty Cổ phần May Trúc Minh	160	-
Công ty Madex SRL	601	251
Tổng cộng	893	251

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của TNG

Ghi chú: * Tại thời điểm 31/12/2024, TNG không có công ty con như trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo Bạch này. Do vậy, kể từ thời điểm kết thúc năm 2024, TNG chỉ ban hành BCTC riêng của Công ty.

Bảng 33: Nợ xấu của TNG tại ngày 31/12/2023 (Công ty mẹ), 31/12/2024 và 31/03/2025

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Nợ xấu tại 31/12/2023		Nợ xấu tại thời điểm 31/12/2024		Nợ xấu tại thời điểm 31/03/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH JDC Korea	-	-	3.663	-	3.663	-
Công ty Madex SRL	601	251	601	-	601	-
Công ty Cổ phần May Trúc Minh	160	-	160	-	160	-
Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam	132	-	132	-	132	-
Khác	-	-	86	-	86	-
Tổng cộng	893	251	4.641	-	4.641	-

Nguồn: BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán, BCTC năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý 1 năm 2025 của TNG

Theo báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán, dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi là 4.641.291.733 đồng. Tính đến thời điểm của Bản cáo bạch này, TNG đã trích lập dự phòng cho toàn bộ các khoản nợ xấu nêu trên.

❖ **Các khoản phải trả:**

Bảng 34: Chi tiết các khoản phải trả của TNG

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024*	31/03/2025
	Hợp nhất	Riêng lẻ		
Nợ ngắn hạn	2.545.132	2.541.230	2.750.974	2.944.564

Phải trả người bán ngắn hạn	476.692	473.768	776.663	788.311
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	9.039	9.039	7.329	38.466
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	25.334	24.982	34.447	18.149
Phải trả người lao động	81.075	79.686	256.936	120.299
Chi phí phải trả ngắn hạn	54.506	54.473	21.394	14.571
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	3.890	5.181	1.947	2.136
Phải trả ngắn hạn khác	22.121	21.887	16.035	15.084
Vay ngắn hạn	1.819.310	1.819.049	1.606.743	1.926.795
Dự phòng phải trả ngắn hạn	38	38	360	430
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	53.128	53.128	29.119	20.323
Nợ dài hạn	830.382	879.841	1.173.480	1.320.696
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	8.372	67.738	80.358	90.848
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	821.247	812.104	1.093.122	1.229.848

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán, BCTC năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của TNG

Ghi chú: * Tại thời điểm 31/12/2024, TNG không có công ty con như trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo Bạch này. Do vậy, kể từ thời điểm kết thúc năm 2024, TNG chỉ ban hành BCTC riêng của Công ty.

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 35: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của TNG

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023		Năm 2024 *	Ghi chú
		Hợp nhất	Riêng lẻ		
1. Khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,89	0,82	0,96	
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,48	0,47	0,57	
2. Cơ cấu vốn					
Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,65	0,65	0,67	
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,82	1,98	2,07	
3. Năng lực hoạt động					
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	1,35	1,36	1,40	
Vòng quay vốn lưu động (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	2,92	3,14	3,25	

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023		Năm 2024 *	Ghi chú
		Hợp nhất	Riêng lẻ		
<i>ngắn hạn bình quân</i>)					
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	5,27	5,64	6,62	
4. Khả năng sinh lời					
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)	%	3,09	3,13	4,11	
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)	%	4,17	4,27	5,74	
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) (Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân)	%	12,52	13,26	17,40	
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VNĐ	1.917		2.568	

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán, BCTC năm 2024 đã được kiểm toán, BCTC Quý 1 năm 2025 của TNG

Ghi chú: * Tại thời điểm 31/12/2024, TNG không có công ty con như trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo Bạch này. Do vậy, kể từ thời điểm kết thúc năm 2024, TNG chỉ ban hành BCTC riêng của Công ty.

12. Thông tin về Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1 Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Thời	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Đức Mạnh	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Nguyễn Mạnh Linh	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành
5	Đoàn Thị Thu	Thành viên HĐQT
6	Hà Thị Tuyết	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành
7	Đào Đức Thanh	Thành viên HĐQT

12.1.1 Ông Nguyễn Văn Thời – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Nguyễn Văn Thời
- Số CCCD: 034058017581 – Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH – Ngày cấp: 28/09/2021
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 27/01/1958

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện mỏ, cử nhân kinh tế, cử nhân chính trị
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
06/1982 – 11/1992	Đội trưởng đội vật tư Công ty Xây lắp Điện Bắc Thái
12/1992 – 01/1993	Trưởng phòng vật tư Công ty Xây lắp Điện Bắc Thái
02/1992 – 09/1993	Phó giám đốc Xí nghiệp May Bắc Thái
10/1993 – 12/2002	Giám đốc Công ty May Thái Nguyên
2003 – 2007	Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc Công ty CP May Xuất khẩu Thái Nguyên
2007 – 2012	Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc Công ty CP May Xuất khẩu Thái Nguyên
2019 – 2023	Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên TNG Eco Green
2019 – 2023	Chủ tịch Công ty TNHH TNG Fashion
2019 – Nay	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG
2022 - Nay	Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần TNG Land
2013 – Nay	Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
 - + Tổng Giám đốc Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần TNG Land
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 17/3/2025: 22.713.922 cổ phần (tương ứng 18,53% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 22.713.922 cổ phần (tương ứng với 18,53% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Đỗ Thị Hà	Vợ	2.194.554	1,79%
2	Nguyễn Đức Mạnh	Con trai	10.825.261	8,83%
3	Nguyễn Mạnh Linh	Con trai	719.076	0,59%
4	Nguyễn Văn Thới	Em trai	828	0,0007%
5	Nguyễn Thị Nhuận	Em gái	301.030	0,25%
6	Nguyễn Thị Miện	Em gái	261.857	0,21%
7	Nguyễn Thị Miên	Em gái	83.885	0,07%

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
8	Nguyễn Thị Miên	Em gái	0	0%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Thu nhập năm 2024: 3.035.179.800 VNĐ.

12.1.2 Ông Nguyễn Đức Mạnh – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Nguyễn Đức Mạnh
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 03/11/1983
- Số CCCD: 019083000466 – Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH – Ngày cấp: 18/05/2023
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thành Phố Thái Nguyên
- Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Công nghệ Thông tin, cử nhân Ngoại ngữ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2007 – 2012	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2013 – 2014	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
9/2014 – 5/2017	Thành viên HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
05/2017 – 2023	Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
04/2019 – 2023	Giám đốc – Công ty TNHH TNG Fashion
5/2020 – 4/2025	Tổng giám đốc – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
4/2023 – 4/2025	Thành viên HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
4/2025 - Nay	Phó chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Số cổ phần nắm giữ tại 17/3/2025: 10.825.261 cổ phần (tương ứng 8,83% vốn điều lệ).
Trong đó:
+ Sở hữu cá nhân: 10.825.261 cổ phần (tương ứng với 8,83% vốn điều lệ),
+ Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Văn Thời	Bố	22.713.922	18,53%
2	Đỗ Thị Hà	Mẹ	2.194.554	1,79%
3	Nguyễn Mạnh Linh	Em trai	719.076	0,59%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Thu nhập năm 2024: 3.632.486.200 VND.

12.1.3 Ông Nguyễn Mạnh Linh – Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành

- Họ và tên: Nguyễn Mạnh Linh
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 25/12/1987
- Số CMTND: 019087014264 – Nơi cấp: Cục CS Quản lý hành chính về Trật tự xã hội – Ngày cấp: 28/09/2021
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, Thành Phố Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2010	Trợ lý Quản lý sản xuất – Rosingly Inc, New York, NY
2010 – 2011	Trợ lý Quản lý sản xuất – Amerex Group LLC, New York, NY
2011 – 2012	Trợ lý Quản lý sản xuất – Kenneth Cole Production, New York, NY
2013 – 2017	Trưởng phòng Phát triển kinh doanh Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2017 – 2019	Trưởng Văn phòng Đại diện Công ty cổ phần Đầu tư và Thương Mại TNG tại New York
04/2019 – Nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Thương Mại TNG, Trưởng văn phòng Đại diện Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG tại New York
10/2020 – 06/2022	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
07/2022 – nay	Tổng giám đốc công ty cổ phần TNG Land
04/2024 – nay	Thành viên HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty cổ phần TNG Land
- Số cổ phần nắm giữ tại 17/3/2025: 719.076 cổ phần (tương ứng 0,59% vốn điều lệ). Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 719.076 cổ phần (tương ứng 0,59% vốn điều lệ),
- + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Văn Thời	Bố	22.713.922	18,53%
2	Đỗ Thị Hà	Mẹ	2.194.554	1,79%
3	Nguyễn Đức Mạnh	Anh trai	10.825.261	8,83%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có;
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Thu nhập năm 2024: 180.000.000 VND.

12.1.4 Ông Nguyễn Hoàng Giang – Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành

- Họ và tên: Nguyễn Hoàng Giang
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 12/06/1986
- Số CCCD: 030086000194 – Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư – Ngày cấp: 03/07/2015
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0974238388
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: P1A1 – 198 Tây Sơn, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội,
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
05/2008 – 10/2008	Nhân viên phòng giải pháp nghiệp vụ - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
10/2008 – 06/2010	Trưởng phòng giải pháp nghiệp vụ và quản trị rủi ro – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
07/2010 – 10/2010	Giám đốc phát triển sản phẩm và giải pháp nghiệp vụ Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
10/2010 - 12/2012	Quyền Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
04/2012 – 06/2020	Thành viên HĐQT – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
12/2012 – 04/2018	Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
11/2019 – 10/2022	Thành viên HĐQT – Công ty cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay (NVT)
10/2018 – 11/2022	Tổng Giám đốc – Công ty cổ phần Tư vấn Tài chính Eagle Partners
05/2020 – 12/2022	Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn

Thời gian	Nơi làm việc
	(SVC)
06/2022 - 07/2023	Trưởng phòng Tư vấn đầu tư – Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE
08/2018 – Nay	Tổng Giám đốc – Công ty cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital
10/2019 – Nay	Thành viên HĐQT – Công ty cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam (PGS)
05/2020 – Nay	Thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập không điều hành - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
07/2020 - Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần chứng khoán DNSE
06/2022 - Nay	Phó chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Tập đoàn Yeah 1

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập không điều hành - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác:
 - + Tổng Giám đốc – Công ty cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital
 - + Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam (PGS)
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
 - + Phó chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Tập đoàn Yeah 1
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Thu nhập năm 2024: 180.000.000 VND.

12.1.5. Bà Đoàn Thị Thu - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Đoàn Thị Thu
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 15/06/1972
- Số CCCD: 019172010362
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 091.245.2264
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 06, phường Trung Vương, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư may, Thạc sĩ quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
1994 - 1997	Phó quản đốc - Xí nghiệp may Bắc Thái

Thời gian	Nơi làm việc
1997 - 2002	Phó Phòng Kỹ thuật - CTCP may xuất khẩu Thái Nguyên
2003 - 2006	Trưởng Phòng Kỹ thuật - CTCP may xuất khẩu Thái Nguyên
2006 - 2011	Giám đốc nhà máy - CTCP Đầu tư và Thương mại TNG
2011 - 2014	Phó Tổng giám đốc - CTCP Đầu tư và Thương mại TNG
2015 - 2017	Giám đốc nhà máy - CTCP Đầu tư và Thương mại TNG
2017 - nay	Phó Tổng giám đốc - CTCP Đầu tư và Thương mại TNG
2024 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị - CTCP Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ tại 17/3/2025: 321.832 cổ phần (tương ứng 0,26% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 321.832 cổ phần (tương ứng với 0,26% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ),
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Thu nhập năm 2024: 2.004.573.700 VNĐ

12.1.6. Bà Hà Thị Tuyết - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

- Họ và tên: Hà Thị Tuyết
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 13/10/1984
- Số CCCD: 034184015146
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0912.681.534
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 18, phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2007 - 2019	Trưởng phòng Tổ chức/ Thư ký Hội đồng quản trị/ Trưởng Phòng Pháp chế/ Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ - CTCP Đầu tư và Thương mại TNG
2019 - nay	Giám đốc – Công ty Luật TNHH Dịch vụ pháp lý 4.0
2019 - nay	Trưởng Ban pháp chế - Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên
2024 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập – CTCP Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Giám đốc – Công ty Luật TNHH Dịch vụ pháp lý 4.0;
Trưởng Ban pháp chế - Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ). Trong đó:
- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Thu nhập năm 2024: 120.000.000 VNĐ

12.1.7 Ông Đào Đức Thanh – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Đào Đức Thanh
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/04/1985
- Số CCCD: 019085014373 Nơi cấp: Cục CS Quản lý hành chính về Trật tự xã hội – Ngày cấp: 31/08/2021
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 090 2036234
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 19, Phường Phan Đình Phùng, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
11/2021-04/2017	Kế toán trưởng Chi nhánh may Sông Công 3 – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
04/2017-04/2019	Kế toán trưởng Chi nhánh may Sông Công 1 – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
04/2019-09/2019	Trưởng phòng kiểm soát nội bộ - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
09/2019-06/2020	Trưởng phòng xuất nhập khẩu – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
06/2020-nay	Trưởng ban kiểm toán nội bộ - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
04/2025-nay	Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Thành viên ban kiểm soát – Công ty cổ phần TNG Land

- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 17/3/2025: 136.355 cổ phần (tương ứng 0,11% vốn điều lệ).
Trong đó:
- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Thu nhập năm 2024: 957.514.900 VNĐ

12.2 Ban Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Minh Hiếu	Tổng giám đốc
2	Lương Thị Thúy Hà	Phó Tổng giám đốc
3	Đoàn Thị Thu	Phó Tổng giám đốc
4	Lưu Đức Huy	Phó Tổng giám đốc
5	Nguyễn Thị Phương	Phó Tổng giám đốc
6	Lê Xuân Vĩ	Phó Tổng giám đốc

12.2.1 Ông Trần Minh Hiếu – Tổng giám đốc

- Họ và tên: Trần Minh Hiếu
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/12/1979
- Số CMTND: 034079027461 – Nơi cấp: Cục CS Quản lý hành chính về Trật tự xã hội –
Ngày cấp: 11/08/2021
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Hoàng Văn Thụ, thành Phố Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2000 - 2009	Phó phòng Kế hoạch Nhà máy Việt Thái – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2009 – 2011	Trưởng phòng Kế hoạch Nhà máy Việt Thái – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2011 – 2013	Giám đốc chi nhánh kinh doanh – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2017 – 04/2025	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ Phần Đầu tư và Thương mại TNG
04/2025 - nay	Tổng giám đốc Công ty cổ Phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Tổng giám đốc – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ tại 17/3/2025: 107.637 cổ phần (tương ứng 0,09% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 107.637 cổ phần (tương ứng với 0,09% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Thu nhập năm 2024: 2.127.001.100 VNĐ.

12.2.2 Bà Lương Thị Thuý Hà – Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: Lương Thị Thuý Hà
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 21/06/1969
- Số CMTND: 090555417 – Nơi cấp: CA Thái Nguyên – Ngày cấp: 23/06/2016
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
1992 – 2012	Cán bộ - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2013 – 04/2016	Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
04/2016 – 2017	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng- Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2018	Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
06/2021 – 04/2025	Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
04/2019 – Nay	Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 17/3/2025: 808.791 cổ phần (tương ứng 0,66% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 808.791 cổ phần (tương ứng với 0,66% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Thu nhập năm 2024: 1.849.389.600 VNĐ.

12.2.3 Bà Đoàn Thị Thu – Phó Tổng giám đốc

Thông tin xem ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

12.2.4 Ông Lưu Đức Huy – Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: Lưu Đức Huy
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 22/12/1970
- Số CMTND: 090652816 – Nơi cấp: Công An Thái Nguyên – Ngày cấp: 26/07/2007
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: +84 2083 858 508
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
1994 – 1998	Cán bộ Công ty May Thái Nguyên
1998 – 2001	Phó Phòng Kế hoạch Công ty May Thái Nguyên
2001 – 2002	Trưởng Phòng Cơ điện Công ty May Thái Nguyên
2003	Phó Phòng Kế hoạch Công ty May Thái Nguyên
2007 – 2010	Giám đốc Nhà máy Giặt – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2011-2015	Giám đốc Nhà máy May Việt Thái – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2015-2018	Giám đốc Nhà máy May Đại Từ - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
04/2019 – Nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG Giám đốc Nhà máy May Đại Từ - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG; Giám đốc Nhà máy May Đại Từ - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại 17/3/2025: 86.382 cổ phần (tương ứng 0,07% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 86.382 cổ phần (tương ứng với 0,07% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Thu nhập năm 2024: 1.733.061.200 VNĐ.

12.2.5 Bà Nguyễn Thị Phương – Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: Nguyễn Thị Phương
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 09/11/1973
- Số CMTND: 090888144 – Nơi cấp: CA Thái Nguyên – Ngày cấp: 18/11/2014
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0986507390
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cao đẳng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2000 – 2008	Cán bộ Công ty cổ phần Đầu tư và thương mại TNG
01/2009 – 06/2009	Phó Giám đốc Kỹ Thuật Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
07/2009 – 12/2009	Trưởng phòng Quản lý chất lượng Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
01/2010 – 9/2011	Phó Giám đốc xí nghiệp may Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
10/2011 – 12/2012	Giám đốc Xí nghiệp may Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
01/2013 – 12/2015	Phó giám đốc Xí nghiệp may Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
01/2016 – 05/2021	Giám đốc Xí nghiệp may Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
06/2021 – Nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ tại 17/3/2025: 151.346 cổ phần (tương ứng 0,12% vốn điều lệ). Trong đó:
- + Sở hữu cá nhân: 151.346 cổ phần (tương ứng với 0,12% vốn điều lệ),

- + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Thu nhập năm 2024: 2.532.230.100 VND.

12.2.6 Ông Lê Xuân Vĩ – Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: Lê Xuân Vĩ
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 03/06/1981
- Số CMTND: 090895231 – Nơi cấp: CA Thái Nguyên – Ngày cấp: 31/03/2012
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0974691685
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Đồng Bẩm, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Đại Học
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
01/2007 – 12/2012	Nhân viên CNTT – Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG
01/2013 – 01/2022	Trưởng phòng CNTT – Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG
01/2022 – 01/2023	Giám đốc chi nhánh – Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG
02/2023 – Nay	Phó tổng giám đốc – Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ tại 17/3/2025: 40.521 cổ phần (tương ứng 0,03% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 40.521 cổ phần (tương ứng với 0,03% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Thu nhập năm 2024: 1.267.274.000 VND.

12.3 Ủy ban Kiểm toán

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Hoàng Giang	Chủ tịch Ủy Ban kiểm toán Công ty
2	Hà Thị Tuyết	Thành Viên Ủy Ban kiểm toán
3	Đào Đức Thanh	Thành Viên Ủy Ban kiểm toán

Sơ yếu lý lịch của ông Nguyễn Hoàng Giang, bà Hà Thị Tuyết, ông Đào Đức Thanh được trình bày tại mục thành viên Hội đồng quản trị

12.4 Kế toán trưởng: Bà Trần Thị Thu Hà – Kế toán trưởng

- Họ và Tên: Trần Thị Thu Hà
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Điện thoại liên hệ: 02083 858 508
- Địa chỉ thường trú: Phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2000 - 2009	Phó phòng Kế toán - Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
2009 – 2016	Làm việc tại TNG với các chức vụ: Phó phòng kế toán, Kế toán trưởng chi nhánh, Trưởng phòng kế toán
2016 -2017	Phó Giám đốc chi nhánh thời trang TNGF của TNG
2018 – Nay	Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng – Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ tại 17/3/2025: 151.513 cổ phần (tương ứng 0,12% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 151.513 cổ phần (tương ứng với 0,12% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Thu nhập năm 2024: 1.476.836.200 VNĐ.

13. Tài sản

Giá trị tài sản theo báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm ngày 31/12/2023 và 31/12/2024 như sau:

Bảng 36: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2023

Đơn vị: Triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	3.377.795	1.354.873	2.022.921
Nhà cửa và vật kiến trúc	1.800.438	431.870	1.368.568
Máy móc thiết bị	1.550.929	908.004	642.925
Thiết bị văn phòng	4.316	4.298	18
Phương tiện vận chuyển	19.452	8.550	10.901
Tài sản khác	2.661	2.151	510
Tài sản cố định vô hình	196.752	34.812	161.940
Quyền sử dụng đất	162.153	8.932	153.222
Phần mềm	34.599	25.881	8.718

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của TNG

Bảng 37: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 31/12/2023

Đơn vị: Triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	3.386.408	1.355.348	2.031.060
Nhà cửa và vật kiến trúc	1.808.263	432.239	1.376.023
Máy móc thiết bị	1.551.717	908.110	643.607
Thiết bị văn phòng	4.316	4.298	18
Phương tiện vận chuyển	19.452	8.550	10.901
Tài sản khác	2.661	2.151	510
Tài sản cố định vô hình	196.752	34.812	161.940
Quyền sử dụng đất	162.153	8.932	153.222
Phần mềm	34.599	25.881	8.718

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2023 đã được kiểm toán của TNG

Bảng 38: Tình hình tài sản của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024*

Đơn vị: Triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	3.479.629	1.518.790	1.960.840
Nhà cửa và vật kiến trúc	1.831.857	498.911	1.332.946
Máy móc thiết bị	1.621.473	1.008.837	612.636
Thiết bị văn phòng	4.316	4.316	-

Phương tiện vận chuyển	19.323	4.462	14.861
Tài sản khác	2.661	2.264	396
Tài sản cố định vô hình	197.885	41.560	156.325
Quyền sử dụng đất	163.057	12.875	150.182
Phần mềm	34.828	28.685	6.143

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của TNG

Ghi chú: * Tại thời điểm 31/12/2024, TNG không có công ty con như trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo Bạch này. Do vậy, kết thúc năm 2024, TNG chỉ ban hành BCTC riêng của Công ty.

Bảng 39: Tình hình tài sản của Công ty tại thời điểm ngày 31/03/2025

Đơn vị: Triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	3.501.941	-1.569.585	1.932.356
Nhà cửa và vật kiến trúc	1.821.155	-506.648	1.341.507
Máy móc thiết bị	1.629.633	-1.038.899	590.734
Thiết bị văn phòng	4.164	-4.164	0
Phương tiện vận chuyển	19.323	-4.870	14.453
Tài sản khác	27.666	-15.004	13.662
Tài sản cố định vô hình	205.176	-42.938	162.238
Quyền sử dụng đất	170.533	-13.907	156.626
Phần mềm	34.643	-29.031	5.612

Nguồn: Báo cáo tài chính Quý I năm 2025 của TNG

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

Bảng 40: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của TNG

Chỉ tiêu	Thực tế thực hiện Năm 2024 (tỷ đồng)	Năm 2025	
		Kế hoạch (tỷ đồng)	% tăng/giảm so với năm 2024
Doanh thu thuần	7.656	8.100	5,80%
Lợi nhuận sau thuế	315	340	7,94%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần*	4,11%	4,19%	1,95%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân*	17,20%	18,57%	7,97%

Tỷ lệ cổ tức	16%	20%	25%
--------------	-----	-----	-----

Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 20/04/2025

Ghi chú: * Các chỉ tiêu này được tính toán dựa trên kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp thường niên ngày 20/04/2025.

a. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ chia lợi nhuận/cổ tức nêu trên

Cơ sở để HĐQT của Công ty đưa ra kế hoạch kinh doanh này dựa trên những đảm bảo của TNG và kế hoạch đầu tư kinh doanh cụ thể như sau:

❖ **Đảm bảo thực hiện tốt các đơn hàng của khách hàng về số lượng, chất lượng và thời gian giao hàng:**

- Các chi nhánh của TNG phải đạt các chứng chỉ (WAP, BSCI, SA, BTW), đạt tiêu chuẩn đánh giá của khách hàng;
- Tiết kiệm chi phí, tối ưu hóa hoạt động sản xuất nhằm đưa ra giá cạnh tranh đến với khách hàng;
- Tỷ lệ chất lượng sản phẩm đạt chuẩn không dưới 97%;
- Đảm bảo ngày giao hàng gốc cho khách hàng đạt 100%.

❖ **Đảm bảo số lượng và chất lượng lao động phục vụ sản xuất kinh doanh:**

- Thực hiện đúng cam kết với người lao động: “không một người lao động nào làm việc tại - TNG bị vi phạm chế độ và quyền lợi theo quy định của pháp luật”;
- Tiếp tục duy trì thời gian làm việc kết thúc vào 17h30 mỗi ngày;
- Đảm bảo mức lương tối thiểu cho người lao động mới chưa biết nghề là 300.000 đồng/người/ngày.
- Tăng các chế độ phúc lợi cho người lao động.

❖ **Tiếp tục đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái:**

- Đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái tại các chi nhánh: Sông Công 1, Võ Nhai 1, Võ Nhai 2, Phú Bình 2, Việt Đức và văn phòng Công ty với tổng công suất đầu tư là 4,2MWp.

❖ **Tập trung đầu tư tăng chuyển may nhanh nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng:**

- Đầu tư cải tạo, nâng cấp Chi nhánh May Việt Đức số 160 Nguyễn Minh Cầu - TP. Thái Nguyên để di dời Chi nhánh Thời trang TNG số 434/1 đường Bắc Kạn, TP. Thái Nguyên về hoạt động với công suất 16 chuyển may (tăng 10 chuyển so với năm 2024).

❖ **Tập trung đầu tư, nghiên cứu phát triển chi nhánh công nghệ**

- Chi nhánh TRE: Nghiên cứu phát triển, tích hợp hệ thống AI, Big Data và hệ thống ERP nhằm đạt mức chuyển đổi số mức độ 3 theo quyết định 2158/QĐ-BTTTT 2023 xác định chỉ

số đánh giá mức độ chuyển đổi số và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành ngày 07/11/2023.

- Chi nhánh TOT: Nghiên cứu phát triển Hệ thống AGV-Robot vận hành tự động dạng kéo, dạng nâng. Áp dụng công nghệ dẫn đường Slam, AGV tự quét bản đồ, tự tìm tránh vật cản, phần mềm theo dõi vị trí của AGV trong thời gian thực, theo dõi nhập xuất trên App. Đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa các công đoạn trong công ty. Tiến tới triển khai dự án kho thông minh, giảm sức người và quản lý linh hoạt.

b. Tình hình thực tế thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 1 năm 2025

Bảng 41: Tình hình kinh doanh Quý 1 năm 2025 của TNG

Chỉ tiêu	Thực tế thực hiện Quý 1 năm 2025 (tỷ đồng)	% kế hoạch năm 2025 (%)
Doanh thu thuần	1.511	18,65
Lợi nhuận sau thuế	43	12,65
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,87%	69,78
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	2,29%	12,35
Tỷ lệ cổ tức	0%	0

Nguồn: Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2025 của TNG

Doanh thu quý 1 năm 2025 của TNG đạt 1.511 tỷ đồng tương đương 18,65% kế hoạch đặt ra của năm 2025. Xét về phần trăm hoàn thành theo kế hoạch năm 2025 thì kết quả thực hiện của Quý 1 năm 2025 là tương đối thấp bởi vì tính thời vụ của sản phẩm, chủ yếu các đơn hàng dệt may tập trung vào quý 2 và quý 3 mỗi năm để phục vụ 2 mùa chính là: Xuân/Hè và Thu/Đông. Vì vậy, quý 1 hàng năm sẽ ghi nhận số lượng đơn hàng và doanh thu thấp hơn các quý còn lại trong năm. Tuy nhiên, xét về tốc độ tăng trưởng doanh thu quý 1 năm 2025 so với cùng kỳ năm trước, TNG đạt tốc độ tăng trưởng là 11,6% (cao hơn kế hoạch tăng trưởng doanh thu cả năm). Lợi nhuận sau thuế trong quý 1 năm 2025 của TNG là 43 tỷ đồng, đạt 12,65% kế hoạch năm 2025 và tăng trưởng 1,2% so với cùng kỳ năm trước cho thấy lợi nhuận sau thuế của TNG tăng trưởng không đáng kể trong quý 1 năm 2025, nguyên nhân chính đến từ gia tăng chi phí nhân công làm tăng chi phí sản xuất và giảm biên lợi nhuận.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là một tổ chức tư vấn tài chính, Công ty cổ phần Chứng khoán MB đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG cũng như lĩnh vực kinh doanh mà công ty đang hoạt

động. Chúng tôi nhận thấy hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG ổn định và có tiềm năng phát triển. Nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong những năm tới là khả thi. Do đó, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty năm 2025 có thể đạt được.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Đăng Ký Niên Yết

16.1 Thông tin về các hợp đồng thuê đất của Công ty

Bảng 42: Danh sách các hợp đồng thuê đất

TT	Khu đất	Thời hạn thuê		Loại đất	Diện tích (m2)
		Từ ngày	Đến ngày		
1	Nhà máy may TNG Việt Đức	31/12/2008	22/11/2052	Sản xuất kinh doanh	1.000,00
		31/12/2008	31/01/2047	Sản xuất kinh doanh	8.846,90
2	Khu tập thể Phan Đình Phùng	31/12/2008	06/07/2054	Sản xuất kinh doanh	255,50
		31/12/2020	06/07/2054	Sản xuất kinh doanh	332,70
		04/12/2019	09/06/2053	Sản xuất kinh doanh	3.258,20
		12/08/2021	05/08/2056	Thương mại dịch vụ	971,50
3	TNG Village 1	26/09/2019	02/03/2067	Đất ở đô thị	1.122,00
		26/02/2020	02/03/2067	Đất giao thông	1.317,80
		26/02/2020	02/03/2067		258,90
		22/04/2019	Lâu dài	Đất ở đô thị	75,20
4	TNG Village 2	02/03/2017	02/03/2067	Đất ở đô thị	961,70
5	Nhà máy may TNG Việt Thái	06/07/2017	11/08/2039	Thương mại dịch vụ	60,40
		06/07/2017	11/08/2039	Thương mại dịch vụ	81,00
		07/07/2017	03/12/2038	Sản xuất kinh doanh	1.900,50
		06/07/2017	31/12/2035	Sản xuất kinh doanh	84,00
		06/07/2017	31/12/2035	Sản xuất kinh doanh	10.706,00
6	Nhà máy may TNG Sông Công	31/07/2012	01/06/2049	Đất khu công nghiệp	56.665,40
		14/01/2013	01/06/2049		37.656,50
		14/01/2014			

TT	Khu đất	Thời hạn thuê		Loại đất	Diện tích (m2)
		Từ ngày	Đến ngày		
		29/08/2018	01/09/2049	Đất khu công nghiệp	33,60
		29/08/2018	01/09/2049	Đất khu công nghiệp	3.913,00
		29/08/2018	01/09/2049	Đất khu công nghiệp	22.696,40
		22/04/2022	24/04/2049	Đất khu công nghiệp	43,70
		22/04/2022	24/04/2049	Đất khu công nghiệp	937,70
		22/04/2022	24/04/2049	Đất khu công nghiệp	9.334,10
		22/04/2022	24/04/2049	Đất khu công nghiệp	251,70
		22/04/2022	24/04/2049	Đất khu công nghiệp	14,90
		22/04/2022	24/04/2049	Đất khu công nghiệp	201,70
		22/04/2022	24/04/2049	Đất khu công nghiệp	549,40
		09/09/2021	24/04/2049	Đất khu công nghiệp	236,70
		09/09/2021	24/04/2049	Đất khu công nghiệp	1.783,80
		09/09/2021	24/04/2049	Đất khu công nghiệp	3.808,50
		09/09/2021	24/04/2049	Đất khu công nghiệp	1.864,50
		09/09/2021	24/04/2049	Đất khu công nghiệp	171,60
		09/09/2021	24/04/2049	Đất khu công nghiệp	1,70
		05/04/2022	01/09/2049	Đất khu công nghiệp	32.568,80
7	Nhà máy may TNG Phú Bình	07/03/2011	02/11/2059	Sản xuất kinh doanh	68.168,45
		07/03/2011	02/11/2059	Sản xuất kinh doanh	5.219,80
		11/05/2022	02/11/2059	Đất khu công nghiệp	40.605,50
8	Trụ sở công ty	28/12/2016	Lâu dài	Đất ở đô thị	62,50
		28/12/2016	Lâu dài	Đất ở đô thị	296,00
		28/12/2016	20/11/2065	Sản xuất kinh doanh	78,70
		28/12/2016	20/11/2065	Sản xuất kinh doanh	6.175,10
9	Nhà máy may TNG Đại Từ	29/07/2016	30/05/2066	Sản xuất kinh doanh	45.376,50
		09/07/2021	30/05/2066	Sản xuất kinh doanh	1.626,00
10	Nhà máy may TNG Đồng Hỷ	05/06/2019	28/03/2066	Sản xuất kinh doanh	12.760,70
		08/10/2020	26/11/2068	Sản xuất kinh doanh	21.335,90
		08/10/2020	26/11/2068	Sản xuất kinh doanh	115,40
		29/09/2021	26/11/2068	Sản xuất kinh doanh	2.736,50
		03/11/2022	26/11/2028	Sản xuất kinh doanh	1.329,00
		03/11/2022	26/11/2028	Sản xuất kinh doanh	97,60

TT	Khu đất	Thời hạn thuê		Loại đất	Diện tích (m2)
		Từ ngày	Đến ngày		
		03/11/2022	26/11/2028	Sản xuất kinh doanh	370,00
		23/06/2023	26/11/2028	Sản xuất kinh doanh	1,482.7
		23/06/2023	26/11/2028	Sản xuất kinh doanh	905.0
11	Cụm công nghiệp Sơn Cẩm 1	09/12/2020	09/12/2020	Đất cụm công nghiệp	67.122,70
		09/12/2020	09/12/2070	Đất cụm công nghiệp	71.863,70
		09/12/2020	09/12/2070	Đất cụm công nghiệp	208.088,60
		09/12/2020	09/12/2070	Đất cụm công nghiệp	64.792,10
		09/12/2020	09/12/2070	Đất cụm công nghiệp	76.734,90
		09/12/2020	09/12/2070	Đất cụm công nghiệp	27.165,50
Tổng cộng					822.186,75

Nguồn: TNG

16.2 Thông tin về các loại trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Cho đến thời điểm của Bản Cáo Bạch này, ngoại trừ Trái Phiếu TNGH2428001 đang làm thủ tục niêm yết tại Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có các trái phiếu đã được phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán, chi tiết như sau:

Bảng 43: Các trái phiếu khác đã phát hành nhưng chưa đến hạn của TNG

TT	Mã Trái Phiếu	Dư nợ (triệu VND)	Lãi suất năm đầu tiên	Kỳ trả lãi	Năm phát hành	Đáo hạn	Loại trái phiếu	Đại lý phát hành	Ghi chú
1	TNG122017	300.000	10%/năm	3 tháng/lần	2022	2026	Trái phiếu thường, không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm	Công ty cổ phần chứng khoán MB	Trái phiếu chào bán ra công chúng
Tổng cộng		300.000							

Nguồn: TNG

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến

giá cả chứng khoán niêm yết (nếu có)

Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cam kết không có các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng có thể ảnh hưởng đến (i) hoạt động kinh doanh (ii) tình hình tài chính (iii) đợt chào bán hoặc (iv) Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. **Mã Trái Phiếu:** TNG124027
2. **Tên Trái Phiếu:** Trái Phiếu TNGH2428001
3. **Loại chứng khoán**

Loại chứng khoán: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo một phần bằng tài sản và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

Đặc điểm pháp lý của Trái phiếu:

- Các Trái Phiếu được phát hành và thanh toán bằng đồng Việt Nam, dưới hình thức bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử;
- Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết;
- Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm không đủ để thanh toán cho các nghĩa vụ liên quan đến Trái Phiếu thì phần nghĩa vụ chưa được thanh toán đủ sẽ có thứ tự thanh toán ít nhất ngang bằng với các nghĩa vụ chung không được bảo đảm (dù là nghĩa vụ hiện tại hoặc tương lai) của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết (trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan).
- Trong thời hạn lưu hành của Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc bất cứ bên thứ ba nào.

4. **Mệnh giá:** 100.000 đồng/trái phiếu
5. **Tổng số lượng chứng khoán niêm yết:** 4.000.000 (Bốn triệu) trái phiếu (Chiếm 100% số lượng trái phiếu đã phát hành).
Tổng Giá trị trái phiếu đăng ký niêm yết: 400.000.000.000 đồng (Bốn trăm tỷ) (Chiếm 100% giá trị trái phiếu đã phát hành).
6. **Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:** Không có
7. **Ngày phát hành:** 25/11/2024
8. **Ngày đáo hạn:** 25/11/2028
9. **Xếp hạng tín nhiệm**
Theo Báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm do Công ty cổ phần Sài Gòn Phát Thịnh Ratings ban hành ngày 31/10/2023 và Kết quả giám sát xếp hạng tín nhiệm số 13/2024/TBKQXH-SGR do Công ty Cổ phần Sài Gòn Phát Thịnh Ratings ban hành ngày 18/06/2024, kết quả xếp hạng tín nhiệm dài hạn của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG là vnA, triển vọng ổn định.
10. **Kỳ hạn Trái Phiếu:** 48 (bốn mươi tám) tháng

11. Lãi Trái Phiếu

- a. Trái Phiếu sẽ được hưởng lãi cho mỗi Kỳ Tính Lãi với lãi suất (“Lãi Suất Trái Phiếu”) được xác định như sau:
 - Lãi suất áp dụng cho 04 (bốn) Kỳ Tính Lãi đầu tiên là: 9,5%/năm
 - Lãi suất cho các Kỳ Tính Lãi tiếp theo được tính bằng (i) trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau thông thường, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng được công bố trên trang điện tử chính thức của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt nam (mỗi ngân hàng nêu trên gọi riêng là “Ngân Hàng Tham Chiếu” và gọi chung là “Các Ngân Hàng Tham Chiếu”) tại Ngày Xác Định Lãi Suất (“Lãi Suất Tham Chiếu”) cộng với (ii) biên độ 3,5%/năm.
 - Việc thu thập mức lãi suất tiền gửi của các Ngân Hàng Tham Chiếu sẽ theo các nguyên tắc sau:
 - (i) Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ tiến hành tổng hợp mức lãi suất được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Ngân Hàng Tham Chiếu có liên quan;
 - (ii) Nếu tại thời điểm thu thập, Ngân Hàng Tham Chiếu công bố nhiều mức lãi suất tiền gửi cho cùng một kỳ hạn, để xác định Lãi Suất Tham Chiếu vào Ngày Xác Định Lãi Suất có liên quan theo quy định trên thì mức lãi suất tiền gửi để xác định Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là mức lãi suất thấp nhất của kỳ hạn đó được công bố;
 - (iii) Nếu tại thời điểm thu thập, trên trang thông tin điện tử của một Ngân Hàng Tham Chiếu bất kỳ không có mức lãi suất tiền gửi cần thu thập hoặc Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không thể xác định được mức lãi suất cụ thể của Ngân Hàng Tham Chiếu đó thì Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ thực hiện việc thu thập lãi suất của Ngân Hàng Tham Chiếu đó theo các phương thức có thứ tự ưu tiên như sau:
 - (A) cử đại diện đến trực tiếp địa điểm đăng ký của Ngân Hàng Tham Chiếu đó để thu thập;
 - (B) gửi đề nghị xác nhận mức lãi suất tiền gửi cần thu thập đến địa điểm đăng ký của Ngân Hàng Tham Chiếu đó.
 - (iv) Để làm rõ, nếu sau khi Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đã thực hiện phương thức nêu tại tiểu đoạn (A) trên mà không thu thập được mức lãi suất cần thu thập từ Ngân Hàng Tham Chiếu nêu trên thì ngay lập tức, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ phải thực hiện phương thức nêu tại tiểu đoạn (B) trên.
 - (v) Nếu Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không nhận được văn bản xác nhận mức lãi suất

cần thu thập từ Ngân Hàng Tham Chiếu nơi Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết gửi đề nghị xác nhận theo tiểu đoạn (B) trên trước ngày Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết phải gửi thông báo về kết quả xác định Lãi Suất theo khoản (vi) dưới đây hoặc có lý do hợp lý để nghi ngờ kết quả thu thập được thì Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có quyền coi như không có mức lãi suất tiền gửi cần thu thập của Ngân Hàng Tham Chiếu có liên quan.

- (vi) Nếu một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố hoặc không có mức lãi suất tiền gửi để xác định Lãi Suất Tham Chiếu vào Ngày Xác Định Lãi Suất có liên quan theo quy định tại các điểm trên thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là bình quân của các mức lãi suất tiền gửi cho các Ngân Hàng Tham Chiếu còn lại công bố tại thời điểm vào hoặc vào khoảng 11:00 giờ sáng (giờ Việt Nam) của Ngày Xác Định Lãi Suất đó.
- (vii) Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý rằng kết quả xác định Lãi Suất Trái Phiếu của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ được áp dụng đối với toàn bộ Trái Phiếu trừ khi có sai sót về mặt số học một cách rõ ràng.
- b. Trái Phiếu sẽ được hưởng lãi theo Lãi Suất Trái Phiếu, tiền lãi Trái Phiếu được tính từ và gồm cả Ngày Phát Hành cho đến nhưng không gồm cả Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trái Phiếu Trước Hạn (tùy trường hợp áp dụng). Lãi phát sinh trên Trái Phiếu sẽ đến hạn và được thanh toán vào Ngày Thanh Toán Lãi.
- c. Lãi phát sinh trên mỗi Trái Phiếu cho một Kỳ Tính Lãi (tròn kỳ) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tiền lãi} = \text{Mệnh giá Trái Phiếu} \times \text{Lãi Suất Trái Phiếu (\%/năm)} \times \frac{\text{Số ngày thực tế theo lịch của Kỳ Tính Lãi đó}}{365}$$

Để làm rõ, số ngày thực tế theo lịch của (i) Kỳ Tính Lãi đầu tiên được tính từ và gồm cả Ngày Phát Hành đến nhưng không gồm cả ngày cuối cùng của Kỳ Tính Lãi đó, và (ii) mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo được tính từ ngày cuối cùng của Kỳ Tính Lãi ngay trước đó đến nhưng không gồm cả ngày cuối cùng của Kỳ Tính Lãi đó.

- d. Lãi phát sinh trên mỗi Trái Phiếu cho một thời hạn không tròn một Kỳ Tính Lãi (áp dụng kể cả khi Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu trước hạn) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tiền lãi} = \text{Mệnh giá Trái Phiếu} \times \text{Lãi Suất Trái Phiếu (\%/năm)} \times \frac{\text{Số ngày thực tế theo lịch của thời hạn đó}}{365}$$

Để làm rõ, số ngày thực tế theo lịch của thời hạn tính lãi không tròn Kỳ Tính Lãi được tính

từ và gồm cả ngày bắt đầu thời hạn đó đến nhưng không gồm cả ngày cuối cùng của thời hạn đó (tính theo dương lịch).

- e. Trái Phiếu ngừng hưởng lãi từ Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trái Phiếu Trước Hạn (tùy trường hợp áp dụng) trừ khi vào ngày đến hạn thanh toán đó mà khoản tiền gốc của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán không phù hợp với Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu này. Trong trường hợp đó, Trái Phiếu sẽ tiếp tục được hưởng lãi với lãi suất quá hạn bằng 150% Lãi Suất Trái Phiếu (tính theo ngày trên cơ sở một năm có ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày) cho giai đoạn từ và gồm cả ngày đến hạn đó cho đến nhưng không gồm cả ngày mà tất cả các khoản tiền phải thanh toán liên quan đến Trái Phiếu tính đến ngày đến hạn đó đã được thanh toán đầy đủ cho Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc người được Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ định.

$$\begin{array}{l} \text{Tiền lãi phạt do} \\ \text{chậm thanh toán} \\ \text{gốc Trái Phiếu} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Gốc Trái} \\ \text{Phiếu chưa} \\ \text{thanh toán} \end{array} \times \begin{array}{l} 150\% \\ \text{Lãi suất} \\ \text{trái phiếu} \end{array} \times \frac{\begin{array}{l} \text{Số ngày chậm thanh} \\ \text{toán tiền gốc Trái Phiếu} \end{array}}{365}$$

- f. Nếu Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ tiền lãi Trái Phiếu đến hạn vào một Ngày Thanh Toán Lãi bất kỳ mà việc không thanh toán không phù hợp với Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu này thì Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán thêm khoản lãi phạt do chậm thanh toán tính trên số tiền lãi Trái Phiếu bị chậm thanh toán với lãi suất bằng 10%/năm (tính theo ngày trên cơ sở một năm có ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày) cho giai đoạn từ và gồm cả Ngày Thanh Toán Lãi đó đến nhưng không gồm cả ngày mà tất cả các khoản tiền lãi chậm trả và lãi quá hạn tính đến Ngày Thanh Toán Lãi đó đã được thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc người được Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ định, theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tiền lãi phạt do} \\ \text{chậm thanh toán lãi} \\ \text{Trái Phiếu} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lãi Trái} \\ \text{Phiếu chưa} \\ \text{thanh toán} \end{array} \times 10\%/\text{năm} \times \frac{\begin{array}{l} \text{Số ngày chậm thanh} \\ \text{toán tiền lãi Trái Phiếu} \end{array}}{365}$$

12. Phương pháp tính giá

Trái Phiếu TNGH2428001 là trái phiếu có kỳ hạn, trả lãi định kỳ và có lãi suất cho 04 Kỳ Thanh Toán Lãi đầu tiên là 9,5%/năm. Lãi suất cho các Kỳ Tính Lãi tiếp theo được tính bằng (i) trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau thông thường, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng được công bố trên trang điện tử chính thức của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển

Nông thôn Việt nam (mỗi ngân hàng nêu trên gọi riêng là “**Ngân Hàng Tham Chiếu**” và gọi chung là “**Các Ngân Hàng Tham Chiếu**”) tại Ngày Xác Định Lãi Suất (“**Lãi Suất Tham Chiếu**”) cộng với (ii) biên độ 3,5%/năm.

Thị giá hay giá của Trái Phiếu (Market value) là giá giao dịch thứ cấp của Trái Phiếu do thị trường quyết định và luôn thay đổi theo quan hệ cung cầu trên thị trường.

Giá của Trái Phiếu là giá trị hiện tại của những dòng tiền trong tương lai dự tính thu được từ Trái Phiếu, được chiết khấu về thời điểm hiện tại với tỷ lệ lợi tức yêu cầu thích hợp của mỗi nhà đầu tư.

Công thức tổng quát tính giá Trái Phiếu trả lãi theo định kỳ như sau:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Trong đó:

PV: là Giá của Trái Phiếu

FV: là Mệnh giá (gốc) của Trái Phiếu

CF_i: là lãi của Trái Phiếu nhận vào kỳ trả lãi thứ i

n: là số kỳ trả lãi còn lại của Trái Phiếu

k: là mức sinh lời kỳ vọng đối với lợi suất Trái Phiếu

Việc xác định giá trái phiếu có thể khác nhau giữa các Nhà Đầu Tư do lợi suất yêu cầu khác nhau, áp dụng các thông lệ thị trường (market convention) khác nhau trong tính toán và khả năng tiếp cận các thông tin thị trường khác nhau. Để tính giá trái phiếu, Nhà Đầu Tư có thể tham khảo các bước tính toán như sau:

- (1) Xác định ngày thanh toán thực tế (ở Việt Nam là ngày t+1 so với ngày giao dịch);
- (2) Xác định số kỳ hưởng lãi coupon còn lại và các ngày nhận lãi coupon;
- (3) Xác định các kỳ hưởng lãi coupon theo lãi suất cố định đã công bố áp dụng;
- (4) Xác định các kỳ hưởng lãi coupon theo lãi suất thả nổi và dự phóng theo mô hình phù hợp;
- (5) Xác định mức lợi suất yêu cầu phù hợp (căn cứ lợi suất giao dịch thứ cấp/sơ cấp của tài sản có tính chất tương tự có thời gian đáo hạn tương tự hoặc trên cơ sở dự báo biến động của đường cong lợi suất);
- (6) Lựa chọn phương thức tính ngày (Day-count Convention) phù hợp theo thông lệ thị trường và loại tài sản (ví dụ: Actual/Actual ICMA, Actual/Actual ISDA, Actual/365 Fixed, Actual/360, Actual/364, Actual/365L, Actual/Actual AFB, 30/360...).
- (7) Áp dụng công thức nêu trên để tính giá trái phiếu

Ví dụ minh họa:

Mệnh giá Trái Phiếu (FV):	100.000 đồng
Ngày phát hành:	25/11/2024
Ngày đáo hạn (Maturity):	25/11/2028
Kỳ hạn:	48 tháng
Kỳ trả lãi (Frequency):	vào các ngày 25/02, 25/05, 25/08, 25/11 hàng năm
Lãi suất (CPN):	9,5%/năm
Giả định ngày định giá (giả định cũng là ngày giao dịch đầu tiên trên sàn dự kiến)	30/05/2025
Số kỳ hưởng lãi và ngày nhận lãi còn lại	14 kỳ vào các ngày 25/08/2025, 25/11/2025, 25/02/2026, 25/05/2026, 25/08/2026, 25/11/2026, 25/02/2027, 25/05/2027, 25/08/2027, 25/11/2027, 25/02/2028, 25/05/2028, 25/08/2028, 25/11/2028
Lãi coupon đã xác định	9,5%/năm cho các kỳ thanh toán lãi vào ngày 25/08/2025, 25/11/2025
Lãi coupon chưa xác định	Giả định các kỳ tính lãi tiếp theo sau 4 kỳ tính lãi đầu tiên, lãi suất trái phiếu bằng 9,5%/năm
Lợi suất yêu cầu ² hay Lãi suất chiết khấu (k)	- Lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 05 năm là 2,55% (theo thông tin trái phiếu chính phủ đấu thầu thành công ngày phát hành 08/05/2025 tại https://hnx.vn/vi-vn/tra-phieu.html) - Giả định mức biên chênh lệch giữa lợi suất trái phiếu và lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 5 năm được yêu cầu bởi nhà đầu tư là 7% - Như vậy mức lợi suất yêu cầu được xác định là 9,55%/năm
Cơ sở tính ngày (day count convention)	- Actual/365

² Đây chỉ là một ví dụ tham khảo về các xác định lợi suất yêu cầu đối với trái phiếu doanh nghiệp trên cơ sở credit spread đối với trái phiếu chính phủ cùng kỳ hạn theo thông lệ quốc tế. Nhà đầu tư có thể tham khảo thêm lợi suất giao dịch của trái phiếu doanh nghiệp có cùng rating và cùng kỳ hạn hoặc các phương pháp khác để xác định lợi suất yêu cầu.

Ngày	Kỳ trả lãi	Số ngày năm giữ	Lãi suất coupon (CPN)	Dòng tiền lãi $CF(i) = \text{Mệnh giá} \times \text{CPN} \times \text{Số ngày thực tế còn lại của Kỳ Tính Lãi}/365$	Gốc trái phiếu	$CF/(1+k)^i$	$FV/(1+k)^n$
25/08/2025	3	118	9,50%	2.394,52		2.343,02	
25/11/2025	4	210	9,50%	2.394,52		2.289,77	
25/02/2026	5	302	9,50%	2.394,52		2.237,73	
25/05/2026	6	391	9,50%	2.316,44		2.117,15	
25/08/2026	7	483	9,50%	2.394,52		2.138,77	
25/11/2026	8	575	9,50%	2.394,52		2.090,16	
25/02/2027	9	667	9,50%	2.394,52		2.042,66	
25/05/2027	10	756	9,50%	2.316,44		1.932,59	
25/08/2027	11	848	9,50%	2.394,52		1.952,32	
25/11/2027	12	940	9,50%	2.394,52		1.907,95	
25/02/2028	13	1032	9,50%	2.394,52		1.864,59	
25/05/2028	14	1122	9,50%	2.342,47		1.783,49	
25/08/2028	15	1214	9,50%	2.394,52		1.781,69	
25/11/2028	16	1306	9,50%	2.394,52	100.000	1.741,19	72.715,67
Tổng					100.000	28.223	72.716

Với các đặc điểm và giả định nêu trên, tại ngày giao dịch đầu tiên trên sàn HNX dự kiến 30/05/2025, giá của Trái Phiếu là: 100.939 VND một trái phiếu (bằng tổng của các giá trị PV).

13. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn

Lợi suất đáo hạn - YTM (Yield To Maturity) là đại lượng đo lường lợi suất (tỷ suất lợi nhuận) mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu từ khi mua và nắm giữ trái phiếu đến khi đáo hạn. Nói cách khác, YTM là mức lãi suất làm cho giá trị hiện tại của các dòng tiền mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu bằng với giá trị đầu tư ban đầu (giá mua/giá trị thị trường của Trái Phiếu).

Để xác định YTM, nhà đầu tư có thể áp dụng công thức tương tự công thức định giá Trái Phiếu được trình bày tại mục trên đây.

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Ví dụ minh họa:

Một Trái Phiếu có các đặc tính sau:

- Mệnh giá Trái Phiếu: 100.000 đồng/Trái Phiếu;
- Ngày phát hành: 25/11/2024;

- Ngày đáo hạn: 25/11/2028;
- Kỳ trả lãi: vào các ngày 25/02, 25/05, 25/08, 25/11 hàng năm;
- Lãi suất: 9,5%/năm cho 4 kỳ tính lãi đầu tiên, các kỳ tính lãi sau 4 kỳ tính lãi đầu tiên, giả định lãi suất trái phiếu là 9,5%/năm
- Ngày giao dịch dự kiến: **30/05/2025**
- Giá giao dịch dự kiến: **102.000 VND**
- Lợi suất yêu cầu hay lãi suất chiết khấu /năm: k

Với các đặc điểm trên, nếu nhà đầu tư giao dịch tại ngày 30/05/2025 với giá 102.000 VND và nắm giữ tới khi đáo hạn thì lợi suất trái phiếu khi đáo hạn (k) là:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Áp dụng phương pháp nội suy: k = 9,17%/năm

14. Phương thức thực hiện quyền

14.1. Điều kiện, thời gian thực hiện quyền

14.1.1. Thời gian thực hiện quyền thanh toán lãi, trả gốc Trái Phiếu

- Kỳ Hạn Trả Lãi/ Kỳ Tính Lãi là thời hạn 03 (ba) tháng liên tục bắt đầu từ (và bao gồm) Ngày Phát Hành (hoặc Ngày Thanh Toán Lãi) cho tới (nhưng không bao gồm) (i) Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên (hoặc Ngày Thanh Toán Lãi tiếp theo) hoặc (ii) Ngày Mua Lại Trái Phiếu Trước Hạn (tùy trường hợp áp dụng). Tiền lãi trái phiếu được trả sau theo định kỳ 03 (ba) tháng một lần kể từ Ngày Phát Hành vào cuối mỗi Kỳ Hạn Trả Lãi.
- Kỳ Hạn Trả Gốc: 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ Ngày Phát Hành.
- Trừ khi được mua lại trước hạn theo Các Điều Kiện Trái Phiếu, Trái Phiếu sẽ đáo hạn và tiền gốc sẽ được thanh toán bằng mệnh giá vào Ngày Đáo Hạn của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc vào ngày đến hạn khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu.

14.1.2 Phương thức thực hiện quyền thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu

- Việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam và quy chế của VSDC và các quy định dưới đây (trong phạm vi các quy định dưới đây không trái hoặc xung đột với các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam và quy chế của VSDC).
- Gốc lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu sẽ được thanh toán vào ngày đến hạn có liên quan thông qua VSDC vào tài khoản chứng khoán của Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ thanh toán gốc Trái Phiếu (cùng với lãi, tiền phạt đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán) vào Ngày Thanh Toán Gốc Trái Phiếu. Để tránh nhầm lẫn, gốc của mỗi Trái Phiếu chính là mệnh giá của Trái Phiếu đó, lãi (gồm cả lãi trên gốc

Trái Phiếu hoặc lãi quá hạn, nếu có) và tiền phạt sẽ được tính theo Các Điều Khoản Trái Phiếu liên quan.

- Lãi trên gốc Trái Phiếu sẽ đến hạn và được thanh toán sau, định kỳ vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi, lãi phải thanh toán trên gốc Trái Phiếu là lãi được xác định theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu liên quan cho Ngày Thanh Toán Lãi tương ứng.
- Chỉ những Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trên danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng cho một lần thanh toán mới nhận được tiền thanh toán trong lần thanh toán đó.
- Thanh toán vào Ngày Làm Việc.
- Nếu ngày đến hạn của một khoản thanh toán theo Trái Phiếu không phải Ngày Làm Việc thì Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ thanh toán khoản tiền đó vào Ngày Làm Việc ngay sau ngày đó (và không bị coi là vi phạm nghĩa vụ thanh toán).

14.1.3 Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được ghi tên danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được quản lý tập trung tại VSDC sẽ là chủ sở hữu duy nhất của Trái Phiếu về mọi phương diện và sẽ có quyền nhận tất cả các khoản thanh toán, thông báo, báo cáo và được hưởng các quyền khác liên quan đến Trái Phiếu đó.

a. Quyền Sở Hữu

Việc quản lý danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu và các giao dịch liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được thực hiện thông qua VSDC, tuân theo quy định pháp luật Việt Nam, quy định VSDC và SGDCK.

b. Quyền giao dịch Trái Phiếu

- Người Sở Hữu Trái Phiếu được tự do Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu đối với toàn bộ Trái Phiếu của mình (chi tiết tại điểm (a) nêu trên) và sử dụng Trái Phiếu để chuyển nhượng, cho, tặng, để lại, thừa kế, chiết khấu, hoán đổi, chuyển quyền sở hữu, sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm hoặc tham gia vào các giao dịch trong các quan hệ dân sự và thương mại/tín dụng theo quy định của pháp luật và Các Điều Khoản Trái Phiếu;
- Để tránh nhầm lẫn, Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể cầm cố Trái Phiếu tại các tổ chức tín dụng theo quy định hiện hành của pháp luật nếu tổ chức tín dụng tại đó chấp thuận;
- Không ảnh hưởng đến quy định tại Điều Khoản trên, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không tham gia các giao dịch khác với Người Sở Hữu Trái Phiếu mà có hiệu lực như một giao dịch mua lại trước hạn trừ trường hợp mua lại trước hạn theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu;
- Việc giao dịch Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam và của VSDC, các quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu;

- Trong thời hạn lưu hành của Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc bất cứ bên thứ ba nào;

c. Quyền hưởng lãi và các khoản thanh toán khác

Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết thanh toán đầy đủ gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu đối với Trái Phiếu mình sở hữu theo các quy định dưới đây:

- Ít nhất 18 (mười tám) Ngày Làm Việc trước mỗi Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu và/hoặc Ngày Mua Lại Theo Thỏa Thuận hoặc Ngày Đáo Hạn, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ thông báo Ngày Chốt Danh Sách trên trang thông tin điện tử chính thức của mình để chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền thanh toán vào ngày đến hạn thanh toán đó;
- Việc thanh toán gốc lãi và các khoản tiền khác (nếu có) liên quan tới Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật, quy chế của VSDC và các quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu.

d. Quyền nhận thông tin

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền được nhận các thông báo, thông tin liên quan đến Trái Phiếu và Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết theo đúng các quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu.

e. Quyền khi xảy ra sự kiện vi phạm của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền được thực hiện các biện pháp xử lý khi xảy ra sự kiện vi phạm nêu tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Điều 16 Mục VI Bản Cáo Bạch này.

14.2. Phương pháp tính và đền bù thiệt hại trong trường hợp không thực hiện được quyền

14.2.1. Mua lại Trái Phiếu theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành

- (a) Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, tại bất kỳ thời điểm nào sau thời gian đủ 12 (mười hai) tháng kể từ Ngày Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành được phép mua lại toàn bộ hoặc một phần số Trái Phiếu đang lưu hành và để tránh nhầm lẫn, Người Sở Hữu Trái Phiếu có toàn quyền bán lại (một phần hoặc toàn bộ) hoặc không bán lại số Trái Phiếu được chào mua của mình cho Tổ Chức Phát Hành khi nhận được chào mua như vậy.
- (b) Khi Trái Phiếu đang được đăng ký và lưu ký tại Đại Lý Đăng Ký Chuyển Nhượng, Tổ Chức Phát Hành được thực hiện quyền chào mua, trong một hoặc nhiều lần, đối với một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu đang lưu hành theo các điều khoản và điều kiện sau:
 - (i) Tổ Chức Phát Hành công bố, công khai kế hoạch mua lại Trái Phiếu trước hạn và gửi một thông báo chào mua Trái Phiếu (“Thông Báo Chào Mua”) đến Người Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu), chậm nhất 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc trước Ngày Mua Lại Trước Hạn dự kiến hoặc một thời hạn khác dài hơn

được quy định tại Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan. Thông Báo Chào Mua phải nêu rõ số lượng Trái Phiếu được chào mua, phương thức chào mua, giá chào mua, thời hạn để Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại Trái Phiếu (“Thời Hạn Đăng Ký Bán”), Ngày Mua Lại Trước Hạn dự kiến và Ngày Đăng Ký Cuối Cùng tương ứng. Trong đó, Ngày Đăng Ký Cuối Cùng là Ngày Làm Việc sau ngày của Thông Báo Chào Mua và không muộn hơn Ngày Làm Việc thứ 11 (mười một) trước Ngày Mua Lại Trước Hạn;

- (ii) Sau khi nhận được Thông Báo Chào Mua của Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện các thủ tục chào mua phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan (bao gồm việc gửi Thông Báo Chào Mua cho Người Sở Hữu Trái Phiếu); và
- (iii) Người Sở Hữu Trái Phiếu có toàn quyền chấp nhận hoặc từ chối bán lại một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu được chào mua cho Tổ Chức Phát Hành. Trường hợp chấp nhận bán lại Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi thông báo xác nhận bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác do Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu quy định, trong đó nêu rõ số lượng Trái Phiếu mà Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại (“Trái Phiếu Đăng Ký Bán”) đến Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trước khi kết thúc Thời Hạn Đăng Ký Bán. Kể từ thời điểm Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi thông báo đăng ký bán lại Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý không hủy ngang sẽ chuyển nhượng các Trái Phiếu Đăng Ký Bán cho Tổ Chức Phát Hành theo các điều kiện được quy định trong Thông Báo Chào Mua, và Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không có quyền chuyển nhượng các Trái Phiếu Đăng Ký Bán đó cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác ngoài Tổ Chức Phát Hành hoặc sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ nào.
- (c) Khi Trái Phiếu đã được đăng ký, lưu ký tại VSDC và niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, việc mua lại Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định tại đoạn (a) và đoạn (b) nêu trên (trong phạm vi quy định tại đoạn (a) và đoạn (b) không trái với quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, quy chế của VSDC và Sở Giao Dịch Chứng Khoán), và các quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và quy chế của VSDC và Sở Giao Dịch Chứng Khoán có hiệu lực tại thời điểm đó.

14.2.2. Mua lại Trái Phiếu trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành phải mua lại Trái Phiếu trước hạn khi xảy ra sự kiện vi phạm

Tổ Chức Phát Hành có nghĩa vụ phải mua lại Trái Phiếu trước hạn theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu khi phát sinh Sự Kiện Vi Phạm theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu. Trong trường hợp này, Giá Mua Lại của Trái Phiếu được xác định theo công thức tính Giá Mua Lại của Trái Phiếu trong trường hợp mua lại Trái Phiếu theo yêu cầu của Tổ Chức

Phát Hành.

14.3 Sự kiện vi phạm

14.3.1 Các sự kiện vi phạm

Bất kỳ sự kiện nào sau đây được gọi là “Sự Kiện Vi Phạm”:

- (i). *Vi phạm Tỷ Lệ Bảo Đảm*: Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và/hoặc Các Bên Bảo Đảm không thực hiện bổ sung Tài Sản Bảo Đảm theo đúng quy định tại Điều 16 Mục V Bản Cáo Bạch này và Điều 4.3(c) Các Điều Khoản Trái Phiếu;
- (ii). *Không Thanh Toán*: Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ và đúng hạn bất kỳ khoản tiền gốc hoặc tiền lãi nào của bất kỳ Trái Phiếu nào vào ngày đến hạn thanh toán khoản tiền gốc hoặc tiền lãi đó; và vi phạm đó không được khắc phục trong thời hạn 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày đến hạn;
- (iii). *Vi phạm mục đích phát hành*: Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết vi phạm mục đích phát hành Trái Phiếu theo quy định tại Điều 14 Mục V của Bản Cáo Bạch này;
- (iv). *Vi Phạm quy định pháp luật về phát hành Trái Phiếu*: Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết vi phạm bất kỳ quy định nào của pháp luật áp dụng đối với việc phát hành Trái Phiếu làm ảnh hưởng đến quyền sở hữu và các quyền lợi khác của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Bản Cáo Bạch và Các Điều Khoản Trái Phiếu này mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc không được khắc phục trong thời hạn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc từ ngày Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nhận được thông báo của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc từ cơ quan nhà nước nào có thẩm quyền liên quan đến vi phạm đó;
- (v). *Vi Phạm Các Nghĩa Vụ Khác*: Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Các Bên Bảo Đảm vi phạm bất kỳ quy định nào của Các Điều Khoản Trái Phiếu này hoặc bất kỳ Các Hợp Đồng Trái Phiếu nào mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc không được khắc phục trong thời hạn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nhận được thông báo của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm về vi phạm đó (để tránh nhầm lẫn, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Các Bên Bảo Đảm cũng bị coi là vi phạm Các Điều Khoản Trái Phiếu này hoặc bất kỳ Các Hợp Đồng Trái Phiếu nào nếu có bất kỳ cam đoan, bảo đảm hoặc khẳng định nào của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Các Bên Bảo Đảm trong Các Điều Khoản Trái Phiếu hoặc Các Hợp Đồng Trái Phiếu có cơ sở xác định, chứng minh là không trung thực, không chính xác hoặc gây nhầm lẫn vào ngày cam đoan, bảo đảm hay khẳng định đó được đưa ra và dẫn đến việc Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Bên Bảo Đảm có liên quan (tùy từng trường hợp áp dụng) vi phạm các nghĩa vụ của mình theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này hoặc Các Hợp Đồng Trái Phiếu tương ứng;
- (vi). *Vi Phạm Chéo*:

- Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không thanh toán bất kỳ Khoản Nợ nào của mình khi đến hạn (hoặc khi kết thúc thời gian ân hạn áp dụng đối với Khoản Nợ đó, nếu có);
 - có bất kỳ Khoản Nợ nào của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết bị tuyên bố đến hạn trước ngày đáo hạn đã định do Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết vi phạm nghĩa vụ liên quan đến Khoản Nợ đó mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không thanh toán đầy đủ Khoản Nợ vào ngày phải trả nợ trước hạn;
- (vii). *Mất Khả Năng Thanh Toán*: Không ảnh hưởng đến quy định tại mục (iv) nêu trên, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:
- bị mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật phá sản, hoặc thừa nhận không có khả năng thanh toán nợ đến hạn của mình;
 - tiến hành bất kỳ thủ tục nào theo luật phá sản để điều chỉnh lại hoặc trì hoãn bất kỳ nghĩa vụ hoặc phần nghĩa vụ nào của mình liên quan đến toàn bộ hoặc trên 50% hoạt động kinh doanh, tài sản hoặc nguồn thu theo báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết; hoặc
 - thực hiện hoặc ký kết bất kỳ cam kết chuyển nhượng hoặc thoả thuận với một hoặc nhiều chủ nợ đối với toàn bộ hoặc trên 50% hoạt động kinh doanh, tài sản hoặc nguồn thu theo báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết dẫn đến việc Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mất khả năng thanh toán.
- (viii). *Phá sản, giải thể*: (i) Đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Khi một tòa án/cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ban hành lệnh hoặc quyết định hoặc bản án về việc phá sản, thanh lý hoặc giải thể Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc khi Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết tiến hành bất kỳ thủ tục nào để phá sản, thanh lý hay giải thể chính Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Bên Bảo Đảm (trừ trường hợp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Bên Bảo Đảm bị giải thể hoặc thanh lý liên quan đến việc sáp nhập và công ty tồn tại sau sáp nhập sẽ tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ theo Trái Phiếu hoặc nghĩa vụ liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm tương ứng) (gọi tắt là “**Sự Kiện Phá Sản, Giải Thể**”); (ii) Đối với một Bên Bảo Đảm bất kỳ: Khi có bất kỳ Bên Bảo Đảm nào có Sự Kiện Phá Sản, Giải Thể và Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không khắc phục được hậu quả của Sự Kiện Phá Sản, Giải Thể của Bên Bảo Đảm đó hoặc không bổ sung/thay thế Tài Sản Bảo Đảm để đảm bảo Tỷ Lệ Bảo Đảm được quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu này trong thời hạn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Phá Sản, Giải Thể;
- (ix). *Cưỡng chế thực hiện nghĩa vụ*: Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành thủ tục thi hành án, tịch thu, tịch biên (hoặc bất kỳ thủ tục pháp lý nào khác có hiệu lực tương tự) đối với (i) trên 50% tài sản hoặc doanh thu của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết tính theo

báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của kỳ lập báo cáo gần nhất và (ii) việc thi hành án, tịch thu, tịch biên hoặc thủ tục pháp lý đó không được dỡ bỏ hoặc chấm dứt trong thời hạn 60 (sáu mươi) Ngày Làm Việc kể từ lúc bắt đầu;

- (x). *Ngừng hoạt động kinh doanh*: Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc một Bên Bảo Đảm bất kỳ ngừng hoặc có nguy cơ ngừng tất cả hoặc phần lớn các hoạt động chính của mình; hoặc ngừng hoặc có nguy cơ ngừng thực hiện tất cả hoặc trên 50% (năm mươi phần trăm) công việc kinh doanh chính đang được tiến hành vào Ngày Phát Hành hoặc Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết; hoặc một Bên Bảo Đảm bất kỳ tiến hành bất kỳ hành động nào làm cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Bên Bảo Đảm đó ngừng thực hiện công việc kinh doanh chính của mình hoặc trên 50% (năm mươi phần trăm) công việc kinh doanh hoặc làm cho giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy tờ tương đương) của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc của Bên Bảo Đảm đó bị thu hồi hoặc hủy bỏ. Để làm rõ, quy định này không bao gồm các trường hợp không tồn tại do việc thanh lý, phá sản, giải thể quy định tại mục 13.3.1.(vii) và mục 13.3.1.(viii) nêu trên. Không trái nội dung điều khoản này, khi một Bên Bảo Đảm bất kỳ có hoặc gây ra sự kiện Ngừng Hoạt Động Kinh Doanh như mô tả bên trên được xem là Sự Kiện Vi Phạm khi Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không khắc phục hậu quả của sự kiện Ngừng Hoạt Động Kinh Doanh hoặc không bổ sung/thay thế Tài Sản Bảo Đảm để đảm bảo Tỷ Lệ Bảo Đảm đã được quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này trong thời hạn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày xảy ra sự kiện Ngừng Hoạt Động Kinh Doanh này;
- (xi). *Bất hợp pháp*: Việc Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và Các Bên Bảo Đảm thực hiện hoặc tuân thủ nghĩa vụ của mình theo Trái Phiếu, Các Điều Khoản Và Điều Khoản Trái Phiếu hoặc bất kỳ Các Hợp Đồng Trái Phiếu nào mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Bên Bảo Đảm có liên quan là một bên trong Các Hợp Đồng Trái Phiếu đó trở nên bất hợp pháp theo quy định của pháp luật có liên quan;
- (xii). *Cho Phép Và Chấp Thuận*: Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không tiến hành hay thực hiện bất kỳ hành động, yêu cầu hoặc thủ tục nào (kể cả việc xin các chấp thuận, phê chuẩn, cho phép hoặc tiến hành việc đăng ký, thông báo) mà cần phải được tiến hành hoặc thực hiện bởi Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết để: (i) cho phép Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết phát hành Trái Phiếu và thực hiện và tuân thủ các nghĩa vụ của mình theo Trái Phiếu, Các Điều Khoản Trái Phiếu hoặc bất kỳ Các Hợp Đồng Trái Phiếu nào một cách hợp pháp và/hoặc (ii) đảm bảo rằng các nghĩa vụ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết theo Trái Phiếu, Các Điều Khoản Trái Phiếu hoặc bất kỳ Các Hợp Đồng Trái Phiếu nào là có tính ràng buộc và có thể thi hành đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mà vi phạm này không khắc phục được hoặc không có phương án khắc phục được Người Sở Hữu Trái

Phiếu chấp thuận, trong vòng 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày vi phạm hoặc kể từ ngày Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nhận được thông báo của bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào hoặc Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm về vi phạm đó.

14.3.2. Biện pháp khắc phục khi có sự kiện vi phạm

- (a) Khi một Sự Kiện Vi Phạm xảy ra: mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không khắc phục được hoặc không có phương án khắc phục trong thời gian quy định về khắc phục Sự Kiện Vi Phạm được quy định tại từng Sự Kiện Vi Phạm:
- (i) Bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có quyền gửi thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết/Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu để yêu cầu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn.
 - (ii) Ngay khi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu biết (i) có Sự Kiện Vi Phạm xảy ra hoặc (ii) nhận được thông báo theo quy định tại đoạn (i) trên đây, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền nhưng không có nghĩa vụ xác minh lại thông tin, sẽ gửi thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết về tính hợp lý của Sự Kiện Vi Phạm được đề cập và việc tuyên bố Trái Phiếu đến hạn;
 - (iii) Sau 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc hoặc một thời hạn khác theo quyết định của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu kể từ ngày Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nhận được thông báo của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu mà không khắc phục được vi phạm hoặc nhận được thông báo nhưng không phản hồi hoặc Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết xác nhận về tính hợp lý của Sự Kiện Vi Phạm, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi thông báo cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết (đồng thời cũng gửi cho Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm và đăng tải trên website của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu) để tuyên bố rằng Trái Phiếu ngay lập tức đến hạn và phải được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mua lại. Trừ trường hợp có cơ sở rõ ràng, đáng tin cậy để xác định Sự Kiện Vi Phạm đã được khắc phục trước khi Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nhận được thông báo nêu tại điểm này, các Trái Phiếu sẽ đến hạn và phải được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mua lại trong vòng 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày Trái Phiếu bị tuyên bố đến hạn ("**Ngày Mua Lại Trái Phiếu Trước Hạn**") với giá mỗi Trái Phiếu bằng tổng của 100% mệnh giá Trái Phiếu đó và lãi (kể cả lãi quá hạn) đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán trên Trái Phiếu đó. Nếu Ngày Mua Lại Trước Hạn không phải là một Ngày Làm Việc, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết phải mua lại Trái Phiếu vào Ngày Làm Việc ngay sau đó.
- (b) Nếu Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán đối với Trái Phiếu được Người Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu mua lại theo Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu, Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm sẽ có quyền xử lý

Tài Sản Bảo Đảm theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm và phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

- (c) Để tránh nhầm lẫn, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không tự mình (mà sẽ thông qua Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm) thực hiện việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm trừ khi Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm không thể thực hiện việc đó theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

15. Mục đích sử dụng vốn thu được từ phát hành trái phiếu

Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết dự kiến dùng vốn huy động được từ đợt chào bán Trái Phiếu để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Phương án sử dụng vốn chi tiết: toàn bộ số tiền thu được từ việc chào bán Trái Phiếu ra công chúng là 400.000.000.000 đồng (Bốn trăm tỷ đồng) được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sử dụng với mục đích chào bán nêu trên, cụ thể là:

Bảng 44: Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Đơn vị: đồng

TT	Tên nhà cung cấp	Giá trị	Thời gian giải ngân
1	Thanh toán tiền lương cho cán bộ công nhân viên	224.000.000.000	Năm 2024-2025, sau khi Công ty được phép sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán Trái phiếu theo đúng quy định
2	Thanh toán tiền nguyên phụ liệu, dịch vụ	176.000.000.000	
2.1	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YKK VIỆT NAM – CHI NHÁNH HÀ NAM	61.453.803.065	
2.2	Công ty CP SX&TM Việt Hàn TLP	30.000.000.000	
2.3	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trung Dũng	12.000.000.000	
2.4	Chi nhánh công ty TNHH Coats Phong Phú	5.000.000.000	
2.5	Cty TNHH Avery Dennison Ris Việt Nam	5.000.000.000	
2.6	CÔNG TY TNHH BUILD - UP VIỆT NAM CHI NHÁNH 2	4.409.461.813	
2.7	CÔNG TY CỔ PHẦN VP BÌNH MINH	5.000.000.000	
2.8	Cty TNHH Mainetti (Việt Nam)	5.000.000.000	
2.9	Công ty TNHH nhãn mác và bao bì Maxim Việt Nam	3.247.566.485	
2.10	Công ty cổ phần dệt Trần Hiệp Thành	5.000.000.000	
2.11	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH AVERY DENNISON RIS VIỆT NAM TẠI TỈNH BẮC NINH	5.000.000.000	

TT	Tên nhà cung cấp	Giá trị	Thời gian giải ngân
2.12	CN CTCP dịch vụ hàng hải hàng không con Cá Heo	3.957.827.874	
2.13	CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT TQT	4.000.000.000	
2.14	Công Ty TNHH SX và TM Tổng hợp Hưng Thành	2.578.950.036	
2.15	Công ty TNHH Bao Bi Nexgen Việt Nam	522.304.704	
2.16	Công ty Cổ phần Dệt Toàn cầu	3.992.720.725	
2.17	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT PHỤ LIỆU MAY HÙNG PHÁT HN	3.000.000.000	
2.18	Công ty TNHH Việt Nam Paiho	3.000.000.000	
2.19	Công Ty TNHH Thái Bình Nguyên VN	2.000.000.000	
2.20	CÔNG TY TNHH IN THÊU TÂN HÙNG NGỌC	2.000.000.000	
2.21	Công ty TNHH Việt Phú	0	
2.22	Công Ty Cổ Phần MIZA	2.000.000.000	
2.23	Công ty TNHH tiếp vận Thái Dương	670.933.260	
2.24	CTCP đầu tư và phát triển hàng hải Bình Minh	2.000.000.000	
2.25	Bưu điện tỉnh Thái Nguyên	1.483.423.985	
2.26	CÔNG TY TNHH NATCO VIỆT NAM	1.683.008.053	
2.27	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỒNG TIẾN THỊNH	1.000.000.000	
2.28	CÔNG TY TNHH R-PAC VIETNAM	1.000.000.000	
Tổng cộng		400.000.000.000	

Nguồn: Nghị quyết HĐQT số 53/NQ-HĐQT ngày 17/02/2025

Ngày 17/02/2025, Hội đồng quản trị TNG đã ban hành Nghị quyết số 53/NQ-HĐQT, theo đó thông qua điều chỉnh Phương Án Sử Dụng Vốn Chi Tiết đối với việc thanh toán nguyên phụ liệu, dịch vụ trong đợt chào bán trái phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 162/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/10/2024. Lý do thay đổi là nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sử dụng vốn thu được từ việc phát hành trái phiếu để thanh toán cho nhà cung cấp nguyên phụ liệu đến hạn thanh toán phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty. Phương án thay đổi này đã được TNG công bố thông tin tại Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, và Website của TNG ngày 17/02/2025.

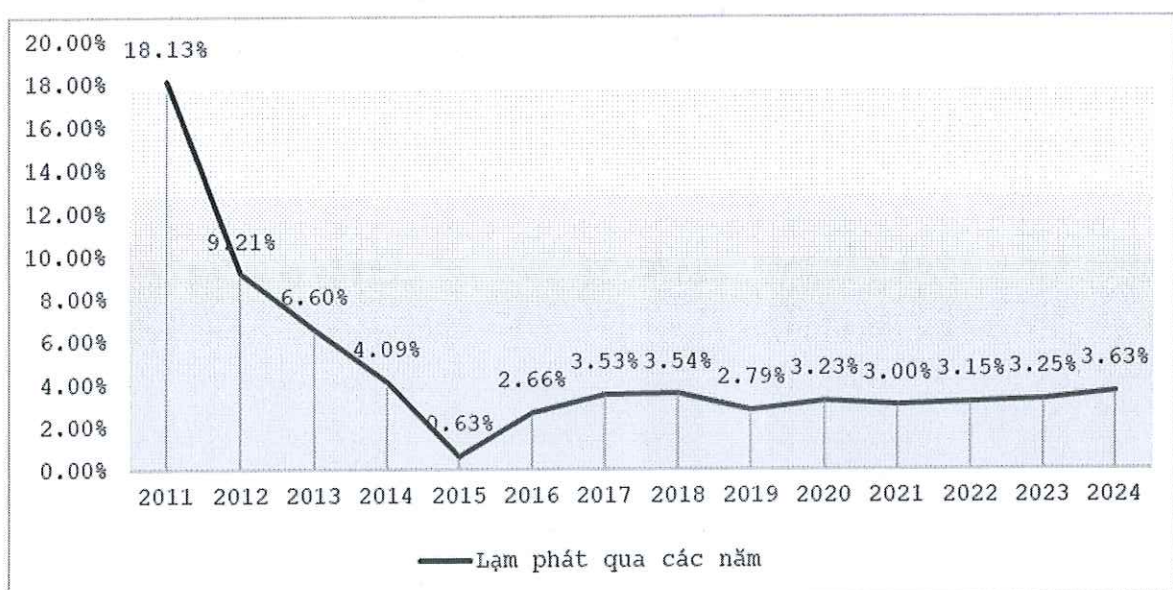
Ngày 19/03/2025, Hội đồng quản trị TNG đã ban hành Nghị quyết số 111/NQ-HĐQT ngày 19/03/2025 về việc sử dụng lãi tiền gửi thu được từ phát hành trái phiếu TNG124027 ra công chúng. Theo đó, lãi tiền gửi thu được từ phát hành trái phiếu (từ ngày 20/11/2024 đến ngày 18/03/2025) là 45.415.975 VNĐ sẽ được sử dụng để thanh toán tiền nguyên phụ liệu cho đối tác là Công ty TNHH YKK Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam.

Tính đến thời điểm của Bản Cáo Bạch này, TNG đã sử dụng hết số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng. TNG đã thực hiện kiểm toán tình hình sử dụng vốn tại Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng (mã Trái Phiếu: TNG124027) đã được kiểm toán từ ngày 25 tháng 11 năm 2024 (ngày phát hành) đến ngày 31 tháng 3 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.

16. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết

Thông thường, khi tỷ lệ lạm phát tăng, lãi suất thị trường sẽ có xu hướng tăng tương ứng và khiến cho nhà đầu tư đòi hỏi mức sinh lời từ các tài sản đầu tư cao hơn hay nói cách khác là mức lãi suất chiết khấu sẽ tăng lên. Giá trị Trái Phiếu được tính toán dựa trên cơ sở chiết khấu các dòng tiền phát sinh trong tương lai về thời điểm hiện tại, do đó chịu tác động trực tiếp bởi lãi suất thị trường. Khi lãi suất thị trường tăng, giá trị trái phiếu sẽ giảm, và ngược lại. Ngược lại, nếu tỷ lệ lạm phát giảm kéo theo lãi suất thị trường giảm sẽ làm tăng giá trị Trái Phiếu do Trái phiếu đang cho nhà đầu tư mức lợi suất hấp dẫn hơn thị trường. Như vậy, tỷ lệ lạm phát và lãi suất thị trường có mối quan hệ ngược chiều với giá của Trái Phiếu.

Hình 7: Tốc độ tăng CPI bình quân so với năm trước (giai đoạn 2011-2024)



Nguồn GSO

Tình hình lạm phát ở Việt Nam trong những năm qua đã được kiểm soát tốt. Trong bối cảnh áp lực lạm phát tại các quốc gia trên thế giới ngày càng tăng cao do áp lực tăng giá cước vận chuyển, tăng giá nguyên vật liệu cho sản xuất dưới tác động của đại dịch Covid-19, CPI năm 2021 của Việt Nam chỉ tăng 1,84% so với năm 2020, thấp hơn khá nhiều so với mục tiêu 4% mà Quốc hội đề ra. CPI năm 2022 cũng được kiểm soát trong mức tốt, chỉ 2,59% trong tình cảnh kinh tế toàn cầu biến động. Năm 2023, chính phủ tiếp tục có nhiều chính sách kiểm soát lạm phát trong bối cảnh kinh tế toàn cầu nhiều biến động. Tính chung cả năm 2023, CPI tăng 3,25% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

Trong năm 2024, CPI tăng 3,63% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội thông qua cho năm 2024 ở mức từ 4%-4,5%. Đây là mức lạm phát phù hợp với tình hình kinh tế – xã hội ở trong nước, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, là điểm sáng trong kết quả phát triển kinh tế của Việt Nam năm 2024.

Năm 2025, áp lực lạm phát có thể đến từ một số yếu tố, cụ thể như xung đột quân sự leo thang, cạnh tranh thương mại giữa các nước lớn, hiện tượng thời tiết cực đoan, các thay đổi trong chính sách thuế của Mỹ, ...

Trong trường hợp diễn biến kinh tế vĩ mô trong thời hạn Trái Phiếu không có biến động bất thường, Trái Phiếu niêm yết dự kiến sẽ không chịu ảnh hưởng quá lớn đến từ tình hình lạm phát và lãi suất.

17. Cam kết về tỷ lệ đảm bảo

17.1 Phương thức bảo đảm gốc và lãi trái phiếu

Trái phiếu được bảo đảm một phần bằng tài sản.

17.2. Tài sản bảo đảm

Tại Ngày Phát Hành, Tài Sản Bảo Đảm của Trái Phiếu bao gồm:

Cổ Phiếu Thế Chấp: Số lượng Cổ Phiếu Thế Chấp ban đầu tại Ngày Phát Hành là 10.000.000 (mười triệu) cổ phiếu của Công ty cổ phần Đầu tư và thương mại TNG (mã chứng khoán: TNG), thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Văn Thời ("**Bên Bảo Đảm**"), quy định chi tiết tại Hợp Đồng Thế Chấp Cổ Phiếu.

Tài Sản Bảo Đảm nêu trên được bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ của Trái Phiếu TNGH2428001 và không bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ nào khác.

Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm nhận quản lý Tài Sản Bảo Đảm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại: 02473.045688

Website: <https://mbs.com.vn/>

STT	Tài Sản Bảo Đảm	Bên Bảo Đảm	Giá trị Tài Sản Bảo Đảm (đvt: đồng)	Chứng thư thẩm định giá	Hợp Đồng Bảo Đảm	Cam kết của Bên Bảo Đảm về việc dùng tài sản đó để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trái phiếu	Văn bản xác nhận đã đăng ký giao dịch bảo đảm	Hợp đồng bảo hiểm
1	Cổ Phiếu Thẻ Chấp	Ông Nguyễn Văn Thời (Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dầu tư và Thương mại TNG)	220.600.000.000	Số 1803.33.1/2024/CT-VAAE/CNHN do Chi nhánh Hà Nội - Công ty cổ phần Giám định và Thẩm định tài sản Việt Nam cấp ngày 20 tháng 03 năm 2024	01/2024/MBS/IBDCM-HĐCCCP ngày 11/06/2024	01/2024/CV-BĐ ngày 11/06/2024	Văn bản xác nhận việc đăng ký biện pháp bảo đảm số A410160138/VBCN-ĐKBPBĐ Của VSDC	Không có
Tổng cộng			220.600.000.000					

17.3. Cam kết bảo đảm

- Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và Các Bên Bảo Đảm cam kết tạo lập và duy trì các biện pháp bảo đảm cần thiết để đảm bảo rằng tại bất kỳ thời điểm nào trong khi còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành. Tỷ Lệ Bảo Đảm của Trái Phiếu tuân thủ quy định tại các Văn Kiện Trái Phiếu. Tại mọi thời điểm kể từ Ngày Phát Hành, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết phải bảo đảm Tỷ Lệ Bảo Đảm không thấp hơn 40%.
- Phương pháp định giá và kỳ định giá lại Tài Sản Bảo Đảm được quy định tại Các Điều Kiện Trái phiếu và Các Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan.
- Tỷ Lệ Bảo Đảm của Trái Phiếu được xác định tại Ngày Định Giá thông qua công thức sau:

$$\text{Tỷ Lệ Bảo Đảm} = \frac{A + S}{O - C} \times 100\%$$

trong đó:

- o **A:** Tổng giá trị Tài Sản Bảo Đảm Khác (nếu có) xác định theo biên bản định giá gần nhất;
- o **S:** Tổng giá trị Cổ Phiếu Thế Chấp xác định theo biên bản định giá gần nhất;
- o **O:** Tổng mệnh giá các Trái Phiếu đang lưu hành và được chưa thanh toán gốc tại thời điểm định giá;
- o **C:** là tổng giá trị của các tài sản bảo đảm bằng tiền mặt/giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng phát hành/sổ tiết kiệm/hợp đồng tiền gửi (nếu có);
- Tại bất kỳ thời điểm định giá nào mà Tỷ Lệ Bảo Đảm thấp hơn 40%, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu/Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm (hành động thay mặt cho Những Người Sở Hữu Trái Phiếu) phối hợp với tổ chức nhận tài sản bảo đảm khác (nếu có) gửi thông báo yêu cầu Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc các Bên Bảo Đảm có liên quan bổ sung Tài Sản Bảo Đảm để đảm bảo Tỷ Lệ Bảo Đảm sau khi bổ sung Tài Sản Bảo Đảm không thấp hơn 40%. Thời gian đề xuất phương án bổ sung Tài Sản Bảo Đảm là 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm đưa ra yêu cầu bổ sung Tài Sản Bảo Đảm (“**Thông Báo Bổ Sung Tài Sản Bảo Đảm**”). Trong thời gian bổ sung, nếu do biến động thị trường các tỷ lệ này vượt ngưỡng yêu cầu, thì được xem là một trong các phương án đã được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết khác phục.

17.4. Giá trị tài sản bảo đảm

- (a) Đối với các Tài Sản Bảo Đảm là Cổ Phiếu Thế Chấp: Giá trị Tài Sản Bảo Đảm được xác định bằng bình quân giản đơn giá đóng cửa theo phương pháp giao dịch khớp lệnh của: 40 (bốn mươi) ngày giao dịch trước Ngày Định Giá theo quy định cụ thể tại các Hợp Đồng

Bảo Đảm và/hoặc Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (tùy từng trường hợp áp dụng).

Để làm rõ, trong phạm vi số ngày giao dịch dùng để xác định giá, nếu có bất kỳ trường hợp chia cổ tức, thưởng cổ phiếu hoặc phát hành thêm dẫn đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại các Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền ("**Giao Dịch Không Hưởng Quyền**") thì giá đóng cửa của từng ngày giao dịch trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền đó sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{đc} = \frac{\text{Giá đóng cửa} + (I1 \times Pr1) + (I2 \times Pr2) + (I3 \times Pr3) - TTHcp - Divcp - TTHt - Divt}{(1 + I1 + I2 + I3)}$$

Trong đó:

- Giá đóng cửa là giá đóng cửa của ngày giao dịch xác định cần điều chỉnh giá theo thông tin lấy từ Sở Giao Dịch Chứng Khoán
 - P_{đc}: Giá đóng cửa của ngày xác định sau khi được điều chỉnh
 - I1: Tỷ lệ vốn tăng theo phát hành quyền mua cổ phiếu
 - I2: Tỷ lệ vốn tăng do chia thưởng bằng cổ phiếu
 - I3: Tỷ lệ vốn tăng do chi trả cổ tức bằng cổ phiếu
 - Pr1: Giá cổ phiếu bán cho người có quyền mua cổ phiếu
 - Pr2: Giá cổ phiếu tính cho người được thưởng bằng cổ phiếu
 - Pr3: Giá cổ phiếu tính cho người được nhận cổ tức bằng cổ phiếu
 - TTHcp: Giá trị thưởng bằng cổ phiếu tính cho 1 cổ phiếu
 - Divcp: Giá trị cổ tức bằng cổ phiếu tính cho 1 cổ phiếu
 - TTHt: Giá trị tiền thưởng bằng tiền tính cho 1 cổ phiếu
 - Divt: Giá trị cổ tức bằng tiền tính cho 1 cổ phiếu
- (b) Đối với tài sản bảo đảm khác (nếu có) là số dư Tiền hoặc Sổ tiết kiệm hoặc Hợp đồng tiền gửi hoặc các giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng phát hành được xác định giá trị bằng 100% giá trị của các khoản tiền này tính theo Đồng Việt Nam.

17.5. Phương án xử lý tài sản bảo đảm

- (a) Khi xảy ra một trong các trường hợp sau: (i) trong vòng 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được Thông Báo Bổ Sung Tài Sản Bảo Đảm, nếu Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và/hoặc (các) Bên Bảo Đảm không hoàn tất phương án bổ sung Tài Sản Bảo Đảm theo quy định tại các Hợp Đồng Bảo Đảm hoặc (ii) Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và/hoặc bên bảo

- đảm khác (nếu áp dụng) không hoàn tất việc bổ sung Tài Sản Bảo Đảm trong thời hạn theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu và Các Hợp Đồng Bảo Đảm khi Tỷ Lệ Bảo Đảm thấp hơn 40% (bốn mươi phần trăm) thì Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm (hành động thay những Người Sở Hữu Trái Phiếu) sẽ được phép tiến hành bất kỳ hành động nào mà Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm cho là phù hợp, cần thiết hoặc nên làm phù hợp với quy định của pháp luật để ngăn chặn hoặc khắc phục bất kỳ vi phạm nào nêu trên. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và/hoặc Bên Bảo Đảm phải chịu trách nhiệm hoàn trả/bồi thường bất kỳ thiệt hại, phí, tổn hại nào mà Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm đã bỏ ra để ngăn chặn hoặc khắc phục hành vi vi phạm nào nêu trên bao gồm nhưng không giới hạn việc toàn quyền đề nghị Công Ty Lưu Ký Chứng Khoán đóng/mở chức năng rút/chuyển tiền trên Tài Khoản Lưu Ký Chứng Khoán, và toàn quyền bán Cổ Phiếu Thế Chấp đảm bảo cho nghĩa vụ nợ của Trái Phiếu theo quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan.
- (b) Nếu bất kỳ Trái Phiếu nào bị tuyên bố đến hạn và phải được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mua lại sau khi xảy ra một Sự Kiện Vi Phạm tại Điều 14.3 trên mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó thì Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm sẽ tiến hành xử lý Tài Sản Bảo Đảm theo quy định của Các Hợp Đồng Bảo Đảm và Các Điều Khoản Và Điều Khoản Trái Phiếu này và phù hợp quy định của pháp luật.
- (c) Vì bất cứ lý do gì nếu sau khi xử lý Các Tài Sản Bảo Đảm mà số tiền thu được từ việc xử lý Các Tài Sản Bảo Đảm vẫn không đủ để thanh toán cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm, thì Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cam kết thanh toán phần còn thiếu cho Những Người Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm trong vòng tối đa 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nhận được yêu cầu thanh toán của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- (d) Trong trường hợp xử lý Các Tài Sản Bảo Đảm, toàn bộ số tiền thu được sẽ được chuyển vào tài khoản do Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ định để thanh toán tất cả các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm, số tiền còn lại (nếu có) sẽ được trả lại cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và/hoặc Bên Bảo Đảm khác (nếu áp dụng) trong vòng 03 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày hoàn tất thanh toán các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm.
- (e) Trừ trường hợp Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan hoặc Các Điều Khoản Và Điều Khoản Trái Phiếu này có quy định khác, Người Sở Hữu Trái Phiếu không tự mình (mà sẽ thông qua Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm) thực hiện việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm theo quy định của các Hợp Đồng Bảo Đảm.

Chi tiết các nội dung về Tài Sản Bảo Đảm, cam kết bảo đảm, phương án xử lý Tài Sản Bảo Đảm sẽ được quy định chi tiết tại Các Điều Khoản Trái Phiếu kèm theo Hợp Đồng Đại Diện

Người Sở Hữu Trái Phiếu, các Hợp đồng Bảo Đảm.

17.6 Định giá lại, thay thế bổ sung Tài Sản Bảo Đảm

- (a) Tài Sản Bảo Đảm được định giá định kỳ hoặc định giá lại bất thường theo các quy định chi tiết tại Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm tương ứng ("**Ngày Định Giá**"). Tại bất kỳ Ngày Định Giá nào, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và/hoặc các Bên Bảo Đảm sẽ phải bổ sung căn cứ theo quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm.
- (b) Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc các Bên Bảo Đảm có quyền thay thế một phần hoặc toàn bộ Tài Sản Bảo Đảm, bổ sung các Tài Sản Bảo Đảm đáp ứng các điều kiện về Tài Sản Bảo Đảm theo quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm và đảm bảo ngay sau khi thay thế/bổ sung Tài Sản Bảo Đảm thì Tỷ Lệ Bảo Đảm không thấp hơn 40% (Bốn mươi phần trăm).
- (c) Trường hợp Tài Sản Bảo Đảm bổ sung và hoặc thay thế là (i) tiền và/hoặc (ii) sổ tiết kiệm và/hoặc (iii) hợp đồng tiền gửi và/hoặc (iv) giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng phát hành và/hoặc (v) Cổ Phiếu: Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và/hoặc Bên Bảo Đảm thống nhất phương án bổ sung và hoặc thay thế Tài Sản Bảo Đảm với Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu. Để làm rõ, trường hợp này, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc bổ sung và hoặc thay thế Tài Sản Bảo Đảm của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và/hoặc Bên Bảo Đảm (bao gồm và không giới hạn việc xác định/định giá trị Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung, chỉ định một hoặc một vài tổ chức nhận tài sản bảo đảm khác cùng phối hợp với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và/hoặc Bên Bảo Đảm sửa đổi, bổ sung bất kỳ Hợp Đồng Bảo Đảm nào có liên quan hoặc ký Hợp Đồng Bảo Đảm khác và đăng ký Biện Pháp Bảo Đảm theo quy định tại Hợp Đồng này và quy định của pháp luật) mà không cần phải thông qua ý kiến của Người Sở Hữu Trái Phiếu. Trong thời hạn 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thống nhất phương án bổ sung Tài Sản Bảo Đảm bổ sung, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và/hoặc Bên Bảo Đảm phải có trách nhiệm phối hợp với các tổ chức nhận tài sản bảo đảm để hoàn thành các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để bổ sung Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung (bao gồm và không giới hạn việc sửa đổi, bổ sung bất kỳ Hợp Đồng Bảo Đảm nào có liên quan hoặc ký Hợp Đồng Bảo Đảm khác và đăng ký Biện Pháp Bảo Đảm theo quy định tại Hợp Đồng này và quy định của pháp luật).
- (d) Trường hợp Tài Sản Bảo Đảm bổ sung hoặc thay thế không phải là (i) tiền và/hoặc (ii) sổ tiết kiệm và/hoặc (iii) hợp đồng tiền gửi và/hoặc (iv) giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng

phát hành và/hoặc (v) Cổ Phiếu: Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải xin ý kiến của những Người Sở Hữu Trái Phiếu về phương án bổ sung, thay thế Tài Sản Bảo Đảm bổ sung, thay thế sau khi thống nhất với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Trường hợp trái phiếu đã đăng ký tại VSDC, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cần thực hiện các nội dung liên quan với VSDC để cung cấp cho Đại Diện Người Sở Hữu một danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu cần lấy ý kiến. Những Người Sở Hữu Trái Phiếu phải đưa ra ý kiến thông qua nghị quyết/quyết định của Người Sở Hữu Trái Phiếu về việc (i) chấp nhận phương án bổ sung, thay thế Tài Sản Bảo Đảm bổ sung, thay thế hoặc (ii) nếu không chấp thuận, thì yêu cầu cụ thể (hành động một cách hợp lý) về việc bổ sung, thay thế Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung.

- (e) Trong thời hạn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc từ ngày có ý kiến của những Người Sở Hữu Trái Phiếu tại điểm (d) nêu trên (hoặc một thời hạn khác dài hơn theo chấp thuận của Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm), Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết phải làm việc với các Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm để:

- (i) thống nhất về việc bổ sung Tài Sản Bảo Đảm bổ sung, thay thế phù hợp với ý kiến của những Người Sở Hữu Trái Phiếu; và
- (ii) hoàn thành các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để bổ sung, thay thế Tài Sản Bảo Đảm bổ sung, thay thế, kể cả sửa đổi, bổ sung bất kỳ Hợp Đồng Bảo Đảm nào có liên quan, ký Hợp Đồng Bảo Đảm khác và cập nhật đăng ký Biện Pháp Bảo Đảm theo Hợp Đồng Bảo Đảm đó hoặc đăng ký Biện Pháp Bảo Đảm theo Hợp Đồng Bảo Đảm khác đó.

18. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và Điều lệ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không giới hạn về tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu đối với nhà đầu tư nước ngoài.

19. Các loại thuế có liên quan

Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với các nhà đầu tư. Vì vậy, các nhà đầu tư Trái Phiếu nên tham khảo ý kiến các chuyên gia về các loại thuế có liên quan áp dụng đối với những trường hợp cụ thể.

a. Thuế thu nhập cá nhân

Thu nhập từ lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu của cá nhân được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC được sửa

đổi và bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC và sẽ được khấu trừ với mức như sau:

- Thu nhập từ lãi Trái Phiếu được xem là thu nhập đầu tư vốn. Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập đầu tư vốn là 5%.
- Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

b. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai doanh thu chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu theo quy định tại Thông tư 103/2014/TT-BTC với mức thuế suất áp dụng như sau:

- Mức thuế suất áp dụng đối với lãi từ Trái Phiếu là 5%;
- Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu là 0,1% trên tổng doanh thu chuyển nhượng Trái Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.

c. Thuế giá trị gia tăng

Theo các quy định tại Thông tư 219/2013/TT-BTC, lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

d. Khấu trừ thuế

Các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết thanh toán sau khi đã khấu trừ bất kỳ loại thuế, phí hoặc bất cứ loại lệ phí nào (“Thuế”) do bất kỳ cơ quan có thẩm quyền hoặc bất kỳ cơ quan nào của Chính phủ Việt Nam có quyền ban hành hoặc áp dụng thuế.

Chi phí hành chính liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do VSD ấn định khi Trái Phiếu được Chuyển Quyền Sở Hữu, theo quy định của pháp luật và thông lệ thị trường. Để làm rõ, khoản tiền mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết thanh toán theo Trái Phiếu sẽ là khoản tiền còn lại sau khi đã khấu trừ Thuế và Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không phải thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào để bù đắp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN****Công ty TNHH kiểm toán Deloitte Việt Nam**

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 15, toà nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : 02473.045688

Website : <https://mbs.com.vn/>**2. TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH, ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU, TỔ CHỨC QUẢN LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM****Công ty cổ phần Chứng khoán MB**

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 7-8, toà nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (024) 7304 5688

Website : <https://mbs.com.vn/>**3. TỔ CHỨC CUNG CẤP CHỨNG THƯ ĐỊNH GIÁ****Chi nhánh Hà Nội – Công ty cổ phần Giám định và Thẩm định tài sản Việt Nam**

Địa chỉ: T5 (LK11B*-5) Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0986689038

Website: www.giamdinhthamdinh.vn**4. TỔ CHỨC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM****Công ty Cổ phần Sài Gòn Phát Thịnh Ratings**

Địa chỉ: Số 78-80 Lê Văn Thiêm, Khu phố Phú Mỹ Hưng, phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 28 5410 6239

Website: www.saigonratings.com

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2. Phụ lục II: Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
3. Phụ lục III: Biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm
4. Phụ lục IV: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết
5. Phụ lục V: Báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết
 - Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023
 - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024
 - Báo cáo tài chính Quý I năm 2025
6. Phụ lục VI: Báo cáo về những tranh chấp pháp luật
7. Phụ lục VII: Hợp đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

Được lập tại Thái Nguyên, ngày 16 tháng 5 năm 2025

TỔ CHỨC NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Văn Thời

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Minh Hiếu

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thị Thu Hà

TRƯỜNG BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Đào Đức Thanh

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB
Quyền Giám đốc Khối Dịch Vụ Ngân Hàng Đầu Tư



Lê Thị Thu Hiền